

Chương V

CHÍNH THỂ VÀ SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC TAM QUYỀN PHÂN LẬP TRONG TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. PHÂN LOẠI CHÍNH THỂ VÀ SỰ ĐỀ CẬP NGUYÊN TẮC TAM QUYỀN PHÂN LẬP TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Phân loại chính thể các quốc gia ASEAN

Trong khoa học Luật Hiến pháp, “chính thể” là thuật ngữ dùng để chỉ mô hình tổ chức bộ máy nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp cao nhất của một quốc gia. Đối với quốc gia đơn nhất, chính thể là mô hình tổ chức bộ máy nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp Trung ương; đối với quốc gia Liên bang đó là mô hình tổ chức bộ máy nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp Liên bang. Theo nghĩa đó, nói tới chính thể là nói tới mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước cao nhất ở mỗi quốc gia, bao gồm nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp được thể hiện trong Hiến pháp.

Có hai tiêu chí thường được sử dụng để phân loại các chính thể trên thế giới. Tiêu chí thứ nhất là cách thức hình thành các cơ quan nhà nước để nắm giữ và thực hiện

quyền lực nhà nước, đặc biệt là cách thức hình thành nên nguyên thủ quốc gia. Nếu nguyên thủ quốc gia được hình thành bằng con đường kế truyền; người dân hoàn toàn nằm ngoài quá trình đó thì tương ứng với nó, quốc gia có chính thể quân chủ. Nếu nguyên thủ quốc gia được hình thành bằng con đường do nhân dân bầu trực tiếp hoặc gián tiếp thì đó là chính thể cộng hòa. Tiêu chí thứ hai là mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp cao nhất trong bộ máy nhà nước. Tiêu chí này được sử dụng để phân loại các nước thuộc hai chính thể lớn là quân chủ và cộng hòa theo các chính thể nhỏ hơn. Nếu nguyên thủ quốc gia do người dân bầu trực tiếp và nắm quyền hành pháp thì quốc gia tương ứng có chính thể cộng hòa tổng thống. Nếu Nghị viện được bầu trực tiếp và nắm quyền lập pháp, đồng thời nguyên thủ quốc gia không được bầu trực tiếp và không nắm quyền hành pháp thì quốc gia tương ứng có chính thể cộng hòa đại nghị,...

Hai tiêu chí trên đây có thể được sử dụng để phân loại chính thể của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp ngoại lệ, ví dụ, một quốc gia tuy có nguyên thủ quốc gia được chọn trong một phạm vi đối tượng nào đó và tại vị theo nhiệm kỳ nhưng vẫn có thể bị xếp vào chính thể quân chủ. Ngoài ra, mỗi quốc gia sau khi đã được phân loại vào một chính thể nhất định còn có thể được gắn thêm những cụm từ nhất định vào phía sau tên gọi chính thể. Sở dĩ có điều đó là vì, các quốc gia tuy có thể được xếp vào cùng một loại chính thể nhưng trong tổ chức bộ máy nhà nước của chúng vẫn có

những đặc thù nhất định và cụm từ thêm vào phía sau tên gọi chính thể của chúng để phản ánh những nét đặc thù đó.

Nếu xem xét nội dung của Hiến pháp các quốc gia ASEAN dựa trên các tiêu chí và cách thức phân loại trên đây, chính thể của các quốc gia ASEAN có thể được phân loại như sau:

- Các nước theo chính thể quân chủ: bao gồm Negara Brunây Đarussalam (Brunây), Vương quốc Campuchia, Vương quốc Thái Lan và Liên bang Malaixia. Tất cả các quốc gia này đều có một điểm chung là nguyên thủ quốc gia đều là Quốc vương. Quốc vương nắm chức vụ thông qua con đường kế truyền hoặc lựa chọn trong một phạm vi hẹp theo một cách thức mà không có sự tham gia của công chúng. Tuy thuộc về một nhóm lớn là chính thể quân chủ song các quốc gia này lại có cách thức tổ chức quyền lực nhà nước giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở cấp cao nhất hết sức khác nhau. Chính vì vậy, các quốc gia này lại được xếp vào những nhóm chính thể nhỏ rất khác nhau. Brunây có chính thể quân chủ chuyên chế Hồi giáo; Campuchia và Thái Lan là những quốc gia theo chính thể quân chủ lập hiến, hay nói cách khác là quân chủ đại nghị; và Malaixia có chính thể quân chủ lập hiến Hồi giáo có phần nào đặc điểm của quân chủ đại nghị. Chi tiết về chính thể của các quốc gia này sẽ được phân tích kỹ hơn ở các mục dưới đây.

- Các quốc gia theo chính thể cộng hòa: bao gồm Cộng hòa Xingapo, Cộng hòa Indônêxia, Cộng hòa Philippin, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Liên bang Mianma.

Nguyên thủ quốc gia ở các quốc gia này đều được người dân bầu bằng cách thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Các quốc gia này lại có thể được phân loại thành các nhóm chính thể nhỏ hơn. Xingapo về hình thức là chính thể cộng hòa lưỡng tính, song trên thực tế lại vận hành như một chính thể cộng hòa đại nghị. Indônêxia và Philíppin là những chính thể cộng hòa tổng thống đúng nghĩa. Các quốc gia Lào và Mianma đều có chính thể cộng hòa đại nghị, song Mianma lại có sự tham gia sâu rộng của quân đội vào chính quyền. Chính thể của các quốc gia này sẽ được phân tích kỹ hơn ở các mục dưới đây.

2. Sự đề cập nguyên tắc tam quyền phân lập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Nguyên tắc tam quyền phân lập, hiểu theo nghĩa chung nhất là nguyên tắc áp dụng trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp cao nhất của một quốc gia mà theo đó ba quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp được thực hiện bởi những chủ thể khác nhau. Ở nghĩa chung nhất, tam quyền phân lập cũng có thể được hiểu là sự phân chia giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để thực hiện bởi những chủ thể khác nhau; không có chủ thể nào đồng thời thực hiện nhiều hơn một trong ba quyền đó. Nguyên tắc tam quyền phân lập được nhà triết học và chính trị học thời Khai sáng là Bá tước Môngtexkiơ kế thừa và phát triển từ những tư tưởng chính trị cổ đại vào đầu thế kỷ XVIII. Cho đến nay, cùng với nguyên tắc chủ quyền nhân dân của Rút-xô, nguyên tắc tam quyền phân lập đã trở thành một trong

hai nguyên tắc được áp dụng phổ biến nhất trong tổ chức và hoạt động của các bộ máy nhà nước tư bản¹.

Trong số chín bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây, nguyên tắc tam quyền phân lập được nhắc tới một cách cụ thể và trực tiếp ở hai bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp Campuchia và Mianma. Điều 51 Hiến pháp Campuchia ghi nhận nguyên tắc này như sau: quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải riêng biệt nhau. Hiến pháp Mianma quy định về nguyên tắc này một cách cụ thể và rõ ràng hơn: “ba nhánh của quyền chủ quyền là quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp tách biệt với nhau ở mức độ có thể và thực hiện sự kiểm soát, kiểm chế và đối trọng lẫn nhau. Ba nhánh quyền này tách biệt và được phân chia giữa cấp chính quyền Liên bang, vùng, bang và khu tự quản”². Như vậy là, Hiến pháp Mianma không những ghi nhận nội dung nguyên tắc tam quyền phân lập mà còn phần nào quy định nguyên tắc vận hành của nó trong tổ chức bộ máy Nhà nước từ cấp Liên bang tới cấp bang. Cách thức vận hành đó làm người ta liên tưởng tới cơ chế kiểm chế đối trọng trong bộ máy nhà nước Liên bang áp dụng nguyên tắc tam quyền phân lập cứng của bộ máy nhà nước cấp Liên bang của Hoa Kỳ. Quy định trong Điều 11 Hiến pháp Mianma là như vậy, song, như phân tích dưới đây,

1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001) (BT).

2. Điều 11 Hiến pháp Mianma hiện hành.

điều đó không đương nhiên dẫn tới việc nguyên tắc tam quyền phân lập cũng được tuân thủ triệt để trong tổ chức bộ máy nhà nước Mianma.

Trong số các bản Hiến pháp còn lại, Hiến pháp của Indônêxia, Lào, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Thái Lan không ghi nhận cụ thể nguyên tắc tam quyền phân lập. Song, các bản Hiến pháp này đều chịu ảnh hưởng của nguyên tắc này khi quy định về tổ chức bộ máy nhà nước. Trong bộ máy nhà nước ở cấp cao nhất ở các quốc gia này đều có cơ quan thực hiện quyền lập pháp riêng biệt so với cơ quan thực hiện quyền hành pháp và cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Tất nhiên, ở mỗi quốc gia như vậy, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đều có những nét đặc thù về tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn. Như vậy, có thể nói, các bản Hiến pháp nói trên cũng gián tiếp ít nhiều chịu ảnh hưởng và thể hiện hoặc tiếp thụ yếu tố nhất định của nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Hiến pháp Brunây được coi là một hiện tượng đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ, Brunây theo chính thể quân chủ chuyên chế với Quốc vương ở vị trí tối cao. Trong tổ chức bộ máy, có những cơ quan có chức năng lập pháp, hành pháp hay tư pháp và những cơ quan này cũng riêng biệt với nhau. Tuy vậy, Quốc vương lại là người chi phối toàn bộ quyền lực nhà nước, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, mặc dù không trực tiếp thực hiện các quyền đó. Như vậy, có thể nói, nguyên tắc tam quyền phân lập đã được vận dụng một cách hình thức như một công cụ để Quốc vương Brunây thực hiện sự cai trị tuyệt đối của mình.

II. CHÍNH THỂ QUÂN CHỦ TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

1. Hiến pháp Negara Brunây Darussalam và chính thể quân chủ chuyên chế Hồi giáo

Như thể hiện trong Hiến pháp Brunây, chính thể hiện tại của Brunây có sự kết hợp giữa mô hình quân chủ chuyên chế Á Đông và quân chủ thần quyền Hồi giáo Mã Lai. Sự kết hợp giữa hai mô hình này đem đến cho Brunây một chính thể quân chủ chuyên chế Hồi giáo với vai trò tối cao tuyệt đối của Quốc vương với tư cách là người nắm trọn vẹn cả thế quyền và thần quyền. Vai trò độc tôn của Quốc vương trong tổ chức quyền lực nhà nước Brunây được thể hiện rất rõ trong các quy định của Hiến pháp. Như trên đã đề cập, Hiến pháp của Brunây hoàn toàn không phải là đạo luật tối cao của quốc gia mà thực chất chỉ là một công cụ để Quốc vương thực hiện sự cai trị của mình đối với toàn bộ Vương quốc. Trong Hiến pháp đó có quy định về các cơ quan có chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp, thậm chí cả cơ quan có quyền giải thích Hiến pháp. Song, tất cả các cơ quan đó đều xoay quanh Quốc vương, phục vụ sự cai trị của Quốc vương. Một trong những cụm từ phổ biến nhất trong các quy định của Hiến pháp Brunây về tổ chức bộ máy nhà nước là “phục vụ theo sự hài lòng của Quốc vương”.

Trong Hiến pháp của Brunây không có chương nào quy định riêng về Quốc vương bởi vì, đơn giản Quốc vương là người đứng trên tất cả, nắm toàn bộ quyền lực trong Vương quốc Brunây. Quốc vương chính là chủ quyền quốc

gia và là người ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Hiến pháp. Quốc vương cũng chính là người đứng đầu tôn giáo chính thống của Brunây - Hồi giáo. Với tư cách này, Quốc vương có quyền tự mình ban hành và áp dụng Luật Hồi giáo cho toàn Vương quốc. Có hai hội đồng tương ứng tư vấn giúp Quốc vương ban hành và áp dụng Luật Hồi giáo là Hội đồng tôn giáo và Hội đồng Adat Istiadat. Tuy nhiên, tất cả các thành viên của hai hội đồng này đều do Quốc vương bổ nhiệm và bãi nhiệm theo ý muốn và Quốc vương không bắt buộc phải theo ý kiến tư vấn của hai hội đồng¹.

Ngôi báu của Vương quốc Brunây được chuyển giao qua con đường kế truyền trong gia đình của hoàng gia và hoàn toàn tùy thuộc vào sự lựa chọn của Quốc vương hiện tại. Trong Tuyên bố về chấp chính và thừa kế ngôi vua do Quốc vương Brunây ban hành có tuyên bố rõ tên của thái tử sẽ kế vị ngôi vua và quyền của Quốc vương được phế truất ngôi vị thái tử để lập người khác làm người kế vị vào bất kỳ lúc nào. Trong trường hợp bị vua cha phế truất, thái tử lập tức bị tước tư cách kế vị ngôi vua. Trường hợp Quốc vương đương nhiệm vì lý do gì đó qua đời mà không thể hiện được ý chí của mình là chọn ai làm thái tử thì ngôi vua sẽ tự động được truyền cho người con trai cả của Quốc vương hoặc cho người cháu trưởng trực hệ của Quốc vương². Trong cách thức chuyển giao ngôi vua của Brunây không hề có sự tham gia cho dù là

1. Điều 3, 3A Hiến pháp Brunây hiện hành.

2. Điều 3 Tuyên bố về chấp chính và thừa kế ngôi vua.

với vai trò tích cực hay thụ động của nhân dân. Cách thức kế truyền ngôi báu của Brunây thể hiện đầy đủ đặc điểm của chính thể quân chủ chuyên chế.

Đóng vai trò cố vấn trực tiếp cho Quốc vương Brunây trong việc thực hiện vai trò của nguyên thủ quốc gia có Hội đồng Cơ mật (*Privi Council*) và Hội đồng Ân xá (*Pardon Board*). Hội đồng Cơ mật bao gồm Phó vương, các quan chấp chính do Nhà vua phong, một số thành viên quý tộc đương nhiên và những người khác do Quốc vương bổ nhiệm. Tất cả các thành viên của Hội đồng Cơ mật đều phục vụ theo sự hài lòng của Quốc vương. Chức năng của Hội đồng này là cố vấn cho Quốc vương về các vấn đề sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, phong hàm, tước quý tộc và bất kỳ vấn đề nào khác mà Quốc vương giao. Hội đồng Ân xá bao gồm Luật sư trưởng (*Attorney General*), và bốn thành viên khác do Quốc vương chỉ định và cách chức. Tất cả những thành viên này đều phục vụ theo sự hài lòng của Quốc vương. Hội đồng Ân xá đóng vai trò cố vấn cho Quốc vương trong những trường hợp phạm tội xin ân xá. Các ý kiến cố vấn của Hội đồng Ân xá cũng như Hội đồng Cơ mật đều không có giá trị bắt buộc đối với Quốc vương¹.

Hiến pháp Brunây quy định quyền lập pháp ở vương quốc này hoàn toàn thuộc về Quốc vương. Khi đất nước nằm trong tình trạng khẩn cấp bao gồm cả tình trạng chiến tranh thì Quốc vương có toàn quyền ban hành luật cho Vương quốc dưới hình thức lệnh hoặc sắc lệnh. Đi kèm

1. Phần IV và IVA Hiến pháp Brunây hiện hành.

với quyền đó, Quốc vương cũng có thể ban hành các chế tài pháp lý đối với bất kỳ hành vi vi phạm nào, đồng thời, chỉ định bất kỳ Tòa án nào để xét xử những vi phạm đó. Theo quy định của Hiến pháp, Quốc vương cũng chính là người có quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp vào bất cứ khi nào và gần như là với bất cứ lý do nào¹. Trên thực tế, từ năm 1962 tới nay, Quốc vương Brunây luôn tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn Vương quốc và Lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp của Quốc vương liên tục được gia hạn hai năm một lần.

Trong thời bình, quyền lập pháp của Vương quốc Brunây cũng thuộc về Quốc vương. Hiến pháp Brunây quy định thành lập Hội đồng Lập pháp (*Legislative Council*) có chức năng trong lĩnh vực lập pháp tương tự như các cơ quan lập pháp ở các chính thể cộng hòa. Tuy nhiên, chức năng đó chỉ là hình thức; về bản chất thì Hội đồng Lập pháp của Brunây chỉ là một cơ quan tư vấn, giúp việc cho Quốc vương trong việc thực hiện quyền lập pháp của Quốc vương. Hội đồng này gồm các thành viên do Quốc vương bổ nhiệm, phục vụ không theo nhiệm kỳ và hoàn toàn tùy thuộc vào sự hài lòng của Quốc vương. Mỗi thành viên của Hội đồng đều có quyền trình hoặc đề nghị dự án luật. Dự án luật sau đó phải được trao đổi trong Hội đồng và được bỏ phiếu. Cho dù Hội đồng có đồng ý hay bác bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung dự luật thì dự luật đó cùng với ý kiến đa số của Hội đồng cũng sẽ được chuyển lên cho Quốc vương, người sẽ quyết định cuối cùng về việc có

1. Điều 83 Hiến pháp Brunây hiện hành.

ban hành dự luật đó hay không và nội dung dự luật đó là như thế nào. Nếu có ban hành dự luật với nội dung khác với nội dung do Hội đồng Lập pháp trình lên thì Quốc vương cũng không có nghĩa vụ phải thông báo lại với Hội đồng Lập pháp¹. Như vậy, rõ ràng quyền lập pháp thuộc về Quốc vương một cách tuyệt đối còn Hội đồng Lập pháp chỉ là một cơ quan giúp việc mà ý kiến của nó không có giá trị ràng buộc đối với Quốc vương.

Không những nắm quyền lập pháp, Quốc vương Brunây còn nắm toàn bộ quyền hành pháp, bao gồm cả quyền chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang hoàng gia của Brunây. Hiến pháp quy định Quốc vương cũng đồng thời là Thủ tướng Chính phủ. Giúp việc cho Quốc vương thực hiện quyền hành pháp là một Chính phủ bao gồm các bộ trưởng do Quốc vương bổ nhiệm và bãi nhiệm theo ý muốn của mình. Không những thế, Quốc vương còn tùy nghi bổ nhiệm và bãi nhiệm tất cả các thứ trưởng giúp việc cho các bộ trưởng trong Chính phủ. Tất cả các bộ trưởng và thứ trưởng trong bộ máy hành pháp đều phải tuyên thệ trung thành và phục vụ trong sự hài lòng của Quốc vương. Vì quyền hành pháp thuộc về cá nhân Quốc vương nên Quốc vương có thể tự mình quyết định bất kỳ vấn đề gì thuộc lĩnh vực hành pháp mà không cần tham vấn ý kiến của Chính phủ. Ngay cả trong trường hợp có tham vấn ý kiến Chính phủ thì Quốc vương cũng không có nghĩa vụ phải theo các ý kiến đó². Như vậy, rõ ràng là

1, 2. Các điều 39, 40, 43-46; các điều 4, 10, 11, 12, 18, 19 Hiến pháp Brunây hiện hành.

quyền hành pháp ở Vương quốc Brunây cũng hoàn toàn thuộc về Quốc vương.

Hiến pháp Brunây không có quy định một cách rõ ràng về cách thức tổ chức thực hiện quyền tư pháp. Hiến pháp chỉ đề cập một cách gián tiếp sự hiện diện của một Tòa án tối cao (*supreme court*), tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Tòa án này cũng như các Tòa án cấp dưới được điều chỉnh hoàn toàn bởi luật do Quốc vương ban hành. Như đề cập ở trên, Hiến pháp Brunây quy định rằng, khi có tình trạng khẩn cấp thì Quốc vương có quyền tùy nghi ban hành lệnh và sắc lệnh thay cho luật; và khi đó Quốc vương cũng có quyền tùy nghi chỉ định bất kỳ Tòa án nào để xét xử những vi phạm đối với những lệnh và sắc lệnh đó.¹ Tất cả những quy định đó cho thấy, Quốc vương Brunây kiểm soát toàn bộ quyền tư pháp của quốc gia.

Không những nắm trong tay quyền lực tuyệt đối, bao gồm toàn bộ thế quyền và thần quyền, Quốc vương Brunây còn được miễn trừ mọi trách nhiệm. Điều 84B Hiến pháp Brunây hiện hành quy định rằng, hành vi của Quốc vương không bao giờ có thể bị coi là sai cho dù làm với tư cách cá nhân hay tư cách Quốc vương. Vì vậy, Quốc vương không bao giờ phải can dự vào các thủ tục tố tụng ở bất cứ Tòa án nào vì những việc mình làm hoặc không làm trong hoặc sau khi tại nhiệm. Ngay cả những người được sự ủy quyền của Quốc vương để làm hoặc không làm một điều gì đó thì cũng không bao giờ phải chịu bất kể trách nhiệm gì đối với việc mình làm trong phạm vi được ủy quyền. Hơn nữa,

1. Các điều 2, 83 Hiến pháp Brunây hiện hành.

Tòa án Brunây cũng không được phép xem xét tính hợp Hiến và hợp pháp của bất kỳ hành vi nào của các cơ quan nhà nước. Những quy định trên đây rõ ràng tạo ra một bức tường vững chắc bảo vệ cho sự bất khả xâm phạm của quyền lực tuyệt đối của Quốc vương Brunây.

2. Hiến pháp Campuchia, Thái Lan và chính thể quân chủ lập hiến

Campuchia và Thái Lan đều theo chính thể quân chủ lập hiến. Nguyên thủ quốc gia là Quốc vương, bên cạnh có một bản Hiến pháp được ban hành một cách dân chủ, quy định về việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để hạn chế quyền lực của Quốc vương. Điều này được thể hiện rõ nét trong các quy định của Hiến pháp về tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước cao nhất của hai quốc gia này.

a) Quốc vương Campuchia và Quốc vương Thái Lan:

Hiến pháp Vương quốc Campuchia quy định rõ tại Điều 153 rằng chính thể của nước này là chính thể quân chủ lập hiến lưỡng viện (*bi-cameral constitutional monarchy*) và quy định về mô hình chính thể đó không được phép thay đổi kể cả khi Hiến pháp bị sửa đổi, bổ sung.

Khác với Hiến pháp Brunây, Hiến pháp Campuchia dành một chương - Chương II, để quy định về Quốc vương. Đây là một trong những chương lớn của Hiến pháp Campuchia với 24 điều quy định chi tiết về các vấn đề như cách thức hình thành, chức năng, quyền hạn và các vấn đề khác liên quan tới chế định nguyên thủ quốc gia của Campuchia.

Theo quy định của Hiến pháp này, Quốc vương Campuchia là nguyên thủ quốc gia suốt đời của Vương quốc Campuchia. Ngôi vị của Quốc vương là tôn kính và bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, khác hẳn với Brunây, Hiến pháp Campuchia quy định rất rõ rằng, Quốc vương Campuchia chỉ trị vì chứ không cai trị¹. Đây cũng là một nguyên tắc hiến định không thể bị thay đổi dù là trong trường hợp sửa đổi Hiến pháp. Nguyên tắc này có nghĩa là, vị trí của Quốc vương là cao nhất và tôn kính. Song, Quốc vương chủ yếu thực hiện các quyền mang tính lễ nghi mà thôi. Quốc vương là biểu tượng của đoàn kết và sự trường tồn của dân tộc, là biểu tượng bảo vệ cho độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Vương quốc Campuchia, người bảo vệ các quyền và quyền tự do của công dân và người bảo đảm thực thi các điều ước quốc tế mà Campuchia đã tham gia². Quốc vương cũng có vai trò như người “trọng tài tôn kính” bảo đảm cho việc thực hiện quyền lực nhà nước một cách trung thực nhất.

Việc kế truyền ngôi vua của Campuchia được thực hiện theo tư tưởng trọng nam. Quốc vương của Campuchia luôn là nam giới và phải là thành viên của gia đình hoàng gia thuộc dòng dõi trực hệ của các vua Ang Duong, Norodom hoặc Sisowath. Khác với Brunây, Quốc vương kế vị của Campuchia không phải do Quốc vương hiện tại mà là do Hội đồng hoàng gia về kế vị ngôi báu lựa chọn theo đề nghị của Quốc vương hiện tại. Hội đồng này bao gồm Chủ

1, 2. Điều 7; Điều 8 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

tịch Thượng nghị viện, Chủ tịch Hạ nghị viện, Thủ tướng Chính phủ, các vị quý tộc tước Mohanikey và Thammayut, Phó Chủ tịch thứ nhất và thứ hai của Thượng nghị viện và Hạ nghị viện. Trong trường hợp Quốc vương băng hà hoặc bị lâm vào tình trạng không thể thực hiện chức năng nguyên thủ quốc gia được thì sẽ có một quan chức nhà nước thực hiện chức năng của quan chấp chính. Quan chức nhà nước đó là một trong những người theo thứ tự sau: Chủ tịch Thượng nghị viện, Chủ tịch Hạ nghị viện, Phó Chủ tịch thứ nhất của Thượng nghị viện, Phó Chủ tịch thứ nhất của Hạ nghị viện, Phó Chủ tịch thứ hai của Thượng nghị viện, Phó Chủ tịch thứ hai của Hạ nghị viện. Tuy nhiên, trong bảy ngày kể từ ngày Quốc vương băng hà, Hội đồng hoàng gia về kế vị ngai báu phải tiến hành lựa chọn xong người kế vị¹.

Vợ của Quốc vương được mang tước hiệu cao quý là Hoàng hậu của Campuchia. Hiến pháp Campuchia quy định Hoàng hậu phải tham gia các hoạt động phục vụ lợi ích xã hội, nhân đạo, tôn giáo và tháp tùng Quốc vương trong các nghi lễ và thủ tục. Hoàng hậu bị cấm tuyệt đối không được tham gia vào chính trị, tiếp quản chức vụ nguyên thủ quốc gia hay đứng đầu chính quyền, không được nắm giữ bất kỳ chức vụ hành chính hay chính trị nào².

Quốc vương của Campuchia có những nhiệm vụ quyền hạn, chủ yếu mang tính chất lễ nghi, như sau³:

1, 2, 3. Các điều 10-14; các điều 15, 16; các điều 19, 21, 23-26, 28, 29 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

- Bổ nhiệm Thủ tướng và các Bộ trưởng theo đa số trong Hạ nghị viện.

- Tiếp và nghe báo cáo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng về tình hình quốc gia hai lần một tháng.

- Ký sắc lệnh bổ nhiệm, thuyên chuyển, kết thúc nhiệm vụ của các quan chức dân sự và quân sự cao cấp, đại sứ, đặc phái viên đặc mệnh toàn quyền theo đề cử của Hội đồng Bộ trưởng (tức là Chính phủ của Campuchia).

- Ký sắc lệnh bổ nhiệm, thuyên chuyển, cách chức các thẩm phán theo đề cử của Hội đồng thẩm phán tối cao.

- Giữ chức vụ Chỉ huy tối cao của các lực lượng vũ trang Khmer. Tuy nhiên, bên cạnh Quốc vương là chức vụ Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang do chính Quốc vương chỉ định để trực tiếp chỉ huy các lực lượng vũ trang Khmer.

- Giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng tối cao.

- Tuyên bố chiến tranh sau khi đã có sự phê chuẩn của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

- Tiếp nhận quốc thư của đại sứ và đặc phái viên đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài.

- Ký và phê chuẩn các hiệp định và điều ước quốc tế sau khi Hạ nghị viện và Thượng nghị viện đã phê chuẩn.

- Ký công bố Hiến pháp, luật do Hạ nghị viện ban hành và Thượng nghị viện đã thông qua, ký sắc lệnh hoàng gia theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng. Quốc vương không có quyền phủ quyết đối với các đạo luật đã được cơ quan lập pháp thông qua.

- Đặt và phong các huân chương nhà nước theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, phong các tước hiệu dân sự và quân sự theo quy định của luật liên quan.

- Tuyên bố tình trạng khẩn cấp sau khi đã có sự đồng thuận của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hạ nghị viện và Chủ tịch Thượng nghị viện.

- Giải tán Hạ nghị viện theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ có sự chấp thuận của Chủ tịch Hạ nghị viện trong trường hợp Chính phủ hoàng gia Campuchia bị buộc phải từ chức ít nhất hai lần trong cùng một năm.

Ngoài những nhiệm vụ quyền hạn mang tính lễ nghi như trên, Quốc vương Campuchia còn có quyền ra lệnh đặc xá¹. Đây là quyền hạn duy nhất tương đối thực chất của Quốc vương Campuchia mà Quốc vương có thể tự mình thực hiện mà không phụ thuộc vào ý kiến trước của bất kỳ ai.

Cũng giống như Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Vương quốc Thái Lan đặt Quốc vương vào vị trí nguyên thủ quốc gia tôn kính và bất khả xâm phạm. Hiến pháp Thái Lan thậm chí còn quy định Quốc vương được miễn trừ khỏi mọi việc kiện tụng hoặc buộc tội. Quốc vương Thái Lan cũng giữ vị trí người đứng đầu các lực lượng vũ trang Thái Lan. Việc kế vị ngôi báu hoàn toàn do Quốc vương tại nhiệm quyết định theo Đạo luật về kế truyền ngôi báu được ban hành từ năm 1924. Theo Đạo luật này, việc chỉ định người được kế thừa ngôi báu sẽ được thực hiện tuân tự từ người con trai cả tới các người con trai theo thứ tự tiếp theo của Quốc vương đang trị vì. Hiến pháp Thái Lan chỉ quy định một điều kiện duy nhất, đó

1. Điều 27 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

là Quốc vương phải là Phật tử. Đạo luật về kế truyền ngôi báu này có thể được Quốc vương tị nhiệm sửa bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào. Vì vậy có thể nói rằng, việc kế vị ngôi báu ở Vương quốc Thái Lan hoàn toàn do Quốc vương tị nhiệm quyết định. Khi Quốc vương đi vắng hoặc không thực hiện được chức năng của mình thì Quốc vương có thể chỉ định một Nhiếp chính làm người thay thế mình. Trong trường hợp không có Nhiếp chính mà Quốc vương bị lâm vào tình trạng không có khả năng thực hiện chức năng của mình thì Hội đồng Cơ mật sẽ tiến cử một người để Nghị viện phê chuẩn làm Nhiếp chính¹.

So với Quốc vương Campuchia, Quốc vương Thái Lan có những nhiệm vụ, quyền hạn khá lớn và mang tính thực chất cao như sau²:

- Quyền ký công bố các đạo luật do Nghị viện Thái Lan ban hành. Nói chung, các nguyên thủ quốc gia trên thế giới đều có quyền này và quyền này được xem là chỉ mang tính thủ tục, bởi lẽ, một khi Nghị viện đã thông qua một đạo luật với một tỷ lệ nào đó thì thông thường nguyên thủ quốc gia có nhiệm vụ phải công bố đạo luật đó. Đối với Quốc vương Thái Lan thì không phải như vậy, bởi vì, Quốc vương Thái Lan còn có thêm quyền phủ quyết và quyền giải tán Nghị viện. Như phân tích sau đây, hai quyền này hỗ trợ và làm cho quyền ký công bố đạo luật của Quốc vương Thái Lan mang tính thực chất cao.

1, 2. Các điều 8, 9, 18, 19; các điều 90, 150, 151, 153 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

- Quyền phủ quyết đạo luật do Nghị viện đã thông qua. Sau khi một đạo luật do Nghị viện thông qua, Thủ tướng Thái Lan sẽ trình đạo luật đó lên Quốc vương để ký công bố. Tuy nhiên, Quốc vương có quyền không ký công bố và gửi trả lại hoặc không gửi trả lại đạo luật đó cho Nghị viện trong vòng 90 ngày. Khi đó, mặc nhiên được hiểu là đạo luật đã bị Quốc vương phủ quyết. Nghị viện có quyền xem xét lại đạo luật đó và nếu tiếp tục thông qua đạo luật đó với tỷ lệ tối thiểu 2/3 tổng số đại biểu Nghị viện thì Quốc vương buộc phải ký công bố hoặc nếu không thì đạo luật cũng coi như đã được công bố.

- Quyền giải tán Hạ nghị viện - Điều 108 Hiến pháp không quy định Quốc vương phải tuyên bố lý do giải tán Hạ nghị viện mà chỉ quy định đây là đặc quyền của Quốc vương. Trong trường hợp Quốc vương giải tán Hạ nghị viện thì mọi đạo luật đã bị Quốc vương phủ quyết đều bị bãi bỏ.

Có thể nói là ba quyền trên đây đem lại cho Quốc vương Thái Lan uy thế rất lớn trong mối quan hệ với cơ quan lập pháp của Thái Lan. Với ba quyền này, có thể nói, Quốc vương Thái Lan có thể kiểm soát được cơ quan lập pháp. Nếu không đồng ý với một đạo luật nào đó của cơ quan lập pháp, trước tiên, Quốc vương có thể phủ quyết đạo luật đó. Việc phủ quyết sẽ buộc cơ quan lập pháp phải xem xét lại đạo luật mà mình vừa thông qua. Nếu cơ quan lập pháp, với số phiếu tập trung hơn, vẫn nhất quyết thông qua đạo luật, qua đó, đẩy thêm một bước mâu thuẫn với Quốc vương thì Quốc vương có thể giải tán Hạ nghị viện,

và do đó, làm cho đạo luật bị vô hiệu hóa, cho dù đạo luật đó đã được thông qua. Quyền giải tán Hạ nghị viện có thể được coi là vũ khí tối thượng của Quốc vương trong quan hệ với cơ quan lập pháp của Thái Lan. Đây có thể nói là một đặc điểm độc đáo của chính thể quân chủ lập hiến Thái Lan. Cũng có thể coi đây là một biện pháp hiến định mà các nhà lập hiến của Thái Lan đã đặt ra nhằm đối phó với trường hợp bất đồng giữa các đảng chính trị dẫn tới bế tắc chính trị ở vương quốc này. Khi đó, Quốc vương Thái Lan với những quyền năng của mình có thể đứng lên để tập hợp sự đoàn kết dân tộc, giải quyết bế tắc chính trị có thể xảy ra.

- Quyền ký kết hiệp ước hòa bình, hiệp ước đình chiến và các hiệp ước khác với các nước khác hoặc với các tổ chức quốc tế. Các hiệp ước làm thay đổi lãnh thổ Thái Lan hoặc có tác động lớn tới an ninh, xã hội, kinh tế quốc gia, các cam kết nội dung về thương mại, đầu tư hay ngân sách của đất nước đều phải được Nghị viện phê chuẩn¹.

- Quyền ban lệnh ân xá².

- Quyền rút lại tước vị và huân chương³.

Bên cạnh đó, Quốc vương Thái Lan, với tư cách nguyên thủ quốc gia cũng có những nhiệm vụ, quyền hạn mang tính lễ nghi cao, như⁴:

- Quyền ấn định ngày bầu cử Hạ nghị viện, Thượng nghị viện;

1, 2, 3, 4. Điều 190; Điều 191; Điều 192; các điều 107, 118, 124, 128, 127, 129, 158, 183, 184, 189, 193, 195, 200, 205, 220, 224, 229, 242, 246, 252, 254, 255, 273 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

- Bổ nhiệm Chủ tịch Hạ nghị viện, Thượng nghị viện theo nghị quyết của hai viện.

- Triệu tập, khai mạc, bế mạc kỳ họp Quốc hội.

- Quyền ký sắc lệnh kéo dài kỳ họp Nghị viện hoặc triệu tập họp bất thường theo đề nghị của nhóm nghị sĩ không ít hơn 1/3 tổng số thành viên đương nhiệm của cả hai viện.

- Quyền chỉ định lãnh đạo phe đối lập trong Hạ nghị viện. Lãnh đạo phe đối lập là người đứng đầu của đảng chính trị có nhiều ghế nhất trong số các đảng chính trị không có ghế Bộ trưởng, với điều kiện là đảng đó có ít nhất 1/5 tổng số ghế trong Hạ nghị viện.

- Quyền bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ.

- Quốc vương có đặc quyền cách chức một Bộ trưởng theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyền ban bố sắc lệnh khẩn cấp có hiệu lực như một đạo luật nhằm mục đích duy trì an ninh quốc gia, an toàn công cộng, an ninh kinh tế quốc gia, ngăn chặn bạo động phá phách. Tuy nhiên, việc ban bố sắc lệnh này cũng chỉ có thể được thực hiện theo đề nghị của cơ quan hành pháp.

- Quyền tuyên bố chiến tranh với sự phê chuẩn của Nghị viện hoặc của Thượng nghị viện nếu Nghị viện đang hết nhiệm kỳ hoặc giải thể.

- Quyền phong và giáng cấp hàm trong quân đội cũng như chức Quốc vụ khanh thường trực, tổng cục trưởng và chức vụ tương đương trong khối dân sự. Các lệnh phong, giáng cấp như vậy phải có sự tiếp ký của một Bộ trưởng của Chính phủ.

- Quyền bổ nhiệm và cách chức Chánh án và các Thẩm phán của các Tòa án. Việc bổ nhiệm được tiến hành trên cơ sở đề cử của một cơ quan hoặc một hội đồng nhất định, ví dụ việc bổ nhiệm Chánh án và Thẩm phán Tòa án Hiến pháp được thực hiện theo đề cử của Thượng nghị viện, việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án tư pháp và Tòa án hành chính được thực hiện theo đề cử của Ủy ban tư pháp của các Tòa án này.

- Quyền bổ nhiệm thành viên của các thiết chế hiến pháp độc lập như Ủy ban bầu cử, Thanh tra Nghị viện, Ủy ban Chống tham nhũng quốc gia, Ủy ban Kiểm toán nhà nước, Tổng Công tố, Ủy ban Nhân quyền quốc gia theo sự cố vấn của Thượng nghị viện.

- Triệu tập họp bất thường của Nghị viện theo đề nghị của Chủ tịch Nghị viện.

Sở dĩ, Hiến pháp Thái Lan trao cho Quốc vương những nhiệm vụ quyền hạn khá lớn và thực chất như đề cập trên đây là vì điều kiện hoàn cảnh lịch sử của Thái Lan trong thời gian vừa qua đầy biến động. Những cuộc đảo chính quân sự xảy ra khá thường xuyên làm cho đời sống chính trị rối loạn. Phong trào ly khai cũng đang nổi lên ở một địa phương ở phía Nam Thái Lan. Vấn đề đoàn kết, quy tụ dân tộc, vì vậy, trở thành một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với người Thái. Quốc vương chính là người luôn được người dân Thái Lan tôn kính, tin tưởng và vì vậy đã được Hiến pháp trao cho nhiều quyền khá mạnh mẽ để Quốc vương có đủ năng lực về mặt pháp lý để bảo vệ cho nền độc lập của đất nước, tập hợp được sự đoàn kết của nhân dân Thái Lan.

Bộ máy giúp việc cho Quốc vương Thái Lan thực hiện những nhiệm vụ quyền hạn hiến định của mình cũng được tổ chức khác biệt so với Campuchia và có phần nào đó giống với Hiến pháp Brunây. Giúp việc và đóng vai trò cố vấn cho Quốc vương Thái Lan là Hội đồng Cơ mật, bao gồm 1 Chủ tịch và tối đa 18 thành viên do Quốc vương chỉ định và cách chức. Thành viên của Hội đồng Cơ mật không được đồng thời là nghị sĩ hay nắm giữ bất kỳ vị trí nào trong bộ máy nhà nước hoặc thậm chí không được là viên chức doanh nghiệp quốc doanh cũng như không được là thành viên của bất kỳ đảng phái chính trị nào. Nói tóm lại, Hội đồng Cơ mật là một cơ quan hoàn toàn độc lập, có nhiệm vụ tư vấn cho Quốc vương trong việc ra mọi quyết định của Quốc vương trên tinh thần hoàn toàn khách quan¹.

b) Cơ quan lập pháp của Campuchia và Thái Lan:

Cơ quan lập pháp của Vương quốc Campuchia được tổ chức theo mô hình nghị viện lưỡng viện, bao gồm Quốc hội (*National Assembly*), tức Hạ nghị viện và Thượng nghị viện (*Senate*). Hai cơ quan này được thành lập một cách riêng rẽ và thường là hoạt động độc lập với nhau để thực hiện chức năng lập pháp. Cũng có trường hợp hai viện này họp và ra quyết định chung về những vấn đề quan trọng của đất nước Campuchia. Khi hai nghị viện họp chung như vậy được gọi là Nghị viện². Rất tiếc các trường hợp cụ thể mà Nghị viện họp và ra quyết định như

1. Các điều 13, 14 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Điều 116 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

vậy lại được quy định trong luật chứ không phải trong Hiến pháp.

Theo quy định của Hiến pháp Campuchia, Hạ nghị viện của Campuchia gồm có ít nhất 120 thành viên được bầu thông qua cuộc bầu cử tự do, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và kín. Các Hạ nghị sĩ được bầu theo các đơn vị bầu cử, song sau khi được bầu thì họ phải đại diện cho tất cả người dân Khmer chứ không chỉ cử tri của của đơn vị bầu cử. Hạ nghị sĩ có thể được tái bầu. Tiêu chuẩn để được bầu làm hạ nghị sĩ bao gồm: (1) Có quyền đi bầu, ít nhất 25 tuổi và có quốc tịch Khmer khi sinh ra. Nhiệm kỳ của hạ nghị viện là 5 năm và có thể được kéo dài 1 năm một lần mỗi khi có tình hình đặc biệt. Các Hạ nghị sĩ có thể được tái bầu. Hạ nghị sĩ không được phép kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào trong các cơ quan công quyền trừ trường hợp kiêm nhiệm chức vụ trong Chính phủ. Ngay cả khi đó, Hạ nghị sĩ đó cũng không được đồng thời là thành viên của bất kỳ cơ quan nào của Hạ nghị viện. Hạ nghị sĩ Campuchia được một số quyền miễn trừ, bao gồm đặc quyền không bị truy tố, bắt giam hoặc tạm giữ vì những ý kiến của họ trong quá trình thực thi nhiệm vụ đại biểu, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Mọi trường hợp khởi tố, bắt giam hoặc tạm giữ Hạ nghị sĩ đều phải được sự cho phép của Hạ nghị viện hoặc Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện. Nếu là bắt quả tang thì vụ việc phải được báo lên Hạ nghị viện hoặc Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện để quyết định. Quyết định của Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện cũng phải trình lên kỳ họp gần nhất của Hạ nghị viện để thông qua. Bất luận trong bất cứ trường

hợp nào, nếu 3/4 tổng số Hạ nghị sĩ thông qua thì việc bắt giam hoặc truy tố Hạ nghị sĩ đều phải chấm dứt. Hạ nghị sĩ được hưởng lương từ ngân sách nhà nước để làm công việc của người đại diện¹.

Hạ nghị viện Campuchia là cỗ máy chính thực hiện hoạt động lập pháp. Điều 90 Hiến pháp Campuchia quy định: “Hạ nghị viện là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp và thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Hiến pháp và luật”. Hạ nghị viện không được phép ủy thác quyền lập pháp cho bất kỳ cá nhân hoặc cơ quan nào khác. Ngoài quyền lập pháp, Hạ nghị viện Campuchia còn có một số quyền khác như phê chuẩn ngân sách quốc gia, các kế hoạch nhà nước, các khoản nợ, hợp đồng tài chính và việc thiết lập, sửa đổi và bãi bỏ các loại thuế; thông qua báo cáo của cơ quan hành chính; ban bố luật đặc xá; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các hiệp ước quốc tế và điều ước quốc tế; ban hành luật về tuyên bố chiến tranh; bỏ phiếu thông qua bất tín nhiệm đối với Chính phủ với tỷ lệ đồng thuận ít nhất là 2/3 tổng số đại Hạ nghị sĩ; và bãi nhiệm một hoặc một số thành viên nào đó của Chính phủ cũng với tỷ lệ đồng thuận ít nhất là 2/3 tổng số Hạ nghị sĩ.

Trong số các quyền của Hạ nghị viện, quyền lập pháp là quyền quan trọng nhất bởi đó là quyền cốt lõi để thực hiện chức năng lập pháp. Hiến pháp quy định Hạ nghị viện là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp song điều đó

1. Các điều 76, 79, 80, 81 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

không có nghĩa rằng Hạ nghị viện có toàn quyền trong lĩnh vực lập pháp. Hiến pháp Campuchia quy định về một cơ chế do Thượng nghị viện Campuchia thực hiện nhằm kiểm chế một cách tương đối quyền lập pháp của Hạ nghị viện. Hiến pháp Campuchia quy định chỉ có thành viên của Thượng viện, Hạ viện hoặc Thủ tướng Chính phủ mới có quyền trình dự án luật ra Hạ nghị viện. Các nghị viên cũng có quyền đề nghị sửa đổi luật nhưng với điều kiện dự thảo luật sửa đổi không được làm giảm nguồn thu công hoặc tăng gánh nặng cho nhân dân. Khi dự thảo luật đã được trình ra qua các công đoạn của thủ tục lập pháp và đã được Hạ nghị viện thông qua với đa số tuyệt đối, dự thảo đó sẽ được gửi tới Thượng nghị viện. Trong vòng một tháng sau đó, Thượng nghị viện phải xem xét dự luật. Nếu Thượng nghị viện thông qua hoặc sau khi quá thời hạn một tháng mới không thông qua thì coi như dự luật đã được thông qua và được gửi tới Quốc vương để công bố. Nếu Thượng nghị viện bác bỏ dự luật thì phải một tháng sau đó, Hạ nghị viện mới được xem xét lại dự luật. Trong lần xem xét này, nếu Hạ nghị viện vẫn được thông qua với đa số tuyệt đối thì dự luật được gửi tới Quốc vương để công bố. Như vậy, Thượng viện có quyền tương tự như quyền phủ quyết của Tổng thống Mỹ đối với các dự luật do Nghị viện Mỹ ban hành; tuy nhiên, “quyền phủ quyết” của Thượng nghị viện Campuchia có ít uy lực hơn nhiều.

Quyền bỏ phiếu thông qua bất tín nhiệm và bãi nhiệm thành viên Chính phủ cũng là một quyền quan

trọng của Hạ nghị viện Campuchia. Quyền này được hỗ trợ bởi một loạt các quyền khác của các ủy ban của Hạ nghị viện và của các Hạ nghị sĩ. Trước tiên, các Hạ nghị sĩ có quyền chất vấn Chính phủ. Đơn đề nghị chất vấn phải được gửi tới Chủ tịch Hạ nghị viện để được gửi cho Chính phủ. Trong thời hạn 7 ngày sau đó, Chính phủ sẽ phải trả lời chất vấn bằng văn bản hoặc lời nói. Tùy vào bản chất của nội dung chất vấn, Thủ tướng Chính phủ có thể phân công một hoặc một số Bộ trưởng trả lời hoặc tự mình trả lời nếu vấn đề liên quan tới chính sách chung của Chính phủ. Trong trường hợp trả lời chất vấn bằng lời nói, Chủ tịch Hạ nghị viện phải quyết định xem có tổ chức tranh luận hay không. Nếu không có tranh luận thì trả lời của thành viên Chính phủ được coi như trả lời cuối cùng, còn nếu có tranh luận thì lần lượt các bên liên quan và các nghị sĩ khác đều được tham gia. Hiến pháp quy định Hạ nghị viện phải chọn mỗi tuần 1 ngày để các Hạ nghị sĩ thực hiện quyền chất vấn của mình. Không chỉ cá nhân các Hạ nghị sĩ có quyền chất vấn Chính phủ; nhóm các Hạ nghị sĩ chiếm ít nhất 1/10 tổng số Hạ nghị sĩ cũng có quyền triệu tập bất kỳ quan chức cao cấp nào tới để trả lời các vấn đề chính sách. Các ủy ban của Hạ nghị viện cũng có quyền tương tự đối với bất kỳ Bộ trưởng nào. Mặc dù Hạ nghị viện không thể ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn cũng như thuyết trình chính sách này song bất cứ khi nào có 30 Hạ nghị sĩ đề nghị thì Hạ nghị viện phải tiến hành bỏ phiếu bất tín nhiệm. Tuy nhiên, Hiến pháp Campuchia không quy

định cụ thể số lượng Hạ nghị sĩ cần thiết để đưa ra đề xuất bỏ phiếu tín nhiệm Chính phủ¹.

Hạ nghị viện Campuchia họp thường lệ hai kỳ một năm. Mỗi kỳ họp kéo dài ít nhất 3 tháng. Nếu có đề nghị của Quốc vương, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất 1/3 tổng số Hạ nghị sĩ thì Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện sẽ phải triệu tập kỳ họp bất thường của Hạ nghị viện. Tất cả các kỳ họp của Hạ nghị viện đều được tiến hành công khai; để họp kín cần có sự đề nghị của Chủ tịch hạ nghị viện, Quốc vương, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất 1/10 tổng số Hạ nghị sĩ. Một cuộc họp toàn thể để ra quyết định của Hạ nghị viện cần phải có ít nhất 7/10 tổng số Hạ nghị sĩ².

Về mặt tổ chức, Hạ nghị viện Campuchia bao gồm Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện và một số ủy ban giúp việc. Ủy ban thường vụ Hạ nghị viện bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Chủ nhiệm ủy ban của Hạ nghị viện. Đây là cơ quan giải quyết các công việc của Hạ nghị viện giữa các kỳ họp. Sự xuất hiện của cơ quan này trong cơ cấu tổ chức của Hạ nghị viện là một nét đặc thù trong tổ chức bộ máy nhà nước của Campuchia. Trong khu vực ASEAN, ngoài Việt Nam chỉ còn một quốc gia nữa có thành lập cơ quan tương tự, đó là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Sự giống nhau giữa hai cơ quan đó được phân tích tại phần nghiên cứu về chính thể của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1, 2. Các điều 89, 96; các điều 83, 88 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

Thượng nghị viện của Campuchia bao gồm một số lượng Thượng nghị sĩ không vượt quá một nửa tổng số Hạ nghị sĩ. Hiến pháp Campuchia quy định Thượng nghị viện cũng là một cơ quan có quyền mang tính chất lập pháp. Tuy nhiên, như phân tích trên đây, vai trò của Thượng nghị viện Campuchia là khá khiêm tốn so với Hạ nghị viện. Trong khi Hạ nghị viện hoàn toàn kiểm soát chức năng lập pháp của Nhà nước thì Thượng nghị viện chỉ “phối hợp” với Hạ nghị viện trong việc thực hiện quyền này. Tiếng nói quyết định trong lĩnh vực lập pháp thuộc về Hạ nghị viện. Quyền phủ quyết của Thượng nghị viện như được đề cập trên đây làm cho Thượng nghị viện có vai trò chỉ như cơ quan “kiểm tra” theo nghĩa rộng hoạt động lập pháp của Hạ nghị viện để bảo đảm chất lượng của hoạt động lập pháp.

Khác với Hạ nghị sĩ, không phải tất cả Thượng nghị sĩ đều được hình thành thông qua con đường bầu cử. Trong tổng số các Thượng nghị sĩ, có hai người do Quốc vương chỉ định và hai người khác do Hạ nghị viện chỉ định; những thành viên còn lại được bầu phổ thông. Nhiệm kỳ của Thượng nghị viện là 6 năm và kết thúc khi Thượng nghị sĩ mới được bầu xong. Thượng nghị sĩ không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào khác trong bộ máy nhà nước, kể cả là thành viên của Chính phủ¹.

Ngoài những điểm khác với Hạ nghị viện như được nêu trên đây, các đặc điểm cơ bản khác về tổ chức và hoạt động của Thượng nghị viện đều giống với Hạ nghị viện.

1. Các điều 102, 103 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

Thượng nghị viện cũng có ngân sách riêng và cũng có hai phiên họp thường kỳ mỗi năm, mỗi phiên họp kéo dài ít nhất 3 tháng và có thể có các phiên họp bất thường theo cách thức triệu tập tương tự như đối với Hạ nghị viện. Tất cả các kỳ họp của Thượng nghị viện đều được tiến hành một cách công khai và chỉ có thể họp kín theo thủ tục và điều kiện giống như đối với Hạ nghị viện. Trong tổ chức của Thượng nghị viện cũng có Ủy ban thường vụ và các ủy ban chuyên trách của Thượng nghị viện. Trong đó, Ủy ban thường vụ Thượng nghị viện bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chủ nhiệm các ủy ban chuyên trách của Thượng nghị viện, đây là cơ quan thường trực, quản lý các công việc của Thượng nghị viện giữa các kỳ họp. Giống như Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ cũng được trả lương và được hưởng các đặc quyền miễn trừ về mặt tư pháp.

Trong Hiến pháp Campuchia quy định về Đại hội toàn quốc (*National Congress*). Đây là một cơ quan mang tính lâm thời, được triệu tập mỗi năm một lần, do Quốc vương đích thân chủ trì. Tất cả người dân Khmer không kể giới tính đều có quyền tham dự Đại hội toàn quốc. Mặc dù tính dân chủ thể hiện rõ nét như vậy song Đại hội toàn quốc không có chức năng lập pháp. Nhiệm vụ của cơ quan này là tạo diễn đàn để thông báo cho người dân về các vấn đề quan trọng của quốc gia đồng thời đưa ra các kiến nghị về những vấn đề đó để Thượng nghị viện, Hạ nghị viện và Cơ quan hành pháp phản ánh trong quá trình hoạt động của mình¹.

1. Các điều 147-149 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

Giống với Campuchia, cơ quan lập pháp của Thái Lan cũng là một nghị viện lưỡng viện, bao gồm Hạ nghị viện và Thượng nghị viện. Theo Hiến pháp Thái Lan, Nghị viện này được gọi là Quốc hội (*National Assembly*), trùng với tên gọi Hạ nghị viện của Campuchia. Hạ nghị viện của Thái Lan có 480 thành viên, trong đó, 400 đại biểu được bầu trực tiếp từ đơn vị bầu cử, số còn lại được bầu theo nguyên tắc đại diện tỷ lệ của các đảng phái chính trị. Nhiệm kỳ của Hạ nghị viện là 4 năm. Về cơ bản, các Hạ nghị sĩ của Thái Lan đều đại diện cho các đảng phái chính trị. Một trong các điều kiện quan trọng để được bầu làm hạ nghị sĩ là tư cách thành viên của một đảng phái chính trị nào đó trong thời gian không ít hơn 90 ngày trước ngày bầu cử. Nếu đã được bầu làm Hạ nghị sĩ mà bị mất tư cách thành viên đảng chính trị của mình trong thời gian nhiệm kỳ thì vị Hạ nghị sĩ đó sẽ đương nhiên mất tư cách Hạ nghị sĩ. Trong thành phần của Hạ nghị viện, đảng phái chính trị chiếm đa số sẽ được thành lập Chính phủ, còn các đảng chính trị chiếm thiểu số cũng được thành lập phe đối lập trong Hạ nghị viện, với một người lãnh đạo là thủ lĩnh của đảng nhiều ghế nhất trong số các đảng chính trị không có “chân” trong Chính phủ¹.

Thượng nghị viện của Thái Lan bao gồm 150 Thượng nghị sĩ. Mỗi tỉnh của Thái Lan được bầu một Thượng nghị sĩ và số Thượng nghị sĩ còn dư sẽ được chọn trực tiếp bởi một Ủy ban tuyển chọn Thượng nghị sĩ bao gồm

1. Các điều 93, 101, 102, 110 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Chủ tịch Toà án Hiến pháp, Chủ tịch Ủy ban Chống tham nhũng quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán nhà nước, một Thẩm phán từ Toà án tư pháp tối cao được ủy thác của Hội đồng toàn thể của Toà án tư pháp tối cao và một Thẩm phán Toà án hành chính tối cao được ủy thác của Hội đồng toàn thể Toà án hành chính tối cao. Thượng nghị sĩ là những thành viên có học thức với trình độ từ cử nhân trở lên, có độ tuổi ít nhất là 40 và có uy tín trong xã hội. Thượng nghị sĩ không được đại diện cho đảng phái. Thậm chí, Hiến pháp còn quy định rằng nếu một người đã từng là thành viên một đảng chính trị nhưng thời gian chấm dứt tư cách đó chưa đủ 5 năm kể từ ngày bầu cử thì cũng không đủ tư cách ứng cử vào ghế Thượng nghị sĩ. Như vậy, khác với Hạ nghị viện là cơ quan đại diện mang tính chất đảng phái, Thượng nghị viện hoàn toàn mang tính chất phi đảng phái¹.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nghị viện Thái Lan cũng như của từng viện được quy định khá tản mát trong Hiến pháp Thái Lan. Về cơ bản, nhiệm vụ, quyền hạn của Nghị viện Thái Lan xoay quanh việc thực hiện hai chức năng quan trọng là lập pháp và giám sát hoạt động hành chính. Trong tổ chức của Nghị viện, Hạ nghị viện thể hiện một vai trò quan trọng hơn trong việc thực hiện chức năng lập pháp, song vai trò đó không cao tới mức có thể được coi như “cỗ máy lập pháp chính” giống như Hạ nghị viện Campuchia. Hiến pháp Thái Lan quy định tất cả các luật đều chỉ có thể được thông qua nếu

1. Các điều 111-116 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

được Nghị viện, bao gồm cả hai viện, đồng thuận. Tất nhiên, ở đây còn đòi hỏi phải có thủ tục phê chuẩn và công bố của Quốc vương, người có quyền phủ quyết rất lớn như phân tích trên đây. Hiến pháp Thái Lan phân chia các đạo luật thành ba loại khác nhau: các luật cơ bản, các luật liên quan tới tiền tệ và các luật thông thường. Có sự khác nhau khá lớn trong thủ tục lập pháp áp dụng đối với từng loại luật. Luật cơ bản của Thái Lan là những luật có vai trò quan trọng nhất cho sự vận hành của bộ máy nhà nước, bao gồm các luật điều chỉnh về bầu cử Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ, Luật về Ủy ban bầu cử, Luật về các đảng phái chính trị, Luật về trưng cầu dân ý, Luật về thủ tục tố tụng của Tòa án Hiến pháp, Luật về thủ tục tố tụng hình sự đối với quan chức nhà nước, Luật về Thanh tra Quốc hội, Luật về chống tham nhũng và Luật về Kiểm toán nhà nước. Chỉ có những chủ thể sau mới được trình dự luật cơ bản: Chính phủ, tối thiểu 1/10 tổng số thành viên của Hạ nghị viện hoặc của toàn bộ Nghị viện, Tòa án Hiến pháp, Tòa án tối cao hoặc một thiết chế hiến định độc lập chịu trách nhiệm thi hành luật cơ bản có liên quan. Các dự luật cơ bản sau khi được Nghị viện thông qua bắt buộc phải được gửi tới Tòa án Hiến pháp để kiểm tra tính hợp hiến trước khi được Quốc vương công bố. Các luật về tiền tệ là các luật liên quan tới việc xác định các khoản thuế nội địa, thuế hải quan (thuế xuất khẩu, nhập khẩu), phân bổ thu chi ngân sách, các khoản vay, bảo đảm vay và hoàn trả vay của Nhà nước, vấn đề lưu thông tiền tệ. Một dự luật thông thường có thể được Chính phủ, nhóm Hạ nghị sĩ có tối thiểu 20 người,

Tòa án hoặc thiết chế hiến định độc lập (nếu luật liên quan tới tổ chức, hoạt động của các cơ quan này) hoặc nhóm cử tri có không dưới 10.000 người. Đối với dự luật liên quan tới tiền tệ thì việc trình dự luật bắt buộc phải có sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ¹.

Theo thủ tục thông thường, một dự luật bắt buộc phải được trình tới Hạ nghị viện trước. Sau khi được Hạ nghị viện thông qua, dự luật sẽ được chuyển cho Thượng nghị viện. Thượng nghị viện phải hoàn thành việc xem xét dự luật trên trong vòng sáu mươi ngày nhưng nếu đó là một dự luật về tiền tệ, việc xem xét nói trên phải được hoàn thành trong vòng ba mươi ngày với điều kiện Thượng nghị viện trong trường hợp đặc biệt có thể thông qua một nghị quyết kéo dài thời hạn nhưng không được nhiều hơn ba mươi ngày. Vượt quá những thời hạn này mà Thượng nghị viện chưa có ý kiến thì xem như Thượng nghị viện đã đồng ý với dự luật và trong trường hợp đó, dự luật được gửi tới Quốc vương để công bố. Nếu Thượng nghị viện bác bỏ dự luật thì dự luật được trả về cho Hạ nghị viện. Hạ nghị viện chỉ có thể xem xét lại dự luật này sau 180 ngày, khi đó, nếu Hạ nghị viện vẫn quyết định thông qua dự luật với đa số tuyệt đối Hạ nghị sĩ đồng ý thì dự luật đó sẽ được coi như đã được toàn thể Nghị viện thông qua và có thể được gửi tới Quốc vương để xem xét, công bố. Trong trường hợp dự luật bị Thượng nghị viện bác bỏ là dự luật về tiền tệ thì Hạ nghị viện có thể xem xét lại ngay sau khi dự luật bị gửi trả về từ Thượng nghị viện

1. Các điều 138, 139, 141-143 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

mà không phải lệ thuộc vào thời hạn 180 ngày¹. Như vậy, trong việc thực hiện chức năng lập pháp, Hạ nghị viện là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong lập pháp, trong khi đó, Thượng nghị viện có chức năng phê chuẩn, sửa đổi hoặc từ chối dự luật.

Ngoài chức năng lập pháp, Nghị viện Thái Lan còn có một chức năng hết sức quan trọng nữa là giám sát việc thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Chức năng này được thực hiện thông qua một loạt quyền mà Hiến pháp quy định cho Nghị viện và các nghị sĩ được thực hiện. Trước tiên, mỗi nghị sĩ đều có quyền chất vấn một Bộ trưởng về bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi phụ trách của Bộ trưởng. Tuy nhiên, mức độ triệt để của quyền chất vấn của Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ là khác nhau. Các Thượng nghị sĩ chỉ có thể thực hiện quyền chất vấn theo nhóm. Cụ thể là, nhóm Thượng nghị sĩ với số lượng không dưới 1/3 tổng số Thượng nghị sĩ có quyền đề xuất Thượng nghị viện tổ chức phiên họp để chất vấn thành viên của Chính phủ về một vấn đề nào đó và khi đó thành viên Chính phủ liên quan phải có mặt để giải trình. Quyền chất vấn của các Hạ nghị sĩ có mức độ triệt để hơn. Mỗi Hạ nghị sĩ đều có quyền thông báo cho Chủ tịch Hạ nghị viện bằng văn bản trước thời điểm bắt đầu phiên họp rằng mình muốn chất vấn Thủ tướng hoặc thành viên Chính phủ về một vấn đề nào đó có ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia hoặc xã hội. Hạ nghị sĩ đó không cần phải nêu rõ câu hỏi và Chủ tịch Hạ nghị

1. Các điều 146-148, 150, 151 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

viện bắt buộc phải đưa vấn đề chất vấn vào chương trình của phiên họp hôm đó. Theo quy định của Hiến pháp, việc chất vấn có thể diễn ra hàng tuần và mỗi Hạ nghị sĩ không được chất vấn quá 3 lần về cùng một vấn đề. Các Hạ nghị sĩ cũng có thể chất vấn theo nhóm. Khi một nhóm Hạ nghị sĩ với số lượng không dưới 1/10 tổng số Hạ nghị sĩ yêu cầu thì, Hạ nghị viện phải tổ chức phiên tranh luận chung nhằm thông qua việc bỏ phiếu bất tín nhiệm Thủ tướng Chính phủ. Khi đưa ra đề xuất, thậm chí nhóm Hạ nghị sĩ còn có quyền đề nghị tên người thay thế. Nếu Hạ nghị viện thông qua nghị quyết bất tín nhiệm với số phiếu đồng thuận từ 2/3 tổng số Hạ nghị sĩ trở lên thì Chủ tịch Hạ nghị viện có thể đề xuất tên Thủ tướng mới lên Quốc vương. Hiến pháp Thái Lan cũng dự liệu trường hợp phe thiểu số trong Hạ nghị viện có ít hơn tỷ lệ 1/10 tổng số Hạ nghị sĩ và không thể đưa ra kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm. Trong trường hợp đó, nhóm Hạ nghị sĩ với số lượng tối thiểu 1/2 số Hạ nghị sĩ đó có thể trình kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm Thủ tướng Chính phủ cũng như Bộ trưởng nào đó¹.

Ngoài việc phối hợp với Hạ nghị viện để thực hiện chức năng lập pháp và chức năng giám sát của Nghị viện nói chung, bản thân Thượng nghị viện của Thái Lan cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong cơ chế kiểm soát quyền lực của Thái Lan. Tất cả những quan chức cao cấp nhất trong tổ chức quyền lực nhà nước Thái Lan từ Thủ tướng, Bộ trưởng, Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ, Chánh án

1. Các điều 157-162 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Tòa án tư pháp tối, Chánh án Tòa án Hiến pháp, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, Tổng Công tố, Thẩm phán Tòa án Hiến pháp, Ủy viên Ủy ban bầu cử, Thanh tra Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Kiểm toán nhà nước, Thẩm phán, Công tố viên nếu có dấu hiệu tham nhũng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp đều có thể bị cách chức. Cơ quan có thẩm quyền cách chức chính là Thượng nghị viện¹.

Hạ nghị viện và Thượng nghị viện của Thái Lan là những cơ quan làm việc theo chế độ tập thể, phối hợp với nhau để cùng thực hiện chức năng lập pháp và giám sát hành chính. Chính vì vậy, về cơ bản, tổ chức và hoạt động của hai viện này có khá nhiều điểm chung với nhau:

Thứ nhất, giống với Campuchia, các nghị viên của Thái Lan được Hiến pháp quy định tính độc lập rất cao. Ngoài việc không được đồng thời làm thành viên của cả hai viện, Hiến pháp Thái Lan quy định một loạt các chức vụ mà Hạ nghị sĩ không được phép kiêm nhiệm mà về cơ bản thì Hạ nghị sĩ không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào trong các cơ quan nhà nước khác từ Trung ương tới địa phương trừ việc là thành viên của Chính phủ. Thậm chí, Hạ nghị sĩ cũng không được đồng thời là cán bộ hoặc nhân viên của các doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù Hạ nghị sĩ luôn gắn với đảng phái chính trị, song Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hạ nghị viện, những người lãnh đạo Nghị viện, lại không được kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo các đảng phái chính trị trong suốt nhiệm kỳ của mình

1. Điều 270 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

cũng như không được đồng thời là Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng. So với Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ còn có tính độc lập cao hơn rất nhiều. Thượng nghị sĩ không những không được nắm tất cả những chức vụ và công việc cấm đối với Hạ nghị sĩ mà còn không được làm rất nhiều điều khác nữa, bao gồm không phải là người đỡ đầu, vợ/chồng hoặc con trai hay con gái của Hạ nghị sĩ hay bất kỳ người nắm giữ chức vụ chính trị nào, không được phép tham gia đảng chính trị hoặc là Hạ nghị sĩ kể cả là trong vòng 5 năm trước ngày bầu cử, không được tham gia Chính phủ hoặc tham gia hội đồng địa phương hoặc cơ quan hành chính địa phương kể cả trong thời gian 5 năm trước ngày bầu cử, không được nắm giữ chức Bộ trưởng hay chức vụ chính trị khác trong vòng 2 năm sau khi thôi làm Thượng nghị sĩ¹. Có thể thấy rằng, bởi vì công việc của Thượng nghị sĩ liên quan rất nhiều tới công tác kiểm soát quyền lực nhà nước nên những điều cấm trên nhằm làm cho mỗi Thượng nghị sĩ có được sự độc lập tối đa cho công việc của mình. Hầu như mọi sự liên hệ trong vòng 5 năm trước khi được bầu và 2 năm sau khi được bầu mà có thể dẫn tới xung đột lợi ích với công việc của Thượng nghị sĩ đều bị ngăn chặn một cách tối đa.

Thứ hai, mỗi nghị sĩ, cho dù là Hạ nghị sĩ được bầu mang tính đảng phái hay Thượng nghị sĩ có tính độc lập cao đều phải đại diện cho toàn thể nhân dân Thái Lan mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ sự ủy thác hoặc áp đặt nào. Trước khi nhậm chức, mỗi nghị sĩ đều phải tuyên

1. Các điều 102, 115, 116, 124 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

thệ rằng: “Tôi, (tên của người đưa ta tuyên bố) long trọng tuyên bố rằng tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình theo tiếng gọi trung thực của lương tâm vì lợi ích của đất nước và nhân dân. Tôi cũng sẽ phụng sự và tuân theo Hiến pháp của Vương quốc Thái Lan trên mọi phương diện”¹.

Thứ ba, về mặt tổ chức, giống như Campuchia, mỗi viện của Nghị viện Thái Lan đều có một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Tuy nhiên, vì các phiên họp chung của hai viện là hình thức hoạt động khá phổ biến của Nghị viện và được quy định trong Hiến pháp nên Chủ tịch Hạ nghị viện đồng thời giữ chức Chủ tịch Nghị viện và Chủ tịch Thượng nghị viện giữ chức Phó Chủ tịch Nghị viện².

Thứ tư, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện hoạt động theo chế độ hội nghị, biểu quyết theo đa số. Mỗi phiên họp của mỗi viện thông thường phải có sự tham gia của ít nhất một nửa tổng số thành viên mỗi viện. Cả hai viện cùng tiến hành các kỳ họp vào thời gian giống nhau, gọi là các kỳ họp nghị viện. Mỗi năm, thường có hai kỳ họp nghị viện, một kỳ họp chung thường lệ để bàn về các vấn đề chung của quốc gia và một kỳ họp lập pháp thường lệ. Mỗi kỳ họp kéo dài 120 ngày. Giống như Quốc vương Campuchia, Quốc vương Thái Lan cũng có quyền triệu tập họp Nghị viện bất thường theo đề nghị của nhóm nghị sĩ với số lượng ít nhất 1/3 tổng số nghị sĩ hoặc nhóm Hạ nghị sĩ với số lượng ít nhất 1/3 tổng số Hạ nghị sĩ.

1, 2, 3. Các điều 122, 123; Điều 89; các điều 124, 126, 127, 128 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Thứ năm, tương tự như đối với nghị sĩ Campuchia, các nghị sĩ của Thái Lan cũng được hưởng các quyền đặc miễn gắn liền với công việc của họ, bao gồm quyền miễn trừ trách nhiệm đối với mọi phát ngôn mà nghị sĩ đưa ra tại Nghị viện, quyền không bị bắt, tạm giam hay triệu tập theo lệnh để xét hỏi với tư cách nghi phạm trong một vụ việc hình sự trừ khi có sự chấp thuận của viện mà người đó là thành viên hay người đó bị bắt quả tang. Trong trường hợp một Hạ nghị sĩ hay Thượng nghị sĩ bị bắt quả tang, sự việc phải được báo cho Chủ tịch của viện nơi người đó là thành viên và vị Chủ tịch đó có thể ra lệnh thả người đã bị bắt. Trường hợp khởi tố trách nhiệm hình sự đối với Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ, cho dù là viện tương ứng có đang trong kỳ họp hay không, Toà án vẫn không được quyền xét xử trong thời gian kỳ họp, trừ khi có sự chấp thuận của viện tương ứng hay vụ việc liên quan tới Luật cơ bản về bầu cử thành viên Viện dân biểu (Hạ nghị viện) hay Thượng nghị viện, Luật cơ bản về Ủy ban bầu cử hay Luật cơ bản về các đảng chính trị; với điều kiện việc xét xử của Toà án không được ngăn cản thành viên đó tham gia các phiên họp của viện tương ứng¹.

Thứ sáu, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện đều có quyền thành lập các ủy ban thường trực để giúp việc cho mỗi viện về những lĩnh vực nhất định. Mỗi viện cũng có quyền thành lập bất kỳ ủy ban lâm thời để thực hiện bất kỳ công việc nào, điều tra hay nghiên cứu bất kỳ vấn đề

1. Các điều 130, 131 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

nào trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của viện đó và báo cáo kết quả cho viện đó. Ủy ban lâm thời của mỗi viện có thể bao gồm thành phần là nghị sĩ của viện tương ứng hoặc có thể là người bên ngoài. Thành phần của mỗi ủy ban dù là thường trực hay lâm thời đều phải phản ánh tỷ lệ các thành phần đại diện trong mỗi viện. Mỗi ủy ban cũng đều có quyền ra lệnh yêu cầu cung cấp tài liệu từ bất kỳ người nào hoặc triệu tập bất kỳ người nào để thẩm vấn hoặc hỏi ý kiến về nhiệm vụ đang thực hiện hoặc về vấn đề đang được điều tra hay nghiên cứu. Lệnh yêu cầu này có giá trị bắt buộc đối với bất kỳ cơ quan nhà nước nào, trừ các Thẩm phán Tòa án, Thanh tra Quốc hội hoặc thành viên các thiết chế hiến định độc lập¹.

c) Cơ quan hành pháp của Campuchia và Thái Lan:

Hiến pháp Campuchia quy định khá ngắn gọn về cơ quan hành pháp. Cơ quan hành pháp của Campuchia, được gọi là Chính phủ Hoàng gia, là Hội đồng Bộ trưởng do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Bộ trưởng Nhà nước (*state ministers*) và các quốc vụ khanh (*state secretaries*) làm thành viên. Thủ tướng Chính phủ phải là đại diện của đảng chiếm đa số trong Hạ nghị viện, được sự tín nhiệm của Hạ nghị viện và sau đó phải được Chủ tịch và các Phó Chủ tịch cùng nhau đề cử lên Quốc vương bổ nhiệm. Các Bộ trưởng do Thủ tướng đề cử theo một danh sách với sự tín nhiệm của Hạ nghị viện và cũng được Quốc vương phê chuẩn. Chính vì vậy, Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể trước

1. Điều 135 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Hạ nghị viện về các chính sách chung của Chính phủ. Các thành viên Chính phủ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng và Hạ nghị viện về hoạt động của mình. Thành viên Chính phủ hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân, không được viện cớ chịu chỉ đạo của bất kỳ người nào khác để chối bỏ trách nhiệm. Quy định này về mặt pháp lý dường như loại trừ cá nhân Thủ tướng Chính phủ ra khỏi chế độ trách nhiệm trước Hạ nghị viện bởi vì, chỉ có Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể hoặc từng Bộ trưởng chịu trách nhiệm cá nhân. Các thành viên Chính phủ nếu phạm tội hoặc có vi phạm nghiêm trọng trong quá trình thực thi công vụ thì phải bị trừng phạt. Hạ nghị viện với đa số phiếu tán thành có thể đưa thành viên Chính phủ đó ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Hiến pháp quy định Chính phủ họp một lần mỗi tuần, biên bản họp phải gửi tới Quốc vương để báo cáo¹.

Trong Hiến pháp Thái Lan, các quy định về cơ quan hành pháp cũng ít hơn so với các quy định về cơ quan lập pháp. Tuy nhiên, so với Hiến pháp Campuchia, các quy định của Hiến pháp Thái Lan cụ thể và chi tiết hơn khá nhiều. Cơ quan hành pháp của Thái Lan cũng là Hội đồng Bộ trưởng, có nhiệm vụ thực hiện hoạt động quản lý công việc của Nhà nước. Hiến pháp quy định Hội đồng Bộ trưởng là một tập thể gồm Thủ tướng và không quá 35 Bộ trưởng hoạt động theo nguyên tắc trách nhiệm tập thể. Thủ tướng Chính phủ phải là thành viên của Hạ nghị viện, do ít nhất 1/5 tổng số Hạ nghị sĩ đề cử

1. Các điều 118-122, 126 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

và được hơn một nửa tổng số Hạ nghị sĩ tán thành. Như vậy, Thủ tướng Thái Lan cũng phải đến từ phe chiếm đa số phiếu trong Hạ nghị viện. Trong trường hợp không có phe chiếm đa số tuyệt đối trong Hạ nghị viện và do đó trong 30 ngày kể từ phiên họp đầu tiên của Quốc hội được triệu tập mà không bầu được Thủ tướng thì Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ đưa danh sách những người có số phiếu bầu cao nhất để Quốc vương bổ nhiệm Thủ tướng. Thủ tướng Thái Lan không được tại nhiệm liên tục quá tám năm¹.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhậm chức, Thủ tướng, đại diện cho Hội đồng Bộ trưởng, phải tuyên bố các chính sách với Nghị viện và thuyết trình các chính sách đó trên cơ sở các nguyên tắc định hướng các chính sách cơ bản của Nhà nước đã được tuyên bố trong Hiến pháp Thái Lan. Các kế hoạch hoạt động hàng năm sau đó của Hội đồng Bộ trưởng phải đưa ra kế hoạch quản lý các công việc của Nhà nước sao cho hoàn thành được nhiệm vụ của từng năm. Trên cơ sở đó, có hai loại chế độ trách nhiệm gắn với Hội đồng Bộ trưởng: trách nhiệm tập thể trước Nghị viện và trách nhiệm cá nhân của từng Bộ trưởng trước Hạ nghị viện. Giống như Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Thái Lan không quy định rõ chế độ trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng mà gắn trách nhiệm đó với tập thể Hội đồng Bộ trưởng. Tuy phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện song trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Bộ trưởng vẫn có thể đề nghị Chủ tịch Nghị viện triệu tập họp toàn thể Nghị viện để lấy ý kiến

1. Các điều 171-174 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

liên quan tới vấn đề quan trọng đối với việc quản lý các hoạt động của Nhà nước¹.

Bên cạnh các quy định trên đây, Hiến pháp Thái Lan cũng có những quy định khá độc đáo nhằm mục đích trực tiếp ngăn chặn các hành vi trục lợi của các thành viên Hội đồng Bộ trưởng trong thời kỳ sắp mãn nhiệm. Điều 181 Hiến pháp Thái Lan quy định trong trường hợp chờ Hội đồng Bộ trưởng mới nhậm chức, Hội đồng Bộ trưởng và các Bộ trưởng sắp mãn nhiệm vẫn thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình song không được làm những việc sau:

- Thực hiện bất kỳ hoạt động nào mà về bản chất là bổ nhiệm hoặc điều động các quan chức Chính phủ giữ chức vụ ổn định hoặc hưởng lương ổn định hay các quan chức của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hay các doanh nghiệp trong đó đa số cổ phần thuộc về Nhà nước hay cách chức những người như vậy khỏi trách nhiệm mà họ thực thi hoặc chức vụ của họ hoặc chỉ thị những người khác thực hiện nhiệm vụ đó, trừ khi có sự chấp thuận trước bởi Ủy ban bầu cử;

- Phê chuẩn bất cứ khoản giải ngân nào của các quỹ dự trữ dành để dùng cho các trường hợp khẩn cấp hoặc cần thiết, trừ khi có chấp thuận trước của Ủy ban bầu cử;

- Phê chuẩn bất kỳ công trình hay dự án nào hay các cam kết ràng buộc đối với Hội đồng Bộ trưởng kế nhiệm;

- Khai thác nguồn lực nhà nước hoặc nhân lực của Nhà nước cho bất kỳ hoạt động nào có tác động tới một

1. Các điều 176-179 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

cuộc bầu cử và không được thực hiện bất cứ hành vi nào mà về bản chất là sự vi phạm các điều cấm theo tác quy định của Ủy ban bầu cử.

d) Cơ quan tư pháp của Campuchia và Thái Lan:

Hiến pháp Campuchia quy định khá ngắn gọn về nhánh quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước Campuchia. Các quy định chủ yếu đề cập những khía cạnh quan trọng nhất về tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án. Trước tiên, Hiến pháp Campuchia khẳng định quyền tư pháp là một nhánh quyền lực độc lập, có thẩm quyền xét xử tất cả các vụ kiện bao gồm cả các vụ kiện hành chính. Nhánh lập pháp và nhánh hành pháp không được thực hiện quyền tư pháp. Nhiệm vụ của Tòa án là phải xét xử khách quan và bảo vệ các quyền trong đó có quyền tự do của công dân. Nguyên tắc độc lập được quy định là nguyên tắc căn bản trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án. Không những ghi nhận nguyên tắc độc lập, Hiến pháp Campuchia còn quy định một số biện pháp bảo đảm cụ thể cho nguyên tắc này: *Thứ nhất*, Quốc vương là người bảo vệ cho nguyên tắc độc lập của Tòa án. Hỗ trợ cho Quốc vương trong công việc này có Hội đồng Thẩm phán tối cao (*Supreme Council of Magistracy*) do Quốc vương làm Chủ tịch. Hội đồng Thẩm phán tối cao là cơ quan giới thiệu để Quốc vương bổ nhiệm Thẩm phán và công tố viên của tất cả các Tòa án. *Thứ hai*, Thẩm phán Campuchia không thể bị cách chức và chỉ có Hội đồng Thẩm phán với Chủ tọa lúc này là Chánh án Tòa án tối cao là người có thẩm quyền kỷ luật Thẩm phán. Thẩm phán

là người duy nhất có quyền xét xử và phải xét xử trên cơ sở tuyệt đối tuân thủ pháp luật, công tâm và cẩn trọng. Hiến pháp Campuchia không quy định cụ thể về tổ chức hệ thống Tòa án mà chỉ quy định trong hệ thống đó có một Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới được bố trí theo đơn vị lãnh thổ và theo các lĩnh vực chuyên trách¹.

So với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Thái Lan quy định về Tòa án một cách chi tiết hơn nhiều. Toàn bộ các quy định về hệ thống Tòa án Thái Lan được đưa vào một chương riêng với một số phần riêng biệt chứa đựng các quy định chung áp dụng cho tất cả các Tòa án và các quy định áp dụng riêng cho từng tiểu hệ thống Tòa án chuyên trách². Toàn bộ hệ thống Tòa án Thái Lan gồm có ba tiểu hệ thống Tòa án và một Tòa án Hiến pháp. Tòa án Hiến pháp được phân loại vào nhóm các thiết chế bảo vệ Hiến pháp và sẽ được nghiên cứu ở những chương tiếp theo. Ba tiểu hệ thống Tòa án là tiểu hệ thống Tòa án tư pháp, tiểu hệ thống Tòa án hành chính và tiểu hệ thống Tòa án quân sự. Hiến pháp cũng quy định các tranh chấp về thẩm quyền giữa các tiểu hệ thống Tòa án này sẽ được giải quyết bởi một ủy ban gồm Chánh án Tòa án tối cao, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, chánh án các Tòa án khác và bốn người đủ tiêu chuẩn theo quy định của luật. Mỗi tiểu hệ thống Tòa án Thái Lan đều được điều chỉnh bởi những quy định riêng. Tuy nhiên, xét từ góc độ tổng thể toàn hệ thống, tất cả các Tòa án Thái Lan,

1. Các điều 128-134 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

2. Các điều 197-228 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

bao gồm cả Tòa án Hiến pháp đều được Hiến pháp quy định chung về một số vấn đề cơ bản nhất định:

Thứ nhất, Tòa án tổ chức phiên tòa và thực hiện việc xét xử theo một cách thức công bằng, nhanh chóng, trên cơ sở phụng sự công lý và tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Các phiên tòa và công việc xét xử được Tòa án thực hiện dưới danh nghĩa Quốc vương Thái Lan. Điều này khác với Tòa án Campuchia, vốn tiến hành xét xử dưới danh nghĩa nhân dân Khmer như đã đề cập.

Thứ hai, giống với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Thái Lan cũng quy định nguyên tắc độc lập là nguyên tắc căn bản trong quá trình xét xử. Một số biện pháp cụ thể cũng được quy định với tư cách là những biện pháp bảo đảm tính độc lập của các Thẩm phán Thái Lan nói chung, ví dụ như: các Thẩm phán không được nắm giữ các chức vụ chính trị; không được phép chuyển Thẩm phán mà không có đồng thuận trước của Thẩm phán đó trừ các trường hợp chuyển có thời hạn, bị kỷ luật hay đang là bị cáo trong vụ việc hình sự hay các trường hợp quy định rõ trong luật; không được thành lập các Tòa án đặc biệt chỉ để xét xử những vụ việc cụ thể đã xảy ra; các Thẩm phán do Quốc vương bổ nhiệm và cách chức; tiền lương, tiền công của Thẩm phán áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương riêng độc lập với khối hành chính.

Bên cạnh những quy định chung như trên, mỗi tiểu hệ thống Tòa án của Thái Lan lại có những quy định riêng trong Hiến pháp.

Tiểu hệ thống Tòa án tư pháp có thẩm quyền chung đối với tất cả các vụ việc trừ các vụ việc thuộc thẩm quyền

của các Tòa án khác. Tiểu hệ thống Tòa án này được tổ chức theo cấp xét xử, gồm ba cấp: các Tòa án sơ thẩm, các Tòa án phúc thẩm và Tòa án tối cao. Tòa án tối cao có thẩm quyền xét xử các vụ việc kháng cáo đối với các phán quyết hay lệnh của các Tòa án cấp dưới và các vụ việc liên quan tới bầu cử Thượng nghị viện hoặc Hạ nghị viện. Tương tự Tòa án phúc thẩm có thẩm quyền xét xử các vụ việc liên quan tới bầu cử và tước quyền bầu cử thành viên hội đồng địa phương và cơ quan hành chính địa phương. Đặc biệt, trong tổ chức của Tòa án tối cao có Tòa án hình sự đối với những người nắm giữ các chức vụ chính trị, bao gồm 9 Thẩm phán cao cấp được thành lập tùy theo từng vụ việc. Tòa này được thành lập để xét xử các quan chức chính trị cao cấp nhất của đất nước.

Như trên đã đề cập, việc bổ nhiệm, cách chức đối với Thẩm phán các Tòa án tư pháp do Quốc vương thực hiện, song phải dựa trên đề xuất của Ủy ban Tư pháp của các Tòa án tư pháp. Ủy ban này cũng phê chuẩn việc thăng chức, nâng lương, hoặc kỷ luật đối với các Thẩm phán Tòa án tư pháp. Ủy ban Tư pháp bao gồm 15 thành viên do Chánh án Tòa án tối cao làm Chủ tịch. Các Thẩm phán kỳ cựu, mà chủ yếu là lãnh đạo các Tòa án các cấp, chiếm tuyệt đại đa số thành viên của Ủy ban Tư pháp (13/15). Hai thành viên còn lại do Thượng nghị viện bầu.

Tiểu hệ thống Tòa án hành chính bao gồm: Tòa án hành chính tối cao và các Tòa án hành chính sơ thẩm. Tòa án hành chính phúc thẩm cũng có thể được thành lập, song điều này là không bắt buộc. Các Tòa án hành chính của Thái Lan có thẩm quyền xét xử các vụ việc

tranh chấp giữa một bên là cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, thiết chế Hiến pháp, hay quan chức nhà nước với bên kia là cá nhân, hoặc giữa một bên là cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, thiết chế Hiến pháp hay quan chức nhà nước với bên kia là cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, thiết chế hay quan chức tương tự như vậy, phát sinh từ việc thực hiện quyền hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc phát sinh từ việc thực hiện hành vi hành chính bởi cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, thiết chế Hiến pháp hay quan chức nhà nước theo quy định của pháp luật và đồng thời cũng có thẩm quyền xét xử về các vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định trong Hiến pháp hoặc luật.

Tiểu hệ thống Tòa án hành chính cũng có một Ủy ban Tư pháp, bao gồm 13 thành viên do Chánh án Tòa án hành chính tối cao làm Chủ tịch. Trong số các thành viên còn lại có 9 người là các Thẩm phán hành chính có trình độ được chọn bởi các đồng nghiệp, 2 người có trình độ do Thượng nghị viện bầu và một người có trình độ do Hội đồng Bộ trưởng cử. Về cơ bản, Ủy ban Tư pháp của các Tòa án hành chính có vai trò giống như Ủy ban Tư pháp của các Tòa án tư pháp đối với việc bổ nhiệm, đề bạt, kỷ luật, cách chức và nâng lương của Thẩm phán hành chính. Tuy nhiên, ở đây có một khác biệt đáng lưu ý. Đối với việc bổ nhiệm Thẩm phán hành chính, sau khi có đề cử của Ủy ban Tư pháp của các Tòa án hành chính thì đề

cử đó phải được sự phê chuẩn của Thượng nghị viện và sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình lên Quốc vương ký bổ nhiệm. Điều này phần nào phản ánh nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Thái Lan. Về cơ bản, quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp riêng biệt với nhau. Điều này cũng có nghĩa là, quyền hành pháp chịu trách nhiệm đối với hoạt động của hệ thống hành chính. Chính vì vậy, việc Thượng nghị viện và đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ đồng ý với việc bổ nhiệm Thẩm phán hành chính cũng đồng nghĩa Thẩm phán hành chính được sự chấp thuận của nhánh hành pháp và lập pháp để tiến hành xét xử các vi phạm hành chính của các cơ quan thuộc khối hành pháp.

Giống như đối với tiểu hệ thống Tòa án tư pháp, tiểu hệ thống Tòa án hành chính của Thái Lan cũng có cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính, văn phòng giúp việc riêng để quản lý nhân sự, cơ sở vật chất và ngân sách.

Tiểu hệ thống Tòa án quân sự được nhắc đến trong Hiến pháp Thái Lan như một bộ phận cấu thành của hệ thống Tòa án Thái Lan. Tuy nhiên, có rất ít các quy định cụ thể về tiểu hệ thống này trong Hiến pháp. Hiến pháp chỉ quy định một cách chung chung rằng, các Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử các vụ phạm tội của những người thuộc thẩm quyền xét xử của các Tòa án quân sự và các vụ việc khác theo quy định của luật. Việc bổ nhiệm và cách chức Thẩm phán quân sự cũng như tổ chức Tòa án quân sự được quy định trong các luật.

3. Hiến pháp Malaixia và chính thể quân chủ Hội giáo lập hiến

Chính thể của Liên bang Malaixia được thể hiện ở sự hiện diện của Quốc vương Malaixia, một bản Hiến pháp và đạo Hội với tư cách là quốc giáo của Malaixia. Quốc vương Malaixia là nguyên thủ quốc gia và tiếp quản quyền lực theo một hình thức đặc trưng không liên quan tới ý chí của người dân. Bản Hiến pháp Malaixia là một Hiến pháp thành văn và là đạo luật có giá trị tối cao quy định về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và có giá trị bắt buộc đối với tất cả các cơ quan nhà nước ở cấp cao nhất trong đó có cả Quốc vương. Đạo Hội được công nhận là quốc giáo và các thủ tục, lễ nghi và tôn chỉ của tôn giáo này được bảo vệ bởi Hiến pháp và những thiết chế đặc biệt do Hiến pháp lập ra.

Quốc vương Malaixia là một thiết chế quân chủ đặc biệt, không giống với các thiết chế quân chủ khác trong khu vực như Brunây, Campuchia hay Thái Lan. Trước tiên, trong bộ máy nhà nước của Malaixia có sự hiện diện của một thiết chế đặc biệt - Hội đồng các Tiểu vương (*Majlis Raja-Raja*). Hội đồng này được quy định ngay trong những điều khoản đầu tiên của Hiến pháp. Hội đồng gồm các Tiểu vương và các Thống đốc từ các bang và các vùng lãnh thổ trực thuộc Malaixia. Tiểu vương là người đứng đầu về mặt tôn giáo (Hội giáo) và chính quyền tại các bang và tiếp quản chức vụ theo con đường kế truyền. Thống đốc là người đứng đầu chính quyền của các bang và vùng lãnh thổ không có Tiểu vương. Chức năng chính của Hội đồng Tiểu vương là lãnh đạo tôn giáo

và ban hành các chính sách tôn giáo trong toàn Liên bang. Ngoài ra, Hội đồng Tiểu vương cũng thực hiện một số công việc quan trọng liên quan tới tổ chức nhà nước¹.

Quốc vương Malaixia được gọi theo danh tự Hồi giáo là “Yan di-Pertuan Agong”, tương tự như Quốc vương Brunây. Song về vị trí và phạm vi quyền lực thì khiêm tốn hơn nhiều so với người đồng nhiệm láng giềng. Quốc vương Malaixia tiếp quản vị trí nguyên thủ quốc gia không phải trên cơ sở kế truyền mà là được bầu bởi Hội đồng Tiểu vương. Khi bầu Quốc vương thì Hội đồng Tiểu vương chỉ bao gồm thành viên là các Tiểu vương, tức là các lãnh tụ tôn giáo mà thôi và ứng cử viên cho vị trí Quốc vương cũng chỉ được chọn trong số các Tiểu vương. Việc mất tư cách Tiểu vương cũng đồng nghĩa với việc mất tư cách Quốc vương. Khác với vị trí quân chủ truyền thống ở Brunây, Campuchia hay Thái Lan nắm ngôi vua trong suốt cuộc đời, Quốc vương Malaixia nắm giữ ngôi vua theo nhiệm kỳ 5 năm và có thể được tái bầu. Sau khi được bầu thì Quốc vương vẫn giữ vị trí là Tiểu vương của tiểu bang gốc của mình. Về mặt thần quyền, các Tiểu vương vẫn là lãnh tụ Hồi giáo của bang mình; song khi tiến hành các thủ tục hoặc nghi lễ trong toàn Liên bang thì các Tiểu vương ủy quyền cho Quốc vương làm đại diện. Ở các bang Malacca, Penang và Sarawak không có Tiểu vương, do đó Quốc vương cũng là lãnh tụ Hồi giáo ở những nơi này. Như vậy về thần quyền thì Quốc vương Malaixia không hoàn toàn là đứng tối cao của đạo Hồi toàn Liên bang bởi

1. Điều 38 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

có sự hiện diện của các lãnh tụ Hồi giáo địa phương nắm giữ thân quyền gốc.

Về thế quyền, Hiến pháp Malaixia quy định Quốc vương là nguyên thủ tối cao trong toàn Liên bang, có vị trí tôn kính hơn bất kỳ ai trong Liên bang. Gúp việc cho Quốc vương là một Phó Quốc vương, gọi là “Tmbalan Yangdi-Pertuan Agong”, cũng được Hội đồng Tiểu vương bầu ra trong số các Tiểu vương và có nhiệm kỳ 5 năm giống như Quốc vương. Hiến pháp quy định Quốc vương vừa là nguyên thủ quốc gia, tổng chỉ huy tối cao lực lượng vũ trang, vừa đứng đầu quyền lập pháp, hành pháp và chi phối quyền tư pháp. Tuy nhiên, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc vương Malaixia có phần nào đó giống với người đồng nhiệm Campuchia, có nghĩa là, chủ yếu mang tính chất lễ nghi chứ không mang nhiều thực quyền. Mọi quyết định của Quốc vương đưa ra đều dựa trên cơ sở ý kiến tư vấn hoặc đề nghị của một cá nhân hoặc một tập thể nào đó. Quốc vương Malaixia thậm chí còn có thể bị kiện hình sự hoặc dân sự bởi bất kỳ cá nhân nào. Khi đó, vụ kiện sẽ được xét xử bởi một Tòa án đặc biệt gồm thành phần là Chánh án Tòa án Liên bang, Chánh án Tòa án thượng thẩm và hai thành viên là Thẩm phán khác do Hội đồng Tiểu vương chọn. Tất cả các vụ kiện đó đều phải được thực hiện thông qua hoặc có sự phê chuẩn của Tổng Công tố¹.

Điều 39 Hiến pháp Malaixia quy định “quyền hành pháp của Liên bang được trao cho Quốc vương”. Tự nhiên,

1. Các điều 32, 33 và Phần XVI Hiến pháp Malaixia hiện hành.

điều khoản ngay sau đó lại quy định “khi thực hiện các quyền lực theo Hiến pháp hay Luật Liên bang, Quốc vương phải quyết định theo đề nghị của Chính phủ hay của một Bộ trưởng do Chính phủ chỉ định”. Như vậy, quyền lực của Quốc vương trong lĩnh vực hành pháp chỉ mang tính biểu tượng, hợp thức hóa mọi đề nghị liên quan đến việc thực hiện quyền hành pháp do các thành viên Chính phủ đưa ra. Hiến pháp Malaixia quy định rõ ràng, Quốc vương phải quyết định phù hợp với đề nghị, theo đề nghị hoặc sau khi xem xét đề nghị thì Quốc vương phải chấp nhận và làm theo đề nghị đó. Trên thực tế, Quốc vương chỉ có thể tùy ý thực hiện hai quyền, đó là quyền từ chối đồng ý với yêu cầu giải tán Nghị viện và quyền yêu cầu tổ chức cuộc họp của Hội đồng Tiểu vương để bàn về các vấn đề liên quan tới quyền, vị trí, danh dự hay nhân phẩm của Hoàng gia¹.

Theo quy định của Hiến pháp, quyền hành pháp thực tế do Chính phủ, được gọi là Nội các của Quốc vương, nắm giữ. Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng do Quốc vương bổ nhiệm và là thành viên đạt được sự tín nhiệm của đa số Hạ nghị sĩ. Các Bộ trưởng thành viên của Chính phủ được Thủ tướng đề cử trong số thành viên của Thượng nghị viện hoặc Hạ nghị viện, được Quốc vương bổ nhiệm và phục vụ theo sự hài lòng của Quốc vương. Chính phủ phải chịu trách nhiệm tập thể trước Nghị viện và nếu Thủ tướng không còn được sự tín nhiệm của Hạ nghị viện

1. Điều 40 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

thì hoặc Thủ tướng đệ đơn giải tán Chính phủ hoặc đề nghị Quốc vương giải tán Hạ nghị viện¹.

Theo Hiến pháp, quyền lập pháp của Liên bang Malaixia được trao cho Nghị viện, gọi là "Majlis", bao gồm Quốc vương và hai viện. Hạ nghị viện của Malaixia, gọi là "Dewan Rakyat", có nhiệm kỳ 5 năm và Thượng nghị viện, gọi là "Dewan Negara" có nhiệm kỳ 3 năm². Quốc vương là người đứng đầu Nghị viện về mặt hình thức còn trên thực tế quyền lập pháp được thực hiện bởi Hạ nghị viện và Thượng nghị viện. Hạ nghị viện Malaixia bao gồm 222 Hạ nghị sĩ được hình thành bằng con đường bầu cử trực tiếp, trong đó, 209 người được bầu ở 13 bang và 13 người được bầu từ 3 vùng lãnh thổ Liên bang, Kuala Lumpur, Labuan và Putrajaya. Khác với Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ được hình thành không phải bằng con đường bầu cử trực tiếp. Thượng nghị viện của Malaixia bao gồm 70 Thượng nghị sĩ. Mỗi bang trong số 13 bang của Malaixia được đại diện bởi 2 Thượng nghị sĩ do Hội đồng Lập pháp bang bầu. Số còn lại do Quốc vương bổ nhiệm. Về độ tuổi, các Hạ nghị sĩ phải từ 21 tuổi trở lên còn các Thượng nghị sĩ từ 30 tuổi trở lên. Các Thượng nghị sĩ do Quốc vương bổ nhiệm còn phải là những người có uy tín trong khối các cơ quan công quyền hoặc có những thành tựu nhất định trong lĩnh vực chuyên môn, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa - xã hội hoặc là đại diện của dân tộc thiểu số hay có khả năng đại diện cho lợi ích của dân tộc thiểu số bản xứ. Tóm lại thành

1, 2. Điều 43; các điều 44, 45, 55 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

viên của Thượng nghị viện là đại diện cho lợi ích của các bang và đội ngũ tinh hoa trong xã hội Malaixia; trong khi đó, thành viên của Hạ nghị viện đại diện cho các tầng lớp dân cư của Malaixia. Hiến pháp Malaixia cũng quy định Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ được quyền miễn trừ trách nhiệm đối với những lời nói hay phát biểu trước Nghị viện hoặc trước các ủy ban của Nghị viện¹.

Thông thường, một dự luật của Liên bang Malaixia có thể bắt nguồn từ Hạ nghị viện hoặc Thượng nghị viện. Sau khi một viện đã thông qua thì dự luật đó sẽ được gửi cho viện còn lại. Chỉ khi nào viện thứ hai cũng thông qua thì dự luật mới được gửi tới Quốc vương để công bố. Khác với Quốc vương Thái Lan, Quốc vương Malaixia không có quyền phủ quyết đối với dự luật đã được hai viện của Nghị viện thông qua. Hiến pháp quy định trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được dự luật đã được thông qua, Quốc vương phải công bố đạo luật bằng cách đóng con dấu Liên bang lên đó. Nếu Quốc vương không thông qua thì dự luật vẫn trở thành một đạo luật có hiệu lực khi thời hạn 30 ngày đó kết thúc².

Hiến pháp Malaixia cũng quy định một số trường hợp chỉ cần Hạ nghị viện thông qua là dự luật đã có thể được công bố và có hiệu lực: Trường hợp thứ nhất là, đối với các dự luật về tài chính, ngân sách (*money bill*). Những dự luật này chỉ có thể được trình bởi một Bộ trưởng phụ trách vấn đề đó lên Hạ nghị viện và chỉ cần viện này

1, 2. Các điều 46, 47, 55, 56, 57; Điều 66 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

thông qua là đã có thể được gửi tới Quốc vương công bố. Trong trường hợp đó, việc Thượng nghị viện có đồng ý với dự luật tài chính, ngân sách hay không không đóng vai trò quyết định. Trường hợp thứ hai là khi dự luật đã được Hạ nghị viện thông qua nhưng không được Thượng nghị viện thông qua trong cùng kỳ họp thì tới kỳ họp sau, cách đó hơn một năm, Hạ nghị viện có quyền xem xét và thông qua lại dự luật đó. Lúc này, cho dù Thượng nghị viện có thông qua lần thứ hai hay không thì dự luật vẫn có thể được Quốc vương công bố như một đạo luật có hiệu lực¹.

Quyền tư pháp của Liên bang Malaixia được trao cho một hệ thống Tòa án được tổ chức theo ba cấp và không có thẩm quyền xét xử các vụ việc liên quan tới tôn giáo. Ở cấp sơ thẩm là các Tòa án sơ thẩm, bao gồm hai Tòa án thượng thẩm ở Sabah và Sarawak; ngoài ra, còn có một số Tòa án sơ thẩm cấp thấp được thành lập theo các đạo luật của Nghị viện. Ở cấp phúc thẩm là một Tòa án phúc thẩm, được gọi là Mahkamah Rayuan, có thẩm quyền xét xử các bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị. Ở cấp cao nhất của hệ thống Tòa án Liên bang Malaixia là một Tòa án Liên bang có thẩm quyền xem xét lại bất kỳ bản án nào của các Tòa án cấp dưới. Ngoài ra, Tòa án Liên bang còn có thẩm quyền xét xử các tranh chấp giữa các bang và giữa các bang với Liên bang, đồng thời đóng vai trò cố vấn pháp lý theo yêu cầu của Quốc vương về các vấn đề liên quan

1. Các điều 67, 68 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

tới tính hợp hiến của các dự luật do Nghị viện gửi tới Quốc vương. Thành phần của Tòa án Liên bang bao gồm một Chánh án Tòa án Liên bang, các chánh án của Tòa án phúc thẩm, Tòa án thượng thẩm và một số Thẩm phán Tòa án Liên bang khác¹.

Tất cả các Thẩm phán của Malaixia, từ Chánh án Tòa án Liên bang cho tới Thẩm phán của các Tòa án thượng thẩm đều do Quốc vương bổ nhiệm trên cơ sở đề cử của Thủ tướng Chính phủ và sau khi đã tham vấn ý kiến của Hội đồng Tiểu vương. Trước khi đưa đề cử tới Quốc vương, Thủ tướng Chính phủ sẽ phải tham vấn ý kiến của các chánh án Tòa án có liên quan. Nếu là bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án thượng thẩm vùng Sabah và Sarawak thì Thủ tướng Chính phủ còn phải hỏi ý kiến thủ hiến của hai bang này. Thẩm phán của Malaixia đều phải là công dân Malaixia và có ít nhất là 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật².

Hiến pháp Malaixia không quy định một cách rõ ràng về nguyên tắc độc lập của Thẩm phán. Tuy nhiên, rải rác trong một số điều khoản của Hiến pháp có quy định về những biện pháp nhất định có thể được coi là để bảo đảm sự độc lập của Thẩm phán: Thứ nhất, sau khi được bổ nhiệm thì Thẩm phán Malaixia có nhiệm kỳ suốt đời cho đến độ tuổi về hưu là 65 tuổi. Trong suốt quá trình đó, Thẩm phán không thể bị cách chức theo con đường hành chính. Thứ hai, để cách chức một Thẩm phán, bất

1, 2. Các điều 120, 121, 128, 130; các điều 122B, 123 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

buộc phải theo thủ tục tư pháp tại một Tòa án riêng. Thủ tướng Chính phủ hoặc chánh án Tòa án liên quan có thể đề xuất việc xem xét cách chức Thẩm phán lâm Quốc vương. Theo đó, Quốc vương sẽ thành lập một Tòa án riêng bao gồm 5 người đang hoặc đã từng giữ chức Thẩm phán Tòa án Liên bang hoặc Tòa án thượng thẩm. Những người này sẽ xem xét theo thủ tục tư pháp và ra quyết định cuối cùng về việc cách chức Thẩm phán. Tuy nhiên, Hiến pháp Malaixia không quy định cụ thể các trường hợp Thủ tướng được đề nghị cách chức Thẩm phán. Theo những quy định hiện tại thì Thủ tướng có thể đưa ra đề nghị bất cứ khi nào và với bất cứ lý do gì. Thứ ba, không ai ngoài Quốc vương có thể chuyển công tác một Thẩm phán từ Tòa án này sang Tòa án khác. Thứ tư, chính sách đãi ngộ bao gồm cả lương hưu của Thẩm phán không thể bị giảm theo hướng bất lợi hơn kể từ sau khi Thẩm phán được bổ nhiệm. Thứ năm, Tòa án Liên bang hoặc Tòa thượng thẩm có quyền trừng phạt bất kỳ hành vi nào xúc phạm tới Tòa án và Thẩm phán. Thứ sáu, ngay cả nghị viện cũng không có quyền bàn luận hay nhận xét về tư cách của Thẩm phán, trừ khi có đề nghị trực tiếp của ít nhất 1/4 thành viên của viện tương ứng¹. Trong bối cảnh Hiến pháp Malaixia cho phép sự can thiệp khá sâu của nhánh hành pháp vào tổ chức của hệ thống Tòa án thì những biện pháp này, tuy không quá mạnh, song cũng có thể được coi là cần thiết để bảo đảm cho sự độc lập của Thẩm phán Malaixia ở một mức độ nhất định.

1. Các điều 122B, 122C, 125, 126 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

Có thể thấy rằng, về mặt lý thuyết, chính thể Malaixia là chính thể quân chủ lập hiến Hồi giáo. Song trên thực tế, Hiến pháp Malaixia đã thiết lập nên một nền dân chủ đại nghị theo mô hình dân chủ đại nghị của Vương quốc Anh. Vai trò của Quốc vương là tối cao chỉ về danh nghĩa còn thực chất cơ quan hành pháp, về hình thức là Nội các của Quốc vương, lại là nhánh quyền lực mạnh nhất, nắm giữ mọi quyết định tới chính sách và lập pháp trong Liên bang. Ngành Tư pháp được tổ chức theo cách thức tập trung quyền lực vào Chánh án các Tòa án và cũng nằm dưới sự chi phối lớn của Thủ tướng, người nắm cả quyền bổ nhiệm và phần nào đó có thẩm quyền nhất định trong vấn đề kỷ luật các Thẩm phán. Vấn đề độc lập xét xử của Thẩm phán không được nhấn mạnh ở Malaixia như ở Campuchia và Thái Lan, và các biện pháp bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán tuy cũng được Hiến pháp quy định song còn khá hạn chế.

III. CHÍNH THỂ CỘNG HÒA TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Trong số các quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây thì có 5 quốc gia theo chính thể cộng hòa. Tuy nhiên, các chính thể cộng hòa này cũng không hoàn toàn giống nhau cho dù là có thể được xếp vào một nhóm chính thể cộng hòa nhất định. Xingapo theo chính thể cộng hòa tổng thống hình thức trong khi trên thực tế lại là một chính thể cộng hòa đại nghị. Indônêxia và Philíppin theo chính thể cộng hòa tổng thống. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

theo chính thể cộng hòa đại nghị. Mianma theo chính thể cộng hòa đại nghị quân đội.

1. Hiến pháp Xingapo và chính thể cộng hòa lưỡng tính hình thức

Điều 3 Hiến pháp Xingapo hiện hành quy định: “Xingapo là một nước cộng hòa có chủ quyền được gọi là Cộng hòa Xingapo”. Thoạt nhìn qua các quy định của Hiến pháp thì, chính thể của Xingapo là chính thể cộng hòa lưỡng tính. Tổng thống Xingapo là nguyên thủ quốc gia, được trao quyền hành pháp và là người đứng đầu Chính phủ với một Nội các. Tổng thống do người dân bầu thông qua một cuộc bầu cử trực tiếp toàn quốc. Nội các của Xingapo được thành lập từ Nghị viện với Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Nội các, được Tổng thống bổ nhiệm và phải chiếm được đa số phiếu ủng hộ trong Nghị viện¹. Đây là cách thức bố trí thực hiện quyền lực nhà nước đặc trưng của một chính thể cộng hòa lưỡng tính. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng về hình thức. Trên thực tế, bộ máy nhà nước của Xingapo vận hành theo mô hình của chính thể cộng hòa đại nghị với vai trò nổi trội của một Chính phủ mạnh được thành lập từ Nghị viện. Tổng thống Xingapo tuy được bầu trực tiếp song lại có vị trí mang đậm tính hình thức tương tự như Quốc vương Malaixia ở một mức độ nào đó.

Tổng thống Xingapo được bầu trực tiếp với nhiệm kỳ 6 năm và có thể được tái bầu cử. Nếu trong thời gian

1. Các điều 17, 23, 24 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

nhiệm kỳ và chức vụ Tổng thống bị khuyết thì Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Tổng thống, Chủ tịch Nghị viện hoặc một người do Nghị viện bầu sẽ thực hiện các chức năng của Tổng thống cho đến khi Tổng thống mới được bầu¹.

Để đủ tiêu chuẩn làm ứng cử viên Tổng thống của Xingapo, một người phải đáp ứng được một loạt các tiêu chuẩn như: phải là công dân Xingapo; không dưới 45 tuổi; có đủ tiêu chuẩn làm cử tri; có thời gian cư trú ở Xingapo ít nhất 10 năm và phải ở Xingapo vào ngày được đề cử; không rơi vào trường hợp không được ứng cử làm nghị sĩ như bị tâm thần, đang bị phá sản, đang giữ chức vụ ở nơi khác, chưa nộp bản sao kê chi phí bầu cử trong những lần được đề cử vào chức vụ Tổng thống hoặc nghị sĩ hoặc đại diện bầu cử trước đây, đã bị kết án phạt tù từ 1 năm trở lên hoặc phạt tiền từ 2.000 đôla² trở lên bởi Tòa án Xingapo mà chưa được xóa án, đã nhập quốc tịch nước ngoài hoặc thực hiện các quyền theo quốc tịch nước ngoài hoặc tuyên bố trung thành với nước ngoài, đã có các hành vi vi phạm pháp luật trong các cuộc bầu cử Nghị viện hoặc Tổng thống trước đó và đã bị tước tư cách ứng cử viên; là người liêm chính, có nhân thân tốt và có uy tín. Đặc biệt, ứng cử viên tranh cử Tổng thống phải đáp ứng những tiêu chuẩn nhằm bảo đảm tính khách quan và trình độ của chức vụ Tổng thống như: (1) Không phải là thành viên của bất kỳ đảng phái chính trị nào vào ngày người đó được đề cử và (2) Có thời gian ít nhất

1. Các điều 20, 22N Hiến pháp Xingapo hiện hành.

2. Đơn vị tiền tệ của Xingapo là đôla Xingapo (S\$).

3 năm đã từng là: (i) Bộ trưởng, Chánh án Tòa án tối cao, Chủ tịch Nghị viện, Tổng công tố, Chủ tịch Ủy ban Công vụ, Tổng kiểm toán, Tổng kế toán, hoặc Thư ký Thường trực, (ii) Chủ tịch hoặc Giám đốc điều hành của cơ quan được Nghị viện thành lập để thực hiện công việc quản lý hành chính, (iii) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc điều hành của công ty được thành lập hoặc được đăng ký theo Luật công ty (Luật số 50) có số vốn ít nhất là 100 triệu đôla Xingapo hoặc tương đương nếu là ngoại tệ; hoặc (iv) Giữ bất kỳ chức vụ nào khác tương tự hoặc tương đương về thâm niên và trách nhiệm trong các tổ chức hoặc các cơ quan khác có quy mô và tính phức tạp tương đương thuộc khu vực nhà nước hoặc tư nhân mà Ủy ban bầu cử Tổng thống cho rằng, chức vụ đó đã mang lại cho người đó kinh nghiệm và năng lực trong việc quản lý và điều hành các vấn đề tài chính để người đó có thể thực hiện có hiệu quả các chức năng và nhiệm vụ của chức vụ Tổng thống. Sau khi được bầu, Tổng thống cũng không được là thành viên của bất kỳ đảng chính trị nào, tham gia bất kỳ tổ chức thương mại nào, hoặc nắm giữ bất kỳ chức vụ nào khác trong bộ máy nhà nước, kể cả là nghị sĩ¹. Như vậy, vị trí Tổng thống của Xingapo được xây dựng để bảo đảm hình tượng của người lãnh đạo hội tụ được các phẩm chất tốt đẹp cũng như tính khách quan, trung thực và trình độ.

Cuộc bầu cử Tổng thống Xingapo do một cơ quan độc lập được thành lập theo Hiến pháp - Ủy ban bầu cử

1. Điều 19 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Tổng thống - chủ trì. Những người có nguyện vọng tranh cử Tổng thống sẽ phải đăng ký và Ủy ban này sẽ bảo đảm các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngặt nghèo trên đây. Ủy ban bầu cử Tổng thống gồm có Chủ tịch Ủy ban Công vụ, một cơ quan chuyên phụ trách vấn đề nhân sự do Nghị viện thành lập, Chủ tịch Cơ quan Quản lý hoạt động kế toán và doanh nghiệp và một thành viên của Hội đồng Tổng thống về các quyền của người thiểu số do Chủ tịch Hội đồng này chỉ định. Các quyết định của Ủy ban bầu cử Tổng thống về việc một người nào đó đã đáp ứng đủ điều kiện để làm ứng cử viên là quyết định cuối cùng và không thể bị kiện lên bất kỳ Tòa án nào. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan tới vi phạm trong quá trình bầu cử Tổng thống có thể được kiện lên Tòa án tối cao để giải quyết¹.

Tổng thống Xingapo sau khi được bầu sẽ được hưởng quyền miễn trừ không bị kiện về bất kỳ vấn đề gì tại bất kỳ Tòa án nào. Tuy nhiên, Tổng thống cũng có thể bị miễn nhiệm theo kiến nghị của Thủ tướng Chính phủ hoặc nhóm nghị sĩ không ít hơn 1/4 tổng số nghị sĩ được bầu trực tiếp. Lý do để các chủ thể này kiến nghị miễn nhiệm Tổng thống có thể là: (1) Tổng thống vĩnh viễn không thể đảm nhiệm được chức năng của mình vì lý do không đủ năng lực về tinh thần hoặc thể chất, hoặc (2) Tổng thống đã cố ý vi phạm Hiến pháp, phản bội Tổ quốc, có hành vi sai trái hoặc tham nhũng do lạm dụng quyền lực, phạm tội lừa đảo, không trung thực, sa đọa về

1. Các điều 18, 22M, 93A Hiến pháp Xingapo hiện hành.

đạo đức. Kiến nghị miễn nhiệm Tổng thống phải được đưa ra trước Nghị viện để biểu quyết. Nếu được từ một nửa tổng số nghị sĩ được bầu đồng thuận, kiến nghị đó sẽ được gửi tới Tòa án tối cao. Tòa án này sẽ thành lập một hội đồng xét xử bao gồm tối thiểu năm Thẩm phán của Tòa án tối cao trong đó có cả Chánh án để xem xét. Nếu hội đồng xét xử kết luận theo hướng đồng ý với kiến nghị miễn nhiệm thì kết luận sẽ được gửi lên Nghị viện để thảo luận và xem xét bãi nhiệm Tổng thống với số phiếu đồng thuận tối thiểu là 3/4 tổng số nghị sĩ được hình thành bằng con đường bầu cử trực tiếp¹.

Theo quy định của Hiến pháp Xingapo, quyền hành pháp được trao cho Tổng thống, Nội các hoặc bất kỳ Bộ trưởng nào được Nội các ủy quyền thực hiện². Hiến pháp cũng quy định Tổng thống có hai nhóm nhiệm vụ quyền hạn trong lĩnh vực hành pháp. Nhóm thứ nhất bao gồm những nhiệm vụ quyền hạn mà khi thực hiện thì Tổng thống sẽ quyết định theo ý kiến tư vấn của Nội các hoặc Bộ trưởng được Nội các ủy quyền. Nhóm thứ hai bao gồm những nhiệm vụ, quyền hạn mà khi thực hiện thì Tổng thống sẽ phải tham khảo ý kiến của Hội đồng Cố vấn Tổng thống. Nhóm nhiệm vụ quyền hạn thứ nhất là nhóm chung và nhóm thứ hai là nhóm cụ thể, có nghĩa rằng Hiến pháp liệt kê những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc nhóm thứ hai và tất cả những nhiệm vụ, quyền hạn còn lại mà Tổng thống có thể được Hiến pháp quy định sẽ thuộc nhóm thứ nhất.

1, 2. Các điều 22K, 22L; Điều 23 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nhóm thứ hai bao gồm¹:

- Quyền bổ nhiệm Thủ tướng và các Bộ trưởng. Thủ tướng phải đến từ đảng chiếm đa số trong Nghị viện và các Bộ trưởng do Thủ tướng đề cử.

- Quyền từ chối đồng ý với đề nghị giải tán Nghị viện.

- Quyền từ chối chấp thuận các dự luật về tài chính, các dự luật liên quan tới các khoản bảo đảm vay hoặc cho vay của Nhà nước, các dự luật có thể làm thu hẹp phạm vi quyền hạn của Tổng thống và các dự luật về ngân sách. Riêng đối với dự luật ngân sách, nếu Nghị viện vẫn tiếp tục thông qua với tỷ lệ phiếu đồng thuận tối thiểu là 2/3 thì việc từ chối chấp thuận của Tổng thống không có giá trị.

- Quyền từ chối bất kỳ khoản vay hay bảo lãnh vay nào của Chính phủ. Mọi khoản vay hoặc bảo lãnh vay phải được Chính phủ trình lên Nghị viện phê chuẩn và sau đó Tổng thống phải đồng ý thì mới có thể được thực hiện. Nếu Tổng thống từ chối đồng ý thì khoản vay hoặc bảo lãnh vay không được thực hiện.

- Quyền từ chối đồng ý việc thành lập các cơ quan quản lý hành chính hoặc công ty nhà nước bởi Nghị viện hoặc từ chối phê chuẩn bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo các cơ quan và công ty đó. Tuy nhiên, Nghị viện cũng có thể vô hiệu hóa quyền từ chối của Tổng thống bằng tỷ lệ là 2/3 phiếu đồng thuận.

1. Các điều 21, 22E, 22H, 25, 144, 148A, 148D, 148G Hiến pháp Xingapo hiện hành.

- Quyền từ chối chấp nhận các giao dịch rút tiền từ các khoản dự trữ không do Chính phủ hiện tại tích lũy được.

- Từ chối đề nghị bổ nhiệm các chức vụ như Chánh án, các Thẩm phán, Cao ủy tư pháp của Tòa án tối cao, Tổng Công tố, Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Tổng thống về các quyền của người thiểu số, Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Tổng thống về sự hoà hợp tôn giáo, Chủ tịch và các thành viên của Ban tư vấn được thành lập theo yêu cầu của Chính phủ, Chủ tịch và ủy viên của Ủy ban Công vụ, ủy viên không đương nhiên của Ủy ban Công vụ Pháp luật, Giám đốc cơ quan thẩm định giá trị đất đai và công trình xây dựng Xingapo, Tổng kiểm toán, Tổng kế toán, Tổng Tư lệnh lực lượng quốc phòng, các Tổng Tư lệnh lực lượng không quân, lục quân và hải quân, người đứng đầu Cơ quan Cảnh sát quốc gia, Giám đốc Cục Điều tra tham nhũng. Tuy nhiên, nếu Tổng thống từ chối bổ nhiệm theo đề cử của Hội đồng Cố vấn Tổng thống, Nghị viện có thể bãi bỏ quyết định của Tổng thống bằng nghị quyết được không ít hơn 2/3 tổng số Nghị sĩ được hình thành bằng con đường bầu cử thông qua.

Như trên đã đề cập, khi thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn thuộc nhóm thứ hai này, Tổng thống Xingapo luôn phải tham khảo và ở mức độ nào đó hành xử theo ý kiến tư vấn của Hội đồng Cố vấn Tổng thống. Việc đi ngược lại ý kiến của Hội đồng cố vấn có thể dẫn tới chỗ quyết định của Tổng thống bị Nghị viện vô hiệu hóa bằng số phiếu đa số tăng cường. Hội đồng Cố vấn Tổng thống bao gồm

sáu ủy viên, hai trong số đó do Tổng thống tự bổ nhiệm, hai ủy viên do Thủ tướng đề cử, một ủy viên do Chánh án Tòa án tối cao và một ủy viên còn lại do Chủ tịch Ủy ban Công vụ đề cử. Các ủy viên này hoạt động theo nhiệm kỳ 6 năm và có thể được gia hạn thêm 4 năm¹.

Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn thứ nhất bao gồm tất cả các nhiệm vụ, quyền hạn còn lại của Tổng thống do Hiến pháp quy định. Có thể kể đến một số nhiệm vụ quyền hạn chính của nhóm này như: quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp, quyền đồng ý tiến hành điều tra các vụ việc chống tham nhũng do Cục Điều tra chống tham nhũng tiến hành trong bối cảnh Thủ tướng không ủng hộ cuộc điều tra đó, quyền đặc xá một phần hoặc đặc xá hoàn toàn, quyền tuyên bố giải tán nghị viện, v.v.².

Như trên đã đề cập, mỗi khi thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn thuộc nhóm này, Tổng thống đều phải căn cứ vào ý kiến đề xuất của Nội các mà đứng đầu là Thủ tướng. Tổng thống không thể thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn này mà không có những đề xuất đó.

Trong lĩnh vực lập pháp, Hiến pháp Xingapo cũng quy định quyền lập pháp được trao cho Cơ quan lập pháp bao gồm Tổng thống và Nghị viện. Tuy nhiên, các quyền của Tổng thống trong lĩnh vực này cũng mang tính hình thức. Công việc lập pháp hoàn toàn do Nghị viện thực hiện và thông thường khi một dự luật đã được Nghị viện thông qua, Tổng thống có trách nhiệm phải công bố.

1, 2. Điều 37B; các điều 22G, 22P, 65, 150 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Quyền phủ quyết của Tổng thống đối với các dự luật của Nghị viện là rất hạn chế, chỉ có một trường hợp duy nhất đối với dự án ngân sách của Nghị viện như đã đề cập trên đây.

Trong lĩnh vực tư pháp, như phân tích dưới đây, Tổng thống là người bổ nhiệm hầu hết các Thẩm phán trong hệ thống Tòa án. Tuy nhiên, quyền đó của Tổng thống cũng một lần nữa mang tính hình thức vì việc bổ nhiệm luôn dựa trên cơ sở đề nghị của các chủ thể có thẩm quyền mà trong phần lớn trường hợp là Chính phủ.

Có thể thấy rằng, địa vị pháp lý của Tổng thống Xingapo được Hiến pháp quy định khá nhiều vai trò, bao gồm cả đứng đầu nhánh hành pháp và lập pháp bên cạnh vai trò nguyên thủ quốc gia. Tuy nhiên, những vai trò này chỉ là hình thức, bởi về thực chất, nội dung của các nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng đều do các chủ thể khác trong bộ máy nhà nước quyết định và đề xuất. Điều đó làm cho vai trò của Tổng thống Xingapo cũng tương tự như Quốc vương Malaixia. Mặc dù vậy, so với người đồng nhiệm Malaixia, Tổng thống Xingapo vẫn có một số thực quyền nhất định trong một số lĩnh vực như kiểm soát các dự luật liên quan tới tài chính và vấn đề bảo đảm chất lượng của công tác nhân sự cấp cao trong bộ máy nhà nước Xingapo.

Nghị viện Xingapo hoạt động theo mô hình đơn viện. Hiến pháp Xingapo quy định trong thành phần của Nghị viện có 3 loại nghị sĩ: nghị sĩ được bầu cử trực tiếp, nghị sĩ không theo đơn vị bầu cử và các nghị sĩ được bổ nhiệm. Nghị sĩ được bầu cử trực tiếp là những nghị sĩ do cử tri

trực tiếp bầu từ các đơn vị bầu cử. Các nghị sĩ này có thể được bầu trực tiếp với tư cách cá nhân độc lập hoặc cũng có thể được bầu theo đảng phái chính trị hoặc theo nhóm sắc tộc tùy theo từng đơn vị bầu cử khác nhau. Hiến pháp không quy định cụ thể số lượng các nghị sĩ này, song theo luật bầu cử hiện hành của Xingapo thì hiện có 75 nghị sĩ được hình thành bằng con đường bầu cử trực tiếp. Các nghị sĩ được bầu cử trực tiếp luôn chiếm tuyệt đại đa số trong Nghị viện và đóng vai trò chính trong hoạt động lập pháp của Xingapo. Nghị sĩ không theo đơn vị bầu cử là những nghị sĩ đến từ những đảng chính trị không nằm trong liên minh trúng cử, tức là không tham gia thành lập Chính phủ. Trên thực tế, những nghị sĩ này không trúng cử qua cuộc bầu cử trực tiếp song để bảo đảm các đảng chính trị thất cử có tiếng nói tại Nghị viện thì pháp luật vẫn cho phép họ có tư cách nghị sĩ một cách hạn chế. Số lượng của các nghị sĩ này không vượt quá 6 người. Các nghị sĩ được bổ nhiệm là những nghị sĩ được Tổng thống bổ nhiệm chứ không phải được cử tri trực tiếp bầu ra. Vai trò của họ là bảo đảm cho các tiếng nói khác trong xã hội, đặc biệt là của giới chuyên môn, cũng được phản ánh tại nghị trường. Điều này góp phần làm cho các vấn đề xem xét tại Nghị viện được tiếp cận từ nhiều góc nhìn hơn là chỉ những lợi ích của các đảng phái tại Nghị viện. Chính vì vậy, các nghị sĩ được bổ nhiệm thường là những nhân sĩ, trí thức không màng tới chính trường. Hiến pháp Xingapo quy định số lượng của họ không quá 9 người. Do không được bầu cử một cách trực tiếp, nên các nghị sĩ không theo khu vực bầu cử và các nghị sĩ được

bổ nhiệm không có đầy đủ tư cách nghị sĩ như đối với các nghị sĩ được bầu cử trực tiếp. Cụ thể, họ được tham gia vào thảo luận song không được tham gia bỏ phiếu để quyết định tới một số vấn đề như: dự luật sửa đổi Hiến pháp, dự luật chi tiêu ngân sách, dự luật tài chính, bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ và bỏ phiếu bất nhiệm Tổng thống. Đối với các vấn đề khác, các nghị sĩ này có tư cách giống như nghị sĩ được bầu cử trực tiếp¹.

Về mặt tổ chức, Nghị viện Xingapo có một Chủ tịch và hai Phó Chủ tịch Nghị viện. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Nghị viện không được đồng thời là thành viên Chính phủ hoặc kiêm các chức vụ khác trong Nghị viện. Đặc biệt, Hiến pháp Xingapo cũng không yêu cầu Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Nghị viện phải là nghị sĩ mà có thể là bất cứ người nào có đủ tiêu chuẩn để được bầu làm nghị sĩ². Tất nhiên, nếu Chủ tịch hay Phó Chủ tịch Nghị viện không phải là nghị sĩ thì cũng không có quyền bỏ phiếu quyết định một vấn đề nào đó thuộc thẩm quyền của Nghị viện.

Số đại biểu phải có để tổ chức phiên họp của Nghị viện Xingapo không phải là một đòi hỏi quá cao. Chỉ cần có từ 1/4 tổng số đại biểu của Nghị viện có mặt là đã có thể tổ chức phiên họp Nghị viện. Khi biểu quyết để quyết định một vấn đề nào đó thuộc thẩm quyền của Nghị viện cần có sự đồng thuận của đa số tuyệt đối các nghị sĩ có mặt dự họp. Nếu số phiếu biểu quyết ngang nhau thì vấn

1, 2. Các điều 39, 39A; các điều 40, 42 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

đề đó coi như chưa được thông qua. Điều này có nghĩa rằng, về mặt lý thuyết, một quyết định của Nghị viện Xingapo hoàn toàn có thể được thông qua một cách hợp pháp nếu nhóm nghị sĩ chiếm nhiều hơn 1/8 tổng số nghị sĩ hiện có của Nghị viện¹.

Bất kỳ nghị sĩ nào của Nghị viện cũng có thể trình dự án luật ra trước Nghị viện để xem xét thông qua. Riêng quyền trình dự án các luật về tài chính, thuế, các khoản thanh toán, nợ, v.v., chỉ thuộc về Tổng thống hoặc các Bộ trưởng có liên quan. Một khi dự luật đã được Nghị viện thông qua một cách hợp pháp thì Tổng thống có nghĩa vụ phải ban hành mà không có quyền phủ quyết. Tuy nhiên, Tổng thống lại có quyền tạm ngừng hoạt động của Nghị viện vào bất kỳ lúc nào. Tất nhiên, quyền này thuộc phạm vi nhóm quyền chung của Tổng thống và vì vậy, Tổng thống phải thực hiện nó theo ý kiến tư vấn của Chính phủ. Ngoài ra, Tổng thống cũng có quyền tuyên bố giải tán Nghị viện theo đề nghị của Thủ tướng².

Nội các của Tổng thống Xingapo bao gồm Thủ tướng và các Bộ trưởng. Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm và phải được sự ủng hộ của đa số nghị sĩ được bầu cử trực tiếp trong Nghị viện. Các nghị sĩ do Tổng thống bổ nhiệm hoặc được bầu không dựa trên các đơn vị bầu cử thì không có quyền tham gia vào quá trình lựa chọn Thủ tướng Chính phủ. Điều này có nghĩa rằng, trên thực tế, Thủ tướng Chính phủ là nghị sĩ của đảng hoặc liên minh các

1, 2. Các điều 56, 57; Điều 65 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

đảng thắng cử trong cuộc bầu cử phổ thông và trực tiếp của Nghị viện. Các Bộ trưởng do Thủ tướng Chính phủ đề cử để Tổng thống bổ nhiệm. Như vậy, tuy Tổng thống là người đứng đầu Chính phủ song không được tùy nghi trong việc bổ nhiệm các thành viên Chính phủ. Hiến pháp Xingapo cũng quy định rằng, Nội các chứ không phải Tổng thống là người chỉ đạo và điều hành chung hoạt động của Chính phủ; Tổng thống khi đưa ra các phán quyết của mình trong việc thực hiện quyền hành pháp, đều phải dựa trên ý kiến đề xuất của Nội các¹. Với những quy định như vậy thì trên thực tế, Nội các chứ không phải Tổng thống là người chi phối hoạt động hành pháp, còn Tổng thống đóng vai trò là người hợp tác hóa việc thực hiện các quyền hành pháp, đồng thời kiểm soát hoạt động của Nội các trong một số lĩnh vực liên quan tới nhân sự và tài chính như đã phân tích trên đây.

Về mặt cá nhân, người chi phối toàn bộ hoạt động của Nội các, mà qua đó là hoạt động của Chính phủ, chính là Thủ tướng. Như vậy, Thủ tướng chứ không phải là Tổng thống có quyền triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Nội các. Khi Thủ tướng không dự họp được thì một Bộ trưởng được ủy quyền của Thủ tướng sẽ nắm quyền chủ tọa. Tổng thống là người bổ nhiệm, cách chức các Bộ trưởng, nhân viên cao cấp của các Bộ và Tổng công tố. Tuy nhiên, mỗi trường hợp bổ nhiệm hoặc cách chức đó đều phải được thực hiện theo ý kiến đề xuất của Thủ tướng. Thủ tướng

1. Các điều 24, 25 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

cũng là người phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho mình và các Bộ trưởng trong Nội các¹.

Quyền tư pháp ở Xingapo được thực hiện bởi một hệ thống Tòa án bao gồm Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới được thành lập theo luật. Trong Hiến pháp chỉ quy định khá cụ thể về tổ chức và hoạt động của Tòa án tối cao. Cách thức hình thành và phạm vi thẩm quyền xét xử của các Thẩm phán và Tòa án Xingapo có nhiều nét tương đồng với các đồng nghiệp Malaixia. Về thẩm quyền, ngoài thẩm quyền tư pháp thông thường, Tòa án tối cao Xingapo còn có thẩm quyền xét xử các khiếu kiện liên quan tới giá trị pháp lý của cuộc bầu cử Tổng thống. Các vụ việc như vậy sẽ được xét xử bởi Chánh án Tòa án tối cao hoặc một Thẩm phán của Tòa án tối cao do Chánh án chỉ định. Quyết định của của vị Thẩm phán đó được coi là quyết định cuối cùng². Giống với Tòa án Liên bang Malaixia, Tòa án tối cao Xingapo cũng có thể thực hiện vai trò cố vấn theo yêu cầu của Tổng thống về tính hợp hiến của bất kỳ hành vi nào. Như vậy là, phạm vi của đối tượng bị xem xét tính hợp Hiến bởi Tòa án tối cao Xingapo rộng hơn Tòa án Liên bang Malaixia. Yêu cầu của Tổng thống về tính hợp hiến sẽ được xem xét bởi một hội đồng gồm ba Thẩm phán Tòa án tối cao và phải được gửi tới Tổng thống trong khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày Tổng thống có yêu cầu³.

1, 2, 3. Các điều 28, 30, 34, 35; các điều 93, 93A; Điều 100 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Để trở thành Thẩm phán Tòa án tối cao, ứng cử viên cần phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật hoặc công quyền. Giống với Hiến pháp Malaixia, Hiến pháp Xingapo quy định cho Chính phủ một vai trò khá quan trọng trong việc bổ nhiệm và cách chức Thẩm phán Tòa án tối cao. Thẩm phán Tòa án tối cao do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Thủ tướng, người cũng phải tham vấn ý kiến của Chánh án Tòa án tối cao trước khi đưa đề cử lên Tổng thống. Chánh án Tòa án tối cao cũng do Tổng thống bổ nhiệm và người đề cử cũng là Thủ tướng¹.

Mặc dù, Hiến pháp Xingapo không quy định cụ thể nguyên tắc Thẩm phán xét xử độc lập, song có quy định một số biện pháp bảo đảm nguyên tắc này tương tự như Hiến pháp Malaixia. *Thứ nhất*, sau khi được bổ nhiệm, Thẩm phán cũng có nhiệm kỳ suốt đời cho đến độ tuổi về hưu là 65 tuổi. Trong suốt quá trình đó, Thẩm phán cũng không thể bị cách chức theo con đường hành chính. *Thứ hai*, để cách chức một Thẩm phán, bắt buộc phải theo thủ tục tư pháp tại một Tòa án riêng. Thủ tướng Chính phủ hoặc Chánh án Tòa án tối cao có thể đề xuất việc xem xét cách chức Thẩm phán lên Tổng thống. Theo đó, Tổng thống sẽ thành lập một Tòa án riêng bao gồm 5 người đang hoặc đã từng giữ chức Thẩm phán Tòa án tối cao. Những người này sẽ xem xét theo thủ tục tư pháp và ra quyết định cuối cùng về việc cách chức Thẩm phán. Hiến pháp Xingapo cũng không quy định cụ thể các trường hợp

1. Các điều 94-96 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Thủ tướng được đề nghị cách chức Thẩm phán mà theo những quy định hiện tại thì Thủ tướng Xingapo cũng có thể đưa ra đề nghị cách chức Thẩm phán Tòa án tối cao vào bất cứ khi nào và với bất cứ lý do gì. *Thứ ba*, chính sách đãi ngộ bao gồm cả lương hưu của Thẩm phán không thể bị giảm theo hướng bất lợi hơn kể từ sau khi Thẩm phán được bổ nhiệm. *Thứ tư*, Nghị viện Xingapo cũng không có quyền bàn luận gì về tư cách đạo đức của Thẩm phán Tòa án tối cao trừ khi có một bản kiến nghị riêng biệt của không ít hơn 1/4 tổng số nghị sĩ¹.

Những trình bày, phân tích trên đây cho thấy trên thực tế, Nội các Xingapo mà người đứng đầu là Thủ tướng mới thực sự là người chi phối lớn nhất đối với hoạt động tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở Xingapo. Nội các không những nắm đa số trong Nghị viện, chỉ đạo và thực hiện quyền hành pháp mà còn chi phối về tổ chức đối với hệ thống tư pháp. Có thể thấy rằng, chính thể của Xingapo chỉ là chính thể cộng hòa lưỡng tính về mặt hình thức. Còn về thực chất, đó là một chính thể cộng hòa đại nghị với một Nội các có vai trò mạnh trong bộ máy nhà nước.

2. Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia, Philíppin và chính thể cộng hòa tổng thống

Indônêxia và Philíppin là hai quốc gia duy nhất theo hình thức chính thể cộng hòa tổng thống trong khu vực ASEAN. Do đó, trong cách thức tổ chức thực hiện quyền

1. Các điều 98, 99 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

lực nhà nước ở hai quốc gia về cơ bản là giống nhau, tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có những điểm khác biệt đáng kể phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi quốc gia.

Hiến pháp của các nước Indônêxia và Philíppin đều quy định, quyền hành pháp được trao cho Tổng thống và Tổng thống đều do cử tri trực tiếp bầu ra trong cuộc bầu cử Tổng thống toàn quốc. Do vậy, Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa trực tiếp thực thi quyền hành pháp. Trong bộ máy nhà nước không có Chính phủ và cũng không có Nội các, Tổng thống chính là quyền hành pháp và quyền hành pháp được trao cho cá nhân Tổng thống. Giúp việc cho Tổng thống của cả hai quốc gia là một Phó Tổng thống cũng do người dân trực tiếp bầu ra. Ở cả hai quốc gia, Tổng thống và Phó Tổng thống hợp thành một cặp để cùng tham gia tranh cử Tổng thống. Cặp ứng cử viên nào nhận được hơn 50% phiếu bầu của cử tri sẽ trúng cử. Ở Indônêxia, để trúng cử Tổng thống thì ứng cử viên phải giành được ít nhất 20% phiếu bầu ở bất kỳ tỉnh nào. Ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống Indônêxia phải là công dân Indônêxia do sinh ra, chưa bao giờ nhận quốc tịch nước khác theo mong muốn của mình, chưa bao giờ phản bội Tổ quốc và có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống và Phó Tổng thống. Hiến pháp Indônêxia cũng quy định ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống phải tranh cử theo đảng phái; các ứng cử viên độc lập do đó sẽ không được chấp nhận. Điều kiện để trở thành ứng cử viên Tổng thống ở Philíppin có phức tạp hơn một chút. Ngoài điều kiện quốc tịch như quy định của Hiến pháp Indônêxia, ứng cử

viên Tổng thống Philippin còn phải là cử tri đã đăng ký, không dưới 40 tuổi và phải cư trú ở Philippin ít nhất 10 năm trước khi diễn ra cuộc bầu cử. Tuy nhiên, không có quy định bắt buộc các ứng cử viên Tổng thống phải tranh cử theo đảng phái¹.

Tổng thống Indônêxia có nhiệm kỳ 5 năm và chỉ có thể nắm giữ chức vụ này tối đa hai nhiệm kỳ. Tổng thống Philippin có nhiệm kỳ dài hơn một chút, 6 năm; song đổi lại, Tổng thống Philippin không được tái bầu. Những người kế nhiệm của Tổng thống Philippin nếu nắm giữ chức vụ từ 4 năm trở lên cũng sẽ không được tái bầu. Trước khi nhậm chức, Tổng thống của cả hai quốc gia này đều phải tuyên thệ với những nội dung giống nhau như giữ gìn và bảo vệ Hiến pháp, thi hành các luật, bảo vệ công lý, hết lòng phục vụ Tổ quốc, v.v.. Trong trường hợp Tổng thống Indônêxia qua đời hoặc không còn đảm nhiệm chức vụ trong khi vẫn còn nhiệm kỳ, Phó Tổng thống sẽ thay thế Tổng thống; nếu Phó Tổng thống cũng lâm vào tình trạng tương tự thì chức vụ Tổng thống sẽ được thực hiện bởi một tập thể gồm Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Nội vụ và Bộ trưởng Quốc phòng trong khi chờ Hội đồng tư vấn nhân dân họp để bầu Tổng thống và Phó Tổng thống mới cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Đối với Philippin, người tiếp quản chức vụ Tổng thống nếu cả Tổng thống và Phó Tổng thống đều không thể đảm nhiệm được chức vụ Tổng thống trong khi vẫn còn nhiệm

1.. Các điều 4, 6, 6A Hiến pháp Indônêxia, khoản 1, 2, 3 Điều 2 Hiến pháp Phillipin hiện hành.

kỳ sẽ lần lượt là Chủ tịch Thượng nghị viện và Chủ tịch Hạ nghị viện¹.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn để thực hiện quyền hành pháp, Tổng thống Indônêxia và Philíppin còn có các nhiệm vụ, quyền hạn gắn liền với vị trí nguyên thủ quốc gia như thống lĩnh các lực lượng vũ trang, ban hành lệnh ân xá, đặc xá, thay mặt quốc gia ký kết các điều ước quốc tế, tuyên bố tình trạng khẩn cấp, bổ nhiệm đại sứ tại nước ngoài và tiếp nhận đại sứ nước ngoài. Đối với một số nhiệm vụ, quyền hạn, khi thực hiện, Tổng thống phải dựa trên ý kiến hoặc sự phê chuẩn của một cơ quan khác. Ví dụ, quyền ban lệnh ân xá của Tổng thống Indônêxia khi thực hiện phải tham khảo ý kiến của Hội đồng đại diện nhân dân. Khi tuyên bố chiến tranh hay hòa bình, Tổng thống Indônêxia cũng phải được sự phê chuẩn của Hội đồng đại diện nhân dân. Đối với Tổng thống Philíppin, khi ký kết các điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế đều phải có sự đồng thuận của ít nhất 2/3 tổng số Thượng nghị sĩ². So với Tổng thống Xingapo và các Quốc vương của chính thể quân chủ lập hiến trong khu vực ASEAN, Tổng thống của Indônêxia và Philíppin, với tư cách nguyên thủ quốc gia, ít phải lệ thuộc vào một cơ quan khác hơn khi thực hiện các quyền nguyên thủ của mình. Bởi vì, sự kết hợp vị trí nguyên thủ quốc gia với người đứng đầu nhánh hành

1. Các điều 8, 9 Hiến pháp Indônêxia, khoản 5, 6 Điều 2 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

2. Các điều 10-14 Hiến pháp Indônêxia, khoản 17-20 Điều 2 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

pháp trong mô hình chính thể cộng hòa tổng thống của hai quốc gia này.

Mang đặc trưng của mô hình cộng hòa tổng thống, Tổng thống của Indônêxia và Philíppin đều có quyền phủ quyết đối với các dự luật đã được cơ quan lập pháp thông qua song nội dung của quyền này ở mỗi quốc gia lại có đặc thù riêng. Hiến pháp Indônêxia quy định Hội đồng đại diện nhân dân có thẩm quyền ban hành luật. Tuy nhiên, mỗi dự luật đều phải được thảo luận giữa Hội đồng đại diện nhân dân và Tổng thống để đi đến thống nhất chung. Chỉ khi có ý kiến thống nhất chung thì Tổng thống mới ký xác thực dự luật; trong trường hợp ngược lại, dự luật đó có thể sẽ không được bàn tới nữa. Quyền của Tổng thống Indônêxia về thực chất lớn hơn rất nhiều so với quyền phủ quyết thông thường. Vai trò của Tổng thống Indônêxia về thực chất là ngang bằng với toàn bộ Hội đồng đại diện nhân dân trong công tác lập pháp chứ không chỉ là vai trò kiểm tra, kiểm chế công tác lập pháp thông thường. Hơn nữa, Hiến pháp Indônêxia cũng quy định Tổng thống có quyền trình dự án luật ra Hội đồng đại diện nhân dân và quyền ban hành các quy định dưới luật để thực hiện các luật khi cần thiết. Như vậy, Tổng thống Indônêxia không những nắm quyền hành pháp và vị trí nguyên thủ quốc gia mà còn nắm thực quyền trong lĩnh vực lập pháp, cho phép Tổng thống tham gia một cách tích cực, chủ động và đầy chi phối trong các hoạt động lập pháp. Đây là một nét đặc thù của chính thể cộng hòa tổng thống ở Indônêxia, khác với các chính thể cộng hòa tổng thống truyền thống như Philíppin, nơi mà

ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tách biệt, với nhau và do đó, Tổng thống thường là không có quyền trình dự án luật và ít tham gia chủ động vào hoạt động lập pháp¹.

Trong chính thể cộng hòa tổng thống của Philippin, quyền phủ quyết của Tổng thống mang tính chất truyền thống hơn. Tổng thống có thể phủ quyết các dự luật đã được Nghị viện thông qua bằng cách từ chối công bố dự luật đó và gửi trả lại Nghị viện. Hai viện của Nghị viện sẽ tiến hành xem xét lại dự luật và nếu có từ 2/3 tổng số thành viên của mỗi viện đều cùng thông qua dự luật trong lần xem xét lại thì dự luật đó sẽ trở thành luật cho dù Tổng thống có đồng ý hay không. Như vậy, Tổng thống Philippin chỉ có vai trò kiểm tra chứ không thực sự quyết định công tác lập pháp².

Cho dù có quyền lớn thế nào trong lĩnh vực lập pháp thì cả Tổng thống Indônêxia và Philippin đều không có quyền giải tán cơ quan lập pháp. Song cả vị trí Tổng thống ở hai quốc gia này đều có thể bị cách chức qua thủ tục đàn hạch³ do các cơ quan có thẩm quyền tiến hành. Tổng thống và Phó Tổng thống Indônêxia có thể bị luận tội và bãi nhiệm nếu bị chứng minh là phản bội Tổ quốc, tham nhũng, hối lộ, có bất cứ hành vi phạm trọng tội nào khác hoặc có hành vi ô nhục hoặc bị chứng minh là không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ mà mình đang

1. Các điều 5, 20 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2. Khoản 27, Điều 6 Hiến pháp Philippin hiện hành.

3. Thủ tục đàn hạch (impeachment procedures) được hiểu là nghe báo cáo, chất vấn hoặc điều trần.

gánh vác. Cơ quan có thẩm quyền dàn hạch và cách chức Tổng thống là Hội đồng tư vấn nhân dân. Thủ tục luận tội trước tiên bắt đầu bằng việc ít nhất có 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng đại diện nhân dân đồng ý luận tội Tổng thống trước Tòa án Hiến pháp. Trong vòng 90 ngày sau đó, Tòa án Hiến pháp phải ra phán quyết về việc Tổng thống có thực sự phạm tội hoặc vi phạm như quan điểm của Hội đồng đại diện nhân dân hay không. Nếu phán quyết là khẳng định thì vụ việc sẽ được chuyển lên Hội đồng tư vấn nhân dân để giải quyết trong 30 ngày sau đó. Phiên họp của Hội đồng tư vấn nhân dân để dàn hạch Tổng thống phải có ít nhất 3/4 tổng số thành viên tham gia, nếu có ít nhất 2/3 trong số đó đồng ý với việc dàn hạch Tổng thống thì Tổng thống sẽ bị bãi nhiệm¹.

Ở Philíppin, Tổng thống có thể bị dàn hạch và bãi nhiệm nếu vi phạm Hiến pháp, phản bội Tổ quốc, nhận hối lộ, đưa hối lộ, tham nhũng, đã phạm vào các tội phạm nguy hiểm khác hoặc đã phản bội lại lòng tin của công chúng. Hạ nghị viện, với tối thiểu 1/3 tổng số Hạ nghị sĩ, là cơ quan có thẩm quyền khởi xướng thủ tục dàn hạch. Cơ quan có thẩm quyền dàn hạch Tổng thống chính là Thượng nghị viện. Số phiếu tối thiểu để Thượng nghị viện dàn hạch và bãi nhiệm Tổng thống Philíppin là 2/3 tổng số thành viên Thượng nghị viện².

Bên cạnh thủ tục dàn hạch, Hiến pháp Philíppin cũng có những quy định đặc thù mang tính phòng ngừa

1. Các điều 7A, 7B Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

2. Khoản 2, 3 Điều 11 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

nguy cơ Tổng thống tham nhũng hoặc lạm quyền. Tổng thống được yêu cầu tuyệt đối tránh trường hợp xung đột lợi ích khi thực thi nhiệm vụ của mình. Hơn nữa, vợ/chồng, họ hàng ruột thịt hoặc thân thuộc trong phạm vi 4 đời của Tổng thống không được bổ nhiệm làm thành viên của các ủy ban hiến định hoặc cơ quan Thanh tra, Bộ trưởng, Thứ trưởng, lãnh đạo các cơ quan, văn phòng kể cả các công ty hoặc chi nhánh thuộc thành phần kinh tế nhà nước¹.

Khác với vị trí nguyên thủ quốc gia và quyền hành pháp, quyền lập pháp của Tổng thống được tổ chức thực hiện theo những cách thức tương đối khác nhau giữa Indônêxia và Philíppin.

Hiến pháp Indônêxia quy định hết sức ngắn gọn về cơ quan lập pháp. Cơ quan lập pháp của Indônêxia là Hội đồng đại diện nhân dân. Tuy nhiên, như phân tích trên đây, trên thực tế quyền lập pháp ở Indônêxia được phối hợp thực hiện giữa Hội đồng đại diện nhân dân và Tổng thống. Ở một khía cạnh nào đó, Tổng thống thậm chí còn “mạnh” hơn Hội đồng đại diện nhân dân trong lĩnh vực lập pháp, bởi vì bên cạnh vai trò phối hợp ngang bằng với Hội đồng đại diện nhân dân, Tổng thống còn có quyền trình dự án luật và quyền lập quy. Hiến pháp Indônêxia thậm chí còn quy định trong trường hợp khủng hoảng bất buộc, Tổng thống có quyền ban hành các sắc lệnh thay cho luật. Tuy nhiên, các sắc lệnh này sau đó

1. Khoản 16 Điều 2 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

phải được Hội đồng đại diện nhân dân phê chuẩn thì mới có thể được tiếp tục thi hành¹.

Hội đồng đại diện nhân dân của Indônêxia là cơ quan được hình thành bằng con đường bầu cử thông qua các đơn vị bầu cử. Hội đồng này họp ít nhất một năm một lần. Ngoài chức năng lập pháp, Hội đồng đại diện nhân dân còn có chức năng lập ngân sách và giám sát. Để thực hiện chức năng giám sát, Hội đồng có quyền chất vấn, điều tra, bày tỏ quan điểm. Tuy nhiên, Hiến pháp Indônêxia không quy định cụ thể các quyền chất vấn, điều tra, bày tỏ quan điểm².

Trong tổ chức bộ máy nhà nước của Indônêxia còn có một cơ quan có vai trò hỗ trợ Hội đồng đại diện nhân dân trong việc ban hành luật về một số vấn đề nhất định, đó là Hội đồng đại diện địa phương. Cơ quan này bao gồm các thành viên được cử tri bầu trực tiếp ở mỗi tỉnh. Số thành viên đại diện cho các tỉnh là như nhau và tổng số đại biểu của Hội đồng đại diện địa phương không vượt quá 1/3. Thẩm quyền của Hội đồng đại diện địa phương được tập trung vào hai lĩnh vực: (1) Trình, thảo luận các dự luật về tự chủ địa phương, thành lập, phát triển cũng như sáp nhập các địa phương tại Hội đồng đại diện nhân dân; (2) Tham gia thảo luận và đưa ra khuyến nghị đối với Hội đồng đại diện nhân dân về các dự luật liên quan tới ngân sách nhà nước, thuế, giáo dục và tôn giáo; (3) Giám sát việc thực hiện các đạo luật liên quan tới tự chủ địa phương,

1, 2. Các điều 19, 20, 22; các điều 20, 20A Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

thành lập, phát triển cũng như sáp nhập các địa phương, quản lý các nguồn lợi thiên nhiên cũng như các nguồn lợi kinh tế khác, việc thực hiện ngân sách nhà nước, thuế, giáo dục, tôn giáo¹.

Hội đồng đại diện nhân dân và Hội đồng đại diện địa phương hợp thành Hội đồng tư vấn nhân dân, một cơ quan rất đặc biệt của Indônêxia. Giống như Hội đồng đại diện nhân dân và Hội đồng đại diện địa phương, Hội đồng tư vấn nhân dân họp mỗi năm một lần và có thẩm quyền tập trung vào hai lĩnh vực: (1) Sửa đổi và ban hành Hiến pháp; (2) Bãi nhiệm Tổng thống và/hoặc Phó Tổng thống theo các quy định của Hiến pháp².

Khác với Hiến pháp Indônêxia, Hiến pháp Philíppin quy định quyền lập pháp ở Philíppin được thực hiện bởi hai chủ thể: người dân và Nghị viện. Người dân Philíppin được thực hiện một số quyền lập pháp thông qua thủ tục trưng cầu dân ý và theo quy định của luật về trưng cầu dân ý. Phần còn lại của quyền lập pháp, chiếm phần lớn, thuộc về một nghị viện theo mô hình lưỡng viện. Thượng nghị viện bao gồm 24 Thượng nghị sĩ, mỗi người trong số đó đều do toàn thể nhân dân Philíppin bầu ra. Để có thể được làm ứng cử viên Thượng nghị sĩ, đòi hỏi người đó phải đáp ứng các điều kiện như: có quốc tịch Philíppin, ít nhất 35 tuổi, có khả năng đọc và viết, là cử tri đã đăng ký và cư trú ở Philíppin ít nhất hai năm trước ngày bầu cử.

1, 2. Các điều 22C, 22D; Điều 2 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

Các Thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ 6 năm và không được bầu quá 2 nhiệm kỳ liên tục¹.

Các Hạ nghị sĩ của Philíppin cũng do người dân bầu trực tiếp, song cuộc bầu cử đó diễn ra theo các đơn vị bầu cử. Tiêu chuẩn để trở thành ứng cử viên Hạ nghị sĩ về cơ bản giống với tiêu chuẩn ứng cử viên Thượng nghị sĩ. Chỉ có yêu cầu về tuổi là thấp hơn, đối với ứng cử viên Hạ nghị sĩ, yêu cầu đó là từ 25 tuổi trở lên. Sau khi trúng cử, Hạ nghị sĩ có nhiệm kỳ 3 năm và có thể được tái bầu tối đa 3 nhiệm kỳ liên tục².

Như vậy, có sự khác biệt khá cơ bản trong tính đại diện của Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ Philíppin. Hạ nghị sĩ là những người đại diện cho các đơn vị bầu cử, thường được bầu theo đảng phái; trong khi đó, Thượng nghị sĩ được bầu bởi cử tri toàn quốc và thường có xu hướng là những người có thâm niên, có uy tín trong xã hội.

Cho dù là Thượng nghị sĩ hay Hạ nghị sĩ thì cũng đều phải chịu chế độ cấm đoán khá ngặt nghèo để bảo đảm sự độc lập của Nghị viện Philíppin đối với các nhánh quyền lực cũng như các công việc khác. Hiến pháp Philíppin quy định không nghị sĩ nào được đồng thời làm việc cho các cơ quan chính phủ kể cả các công ty hoặc chi nhánh mà Chính phủ sở hữu hoặc kiểm soát. Không nghị sĩ nào có thể là luật sư trước Tòa án, cơ quan tài phán về vấn đề bầu cử, cơ quan bán tư pháp hoặc các cơ quan hành chính khác. Họ cũng không thể trực tiếp hoặc gián tiếp

1, 2. Các khoản 2, 3, 4 Điều 6; khoản 6, 7 Điều 6 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

quan tâm về mặt tài chính đối với bất cứ hợp đồng nào hoặc các vụ việc về nhượng quyền thương hiệu hay những ưu đãi đặc biệt do Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Chính phủ, kể cả các công ty hoặc chi nhánh mà Chính phủ là chủ sở hữu hoặc nắm quyền kiểm soát mang lại trong suốt nhiệm kỳ của mình. Họ không được can thiệp vào bất kỳ vấn đề gì trước bất cứ cơ quan nào của Chính phủ liên quan đến lợi ích tiền bạc của mình hay trong trường hợp họ được yêu cầu thay mặt cơ quan mình thực hiện công việc¹.

Trong cơ cấu tổ chức, Nghị viện hoặc mỗi viện đều có thể thành lập bất cứ ủy ban nào. Các ủy ban của Nghị viện đều có quyền tiến hành các cuộc điều tra cần thiết để hỗ trợ cho hoạt động lập pháp. Đặc biệt quan trọng trong số các ủy ban của Nghị viện là Ủy ban về các vấn đề bổ nhiệm. Ủy ban này bao gồm Chủ tịch Thượng nghị viện và 24 nghị sĩ, một nửa trong số đó đến từ Thượng nghị viện và nửa còn lại đến từ Hạ nghị viện. Chức năng của Ủy ban này là đề cử hoặc kiểm tra việc bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng của Nhà nước. Nghị viện Philippin được triệu tập họp thường kỳ mỗi năm một lần, mỗi lần kéo dài 11 tháng².

Giống với nghị sĩ ở một số nước khác trong khu vực ASEAN, nghị sĩ Philippin cũng được hưởng một số quyền miễn trừ. Khoản 11 Điều 6 Hiến pháp Philippin hiện hành quy định: “Thượng nghị sĩ hoặc Hạ nghị sĩ nào thực

1, 2. Khoản 13, 14 Điều 6; các khoản 15, b18, 21 Điều 6 Hiến pháp Philippin hiện hành.

hiện hành vi phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt không quá sáu năm tù giam thì được hưởng đặc ân không bị bắt giữ trong thời gian Nghị viện đang họp. Không nghị sĩ nào bị chất vấn hoặc bị truy cứu trách nhiệm về việc phát biểu hoặc thảo luận tại Nghị viện hoặc ở bất cứ ủy ban nào của Nghị viện”.

Quyền lập pháp được Thượng nghị viện và Hạ nghị viện phối hợp thực hiện. Ngoại trừ các dự luật về phân bổ ngân sách, thuế, dự luật cho phép tăng nợ công bắt buộc phải bắt đầu từ Hạ nghị viện, các dự luật trong các lĩnh vực còn lại đều có thể được bắt đầu từ một trong hai viện. Tại mỗi viện, một dự luật phải được xem xét và bỏ phiếu trong ba ngày riêng biệt trước khi được chuyển cho viện kia¹.

Ngoài quyền lập pháp, Nghị viện Philippin còn một số quyền khác như quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, quyền đàn hạch Tổng thống, v.v.. Nghị viện Philippin cũng có quyền chất vấn các Bộ trưởng².

Hiến pháp của cả Indônêxia và Philippin đều trao quyền tư pháp cho một hệ thống Tòa án đứng đầu là Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới. Riêng Indônêxia còn có Tòa án Hiến pháp trong hệ thống Tòa án của mình. Ở Philippin, thẩm quyền bảo hiến thuộc về Tòa án tối cao. Mặc dù đề cập cả các Tòa án cấp dưới, song Hiến pháp của cả hai quốc gia thực sự chỉ quy định về Tòa án tối cao và đối với Indônêxia là cả Tòa án Hiến pháp. Tổ chức và

1, 2. Khoản 26 Điều 6; khoản 22 Điều 6 Hiến pháp Philippin hiện hành.

thẩm quyền của các Tòa án cấp dưới được điều chỉnh bởi các luật có liên quan.

Về mặt thẩm quyền, hệ thống Tòa án của Indônêxia được xét xử các vụ án liên quan tới pháp luật chung, các vụ án quân sự, hành chính, Hiến pháp và cả các vấn đề tôn giáo. Trong khi đó, Hiến pháp Philippin không đề cập thẩm quyền xét xử các vụ việc liên quan tới tôn giáo của hệ thống Tòa án¹.

Cả hai bản Hiến pháp đều nhấn mạnh tới nguyên tắc tính độc lập của Tòa án, đặc biệt là của Tòa án tối cao. Hiến pháp Indônêxia quy định: quyền tư pháp là độc lập nhằm tổ chức hoạt động xét xử bảo đảm duy trì luật pháp và công lý. Các ứng cử viên Thẩm phán Tòa án tối cao do Ủy ban Tư pháp đề xuất, Hội đồng đại diện nhân dân phê chuẩn và Tổng thống là người bổ nhiệm. Ủy ban Tư pháp là một cơ quan độc lập bao gồm các thành viên do Tổng thống bổ nhiệm và bãi nhiệm với sự đồng ý của Hội đồng đại diện nhân dân. So với Hiến pháp Indônêxia, Hiến pháp Philippin quy định cụ thể và chi tiết hơn khá nhiều về nguyên tắc Tòa án độc lập. Hiến pháp quy định Nghị viện Philippin có thẩm quyền ban hành luật để phân định thẩm quyền của các Tòa án khác nhau trong hệ thống tư pháp, song không được tước đoạt thẩm quyền của Tòa án tối cao như quy định trong Hiến pháp. Các luật liên quan tới tổ chức lại cơ quan tư pháp, làm ảnh hưởng đến nhiệm kỳ của Thẩm phán đều bị cấm. Hệ thống Tòa án được hưởng độc lập tài chính. Ngân sách

1. Điều 24 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

cho hoạt động hàng năm của Tòa án không thể bị thay đổi, việc giải ngân cũng được tiến hành tự động. Các Thẩm phán của Philippin do Tổng thống bổ nhiệm căn cứ trên một danh sách có ba ứng cử viên cho mỗi vị trí được Hội đồng Tư pháp và luật sư đề cử. Hội đồng này bao gồm Chánh án Tòa án tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đại diện của Nghị viện, đại diện của đoàn luật sư, một giáo sư luật, một Thẩm phán Tòa án tối cao đã về hưu và một đại diện của khu vực tư nhân. Các thành viên của Hội đồng này đều do Tổng thống bổ nhiệm với sự nhất trí của Ủy ban về các vấn đề bổ nhiệm, có nhiệm kỳ 4 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Một biện pháp khác được Hiến pháp Philippin quy định trong Hiến pháp nhằm bảo đảm tính hoạt động độc lập của Tòa án nước này là lương của Chánh án Tòa án tối cao và tất cả các Thẩm phán trong hệ thống Tòa án sẽ không bị giảm trong thời gian đương nhiệm. Thẩm phán Philippin có nhiệm kỳ suốt đời cho đến 70 tuổi. Thẩm phán chỉ có thể bị kỷ luật và bị bãi nhiệm nếu họ bị đưa ra xem xét bởi một hội đồng gồm đầy đủ tất cả 15 thành viên của Tòa án tối cao¹.

Phạm vi đối tượng có thể bị kiện vì vi phạm Hiến pháp của hai hệ thống Tòa án cũng có sự khác nhau đáng kể. Thẩm quyền bảo hiến của Indônêxia chỉ bao gồm các đạo luật do Nghị viện ban hành. Trong khi đó, thẩm quyền bảo hiến của Philippin bao trùm lên cả các đối tượng là điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, luật,

1. Các điều 24A, 24B, khoản 2-4 Điều 8 Hiến pháp Philippin hiện hành.

ng nghị định, tuyên bố, sắc lệnh, thông tư hay quy định của Tổng thống¹.

Qua những phân tích trên đây, có thể kết luận ngắn gọn về sự khác biệt nổi bật nhất giữa chính thể cộng hòa tổng thống của Indônêxia và Philíppin như sau. Chính thể Philíppin thể hiện rõ hơn đặc điểm của một chính thể cộng hòa tổng thống truyền thống, nơi sự tách biệt và cơ chế kiểm chế đối trọng giữa ba quyền hành pháp - lập pháp - tư pháp thể hiện khá rõ ràng. Trong khi đó, ở Indônêxia sự tách bạch đó ít rõ ràng hơn thể hiện ở vai trò mạnh của Tổng thống cả trong lĩnh vực hành pháp và lập pháp. Điều này dẫn tới vai trò và tầm ảnh hưởng của Tổng thống Indônêxia trong bộ máy nhà nước lớn hơn nhiều so với người đồng nhiệm ở Philíppin.

3. Hiến pháp Lào và chính thể cộng hòa đại nghị

Chính thể cộng hòa đại nghị của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được đặc trưng bởi vị trí của Quốc hội trong tổ chức bộ máy nhà nước. Quốc hội Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là cơ quan Trung ương duy nhất được nhân dân trực tiếp bầu ra. Chính vì vậy, ngoài chức năng lập pháp, Quốc hội nước này còn có chức năng quyết định những vấn đề cơ bản, quan trọng của đất nước và giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính, các Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Với tư cách là cơ quan lập pháp, Quốc hội có quyền làm Hiến pháp và sửa đổi

1. Điều 24C, khoản 5 Điều 8 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

Hiến pháp, làm luật, sửa đổi hoặc hủy bỏ luật, phê chuẩn hoặc bãi bỏ các hiệp ước, hiệp định ký với nước ngoài. Để thực hiện chức năng quyết định những vấn đề cơ bản, quan trọng của đất nước, Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đất nước và ngân sách, quyết định đại xá, quyết định chiến tranh hay hòa bình. Quốc hội cũng thành lập tất cả các cơ quan nhà nước cao nhất ở cấp Trung ương như bầu, bãi miễn Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội; xem xét và phê chuẩn chức danh Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Chủ tịch nước; xem xét và phê chuẩn cơ cấu tổ chức của Chính phủ và việc bổ nhiệm, thuyên chuyển hoặc cách chức các thành viên Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ; bầu và bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước; quyết định thành lập hoặc bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh và thành phố, quyết định về địa giới tỉnh và thành phố theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. Để thực hiện chức năng giám sát, Quốc hội Lào có các quyền chất vấn Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hình thức chất vấn có thể là đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản. Quốc hội cũng có quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ hoặc một thành viên nào đó của Chính phủ theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc một phần tư tổng số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Quốc hội xem xét lại quyết định bất tín nhiệm

trong vòng 24 giờ sau đó. Nếu trong lần xem xét lại, Quốc hội vẫn bất tín nhiệm Thủ tướng thì Thủ tướng phải từ chức. Có thể nói là về mặt pháp lý, Quốc hội Lào có sự chi phối đối với Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cả về phương diện tổ chức và hoạt động. Riêng đối với Chủ tịch nước, vị thế của Quốc hội có phần khác hơn như được phân tích dưới đây¹.

Giống với Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Lào có quy định một cơ quan rất đặc thù trong cơ cấu, tổ chức các cơ quan của Quốc hội, đó là Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cơ quan này đóng vai trò là cơ quan thường trực của Quốc hội và giải quyết một số công việc thuộc phạm vi thẩm quyền được Quốc hội giao giữa hai kỳ họp Quốc hội. Trong cơ cấu tổ chức của Nghị viện các quốc gia ASEAN khác được nghiên cứu ở đây không có sự hiện diện của cơ quan thường vụ này. Nét đặc thù này có lẽ bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển của cơ quan đại diện cao nhất của Campuchia và Lào. Cả hai quốc gia đều đã từng hoặc đang tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình xã hội chủ nghĩa với sự hiện diện của cơ quan thường vụ của cơ quan đại diện cao nhất. Có lẽ do những đặc điểm ưu việt nào đó của loại cơ quan này nên Campuchia mặc dù hiện không còn tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình xã hội chủ nghĩa nữa song vẫn tiếp tục sự hiện diện của cơ quan này.

1. Các điều 52, 53, 63, 74 Hiến pháp Lào hiện hành.

Mặc dù các đại biểu Quốc hội Lào do nhân dân trực tiếp bầu ra để lập thành Quốc hội, song chưa có quy định về việc các đại biểu Quốc hội có quyền sáng kiến lập pháp như tất cả những người đồng nhiệm của họ trong khu vực, nên vai trò của họ là phê duyệt, thông qua theo nguyên tắc đa số tuyệt đối các dự án luật do một số chủ thể nhất định có quyền trình ra trước Quốc hội, bao gồm: Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức đoàn thể ở cấp Trung ương. Một dự luật sau khi được Quốc hội thông qua sẽ phải được Chủ tịch nước công bố trong thời hạn không quá 30 ngày. Trong thời gian đó, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Quốc hội xem xét lại. Nếu Quốc hội vẫn quyết định thông qua dự luật thì Chủ tịch nước phải công bố trong thời hạn 15 ngày¹.

Quốc hội Lào có nhiều nét giống với Hạ nghị viện Campuchia về mặt cơ cấu tổ chức với sự hiện diện của một cơ quan thường trực, gọi là Ủy ban thường vụ Quốc hội, và các ủy ban chuyên trách. Ủy ban thường vụ Quốc hội được coi là cơ quan thường trực, thực hiện nhiệm vụ thay mặt Quốc hội trong thời gian Quốc hội không họp. Ủy ban thường vụ Quốc hội có các nhiệm vụ quyền hạn như chuẩn bị báo cáo cho kỳ họp Quốc hội và bảo đảm cho Quốc hội thực hiện được chương trình của mình theo quy định; giải thích Hiến pháp và các văn bản pháp luật; giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp,

1. Điều 59, 60 Hiến pháp Lào hiện hành.

Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân khi Quốc hội không họp; bổ nhiệm, thuyên chuyển hoặc bãi nhiệm Thẩm phán của Tòa án nhân dân các cấp và Thẩm phán Tòa án quân sự; triệu tập kỳ họp của Quốc hội và một số quyền hạn và nhiệm vụ khác theo luật định. Các ủy ban chuyên trách của Quốc hội Lào được lập ra để xem xét các dự thảo luật, sắc lệnh trình lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Các ủy ban này cũng giúp Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện quyền giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân¹.

Nhiệm kỳ của Quốc hội Lào là 5 năm kể từ khi được bầu. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh hoặc những lý do khách quan không tiến hành bầu cử được thì nhiệm kỳ này có thể được kéo dài. Khi tình hình đã trở lại bình thường thì Quốc hội khóa mới phải được bầu trong vòng 6 tháng sau đó. Với sự đồng thuận của 2/3 tổng số đại biểu, Quốc hội cũng có thể rút ngắn nhiệm kỳ của mình. Mỗi năm, Quốc hội Lào họp 2 lần thường kỳ hoặc họp bất thường theo sự triệu tập của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Số đại biểu cần thiết để tiến hành họp và bỏ phiếu là quá nửa tổng số đại biểu. Các quyết định thông thường của Quốc hội được thông qua với đa số phiếu đồng thuận của các đại biểu dự họp. Các đại biểu Quốc hội cũng có những quyền miễn trừ như không bị truy tố hoặc giam giữ nếu chưa được sự đồng ý của Quốc hội hay Ủy ban thường vụ Quốc hội khi Quốc hội không họp. Trường hợp phạm

1. Các điều 56, 62 Hiến pháp Lào hiện hành.

pháp quả tang thì cơ quan có thẩm quyền phải ngay lập tức thông báo với Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định¹.

Theo quy định của Hiến pháp, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là nguyên thủ quốc gia và là người đại diện cho nhân dân các dân tộc Lào về mặt đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội với ít nhất 2/3 số phiếu tán thành của các đại biểu dự họp và có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Phó Chủ tịch nước là người được Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội với quá nửa số phiếu tán thành. Phó Chủ tịch nước giúp Chủ tịch nước làm nhiệm vụ, có thể được Chủ tịch nước ủy nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ và thay mặt Chủ tịch nước khi Chủ tịch nước vắng mặt².

Trong cấu trúc quyền lực nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Chủ tịch nước được Hiến pháp quy định một số quyền hạn khá lớn và khá đặc biệt so với vai trò nguyên thủ quốc gia trong một chính thể cộng hòa đại nghị thông thường: *Thứ nhất*, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Quốc hội Lào xem xét lại dự luật đã được thông qua. Khi Chủ tịch nước có yêu cầu như vậy, Quốc hội Lào sẽ thảo luận và thông qua lại dự luật một lần nữa. Nếu dự luật vẫn được thông qua bởi đa số đại biểu dự họp thì Chủ tịch nước phải ký lệnh công bố. Quyền này tương tự như quyền phủ quyết của Tổng thống trong chính thể

1, 2. Các điều 54, 64; các điều 65, 66, 68 Hiến pháp Lào hiện hành.

cộng hòa tổng thống hay Quốc vương trong một số quốc gia theo chính thể quân chủ lập hiến như đề cập trên đây. *Thứ hai*, Chủ tịch nước có quyền ban hành lệnh và sắc lệnh. Lưu ý ở đây là Chủ tịch nước có quyền ban hành sắc lệnh chứ không phải Ủy ban thường vụ Quốc hội. Với việc ban hành sắc lệnh, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng nắm trong tay quyền lập pháp ở một mức độ nào đó. *Thứ ba*, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có quyền triệu tập và chủ tọa cuộc họp đặc biệt của Chính phủ. Hiến pháp Lào không quy định cụ thể thêm về thể thức, chủ đề họp và tính hiệu lực của các quyết định của các cuộc họp đó. Mặc dù vậy, sự hiện diện của quyền này cũng đem lại ảnh hưởng nhất định của Chủ tịch nước đối với Chính phủ. *Thứ tư*, Chủ tịch nước có quyền quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc từng địa phương. Theo các quy định của Hiến pháp, thì Chủ tịch nước không được yêu cầu phải tham vấn ý kiến ai trước khi thực hiện quyền này. Vì vậy, có thể hiểu đây là quyền thuộc về cá nhân Chủ tịch nước và do Chủ tịch nước tự quyết định thực hiện.

Bên cạnh những nhiệm vụ, quyền hạn có phần nào đó cao hơn nhiệm vụ, quyền hạn thông thường của một nguyên thủ quốc gia trong chính thể cộng hòa đại nghị, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng được Hiến pháp quy định những nhiệm vụ, quyền hạn thông thường khác của một nguyên thủ quốc gia như công bố Hiến pháp và pháp luật đã được Quốc hội thông qua; đề cử để Quốc hội xem xét và phê chuẩn chức vụ

Thủ tướng Chính phủ; bổ nhiệm và bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ, bổ nhiệm, điều động hoặc bãi nhiệm thành viên Chính phủ sau khi Quốc hội thông qua; bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, điều động hoặc bãi nhiệm tỉnh trưởng, thị trưởng theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ; giữ chức vụ Tổng Tư lệnh Các lực lượng vũ trang nhân dân; quyết định thăng hàm hoặc hạ cấp bậc các tướng lĩnh trong lực lượng quốc phòng, an ninh theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định tặng thưởng Huy chương Vàng quốc gia, Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công và danh hiệu cao nhất của Nhà nước; quyết định đặc xá; quyết định phê chuẩn hoặc hủy bỏ điều ước quốc tế; bổ nhiệm, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ; tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của các nước tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật¹.

Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào quy định Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước, thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nhiệm vụ đầu tiên của Chính phủ được

1. Điều 67 Hiến pháp Lào hiện hành.

Hiến pháp quy định là nhiệm vụ thi hành Hiến pháp, pháp luật, nghị quyết của Quốc hội, lệnh và sắc lệnh của Chủ tịch nước. Như vậy, về mặt Hiến định, Chính phủ là cơ quan hành pháp không chỉ của Quốc hội mà còn cả Chủ tịch nước¹.

Thành phần Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào gồm có Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Chủ nhiệm các cơ quan ngang Bộ. Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước đề cử và Quốc hội phê chuẩn, sau đó được Chủ tịch nước bổ nhiệm. Các thành viên khác của Chính phủ do Thủ tướng đề cử và Quốc hội phê chuẩn. Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Trong tập thể Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu và chỉ đạo, điều hành công việc chung cũng như chỉ đạo công việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cục và các cơ quan trực thuộc Chính phủ, chỉ đạo công tác của các tỉnh và thành phố. Thủ tướng Chính phủ có quyền bổ nhiệm, điều động, cách chức Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm cơ quan ngang Bộ, Cục trưởng, Phó Tỉnh trưởng, Phó Thị trưởng, nâng ngạch, bậc và tước quân hàm chức vụ đại tá trong lực lượng vũ trang bảo vệ an ninh quốc phòng và chức vụ khác theo luật định. Các Phó Thủ tướng Chính phủ là người giúp việc cho Thủ tướng Chính phủ, phụ trách một lĩnh vực nhất định theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, trong khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, một Phó Thủ tướng Chính phủ được

1. Khoản 1 Điều 70 Hiến pháp Lào hiện hành.

Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác của Chính phủ¹.

Ngoài nhiệm vụ chấp hành luật của Quốc hội và lệnh, pháp lệnh của Chủ tịch nước, Chính phủ còn có những nhiệm vụ, quyền hạn khác như trình dự thảo luật trước Quốc hội, dự thảo sắc lệnh, pháp lệnh trước Chủ tịch nước; xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm của Nhà nước trình Quốc hội xem xét và phê chuẩn; báo cáo hoạt động trước Quốc hội, trước Ủy ban thường vụ Quốc hội (trong khi Quốc hội không họp) và Chủ tịch nước; ban hành các văn bản về quản lý kinh tế - xã hội, khoa học, kỹ thuật, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tổ chức chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của các ngành và chính quyền địa phương; tổ chức kiểm tra hoạt động của lực lượng quốc phòng an ninh; ký các hiệp ước, hiệp định với nước ngoài và chỉ đạo việc thi hành các hiệp ước, hiệp định đó; đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ các quyết định, chỉ thị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương trái với quy định của pháp luật và các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo luật định².

Tòa án nhân dân theo quy định của Hiến pháp Lào là cơ quan xét xử của Nhà nước và Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan theo dõi, giám sát việc thực hiện pháp luật đúng đắn và thống nhất của các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp Bộ trở xuống, các cơ quan chính quyền địa phương

1, 2. Điều 73; Điều 70 Hiến pháp Lào hiện hành.

và các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong xã hội. Có thể nói, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hợp thành nhánh quyền tư pháp bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong các cơ quan nhà nước và xã hội Lào. Tòa án nhân dân bảo đảm sự tuân thủ pháp luật thông qua hoạt động xét xử; Viện kiểm sát nhân dân bảo đảm sự tuân thủ pháp luật thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát.

Hiến pháp Lào quy định hệ thống Tòa án nhân dân của đất nước này bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân huyện và Tòa án quân sự. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội có thể thành lập Tòa án đặc biệt. Tòa án tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của cả nước và có quyền quản lý hành chính Tòa án nhân dân các cấp. Đứng đầu hệ thống Tòa án là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu theo đề cử của Chủ tịch nước. Các Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Tất cả các Chánh án, Phó Chánh án của các Tòa án khác và các Thẩm phán Tòa án nhân dân của Lào đều do Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ nhiệm, điều động hoặc bãi nhiệm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao¹.

Cũng giống như các Hiến pháp của các quốc gia khác trong khu vực, Hiến pháp Lào quy định nguyên tắc

1. Các điều 79-81 Hiến pháp Lào hiện hành.

Thẩm phán phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong khi xét xử. Tuy nhiên, Hiến pháp này chưa quy định cụ thể hơn về các biện pháp bảo đảm nguyên tắc này. Bên cạnh nguyên tắc xét xử độc lập, Hiến pháp còn quy định một số nguyên tắc hoạt động khác của hệ thống Tòa án nhân dân Lào như nguyên tắc xét xử tập thể, nguyên tắc xét xử công khai, nguyên tắc có luật sư bào chữa, nguyên tắc được kháng cáo bản án của Tòa án¹.

Viện kiểm sát nhân dân Lào được tổ chức theo các cấp giống như đối với Tòa án, bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố, Viện kiểm sát nhân dân huyện và Viện kiểm sát quân sự. Ngoài quyền kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân Lào còn có quyền công tố trước Tòa án. Toàn bộ hoạt động của hệ thống Viện kiểm sát nhân dân đặt dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hiến pháp quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Trong khi thi hành nhiệm vụ, Viện kiểm sát nhân dân chỉ thực hiện theo pháp luật và chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tất cả các Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các cấp đều do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, cách chức. Phó Viện trưởng Viện kiểm

1. Các điều 82, 83 Hiến pháp Lào hiện hành.

sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị và Chủ tịch nước bổ nhiệm¹.

Có thể thấy rằng, cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cho thấy chính thể của Lào có nhiều điểm tương đồng với chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Điểm tương đồng nổi bật nhất là sự hiện diện của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước. Viện kiểm sát nhân dân Lào bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và Viện kiểm sát quân sự. Viện kiểm sát nhân dân có quyền công tố và quyền giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan hành chính từ cấp Bộ trở xuống². Một điểm tương đồng khác là vai trò của Quốc hội. Quốc hội Lào là cơ quan duy nhất trong bộ máy nhà nước do nhân dân trực tiếp bầu ra. Cơ quan này bầu, cách chức hoặc phê chuẩn việc hình thành các chức vụ cao cấp nhất trong bộ máy nhà nước.

Mặc dù có những điểm tương đồng trên đây song vẫn khó có thể xếp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vào nhóm nước có chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Quốc hội Lào tuy là cơ quan duy nhất do nhân dân bầu ra song không được xác định rõ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Vị trí của Quốc hội trong bộ máy nhà nước cũng chưa thể hiện rõ được tính tối cao. Hiến pháp quy định Quốc hội bầu Chủ tịch nước với tỷ lệ phiếu 2/3 tổng số

1, 2. Các điều 87, 88; Điều 86 Hiến pháp Lào hiện hành.

dại biểu Quốc hội song Hiến pháp lại không có quy định thủ tục để Quốc hội có thể bãi nhiệm Chủ tịch nước. Trong Hiến pháp Lào, không có quy định Chủ tịch nước hay Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Quốc hội có quyền giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao song không có quyền giám sát Chủ tịch nước, bởi lẽ, Chủ tịch nước không phải là cơ quan chấp hành của Quốc hội¹. Mặc dù, Chủ tịch nước do Quốc hội bầu và bãi miễn, song Quốc hội không có quyền chất vấn Chủ tịch nước mà chỉ có quyền chất vấn Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao². Bên cạnh đó, nếu Quốc hội có quyền ban hành luật thì Chủ tịch nước cũng có quyền ban hành sắc lệnh³. Những quy định trên đây cho thấy, Quốc hội Lào chưa được thể hiện rõ là cơ quan quyền lực cao nhất trong bộ máy nhà nước, đây là điểm khác với đặc điểm cốt yếu nhất của bộ máy nhà nước được tổ chức theo chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Chính thể của Lào vì vậy có đặc điểm giống với chính thể cộng hòa đại nghị nhiều hơn so với chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

4. Hiến pháp Mianma và chính thể cộng hòa đại nghị hình thức, chính thể tổng thống - quân đội chế thực chất

Chính thể của Liên bang Mianma được thể hiện qua

1, 2, 3. Điều 65, Điều 63; khoản 2 Điều 67 Hiến pháp Lào hiện hành.

Hiến pháp hiện hành của nước này là một chính thể cộng hòa đại nghị. Giống với tất cả các nước theo chính thể cộng hòa đại nghị khác, Nghị viện Mianma là cơ quan duy nhất trong bộ máy nhà nước ở Trung ương có thành phần do nhân dân trực tiếp bầu ra. Nghị viện cũng nắm quyền lập pháp và cơ quan hành pháp của Nghị viện, tức Chính phủ, cũng được thành lập từ Nghị viện. Tuy nhiên, chính thể cộng hòa đại nghị thể hiện trong Hiến pháp Mianma chỉ là hình thức, bởi lẽ, nó mang nhiều đặc điểm khác với chính thể cộng hòa đại nghị thông thường. Quân đội Mianma đóng một vai trò cực kỳ quan trọng được công nhận đương nhiên trong đời sống chính trị của quốc gia; Chính phủ được thành lập từ nghị viện song lại rất độc lập với nghị viện và do Tổng thống đứng đầu. Hai đặc điểm này cùng với nhiều đặc điểm khác phân tích dưới đây làm cho chính thể Mianma trên thực tế vận hành theo mô hình tổng thống - quân đội chế, khác xa với cách thức vận hành của các nhà nước theo mô hình cộng hòa đại nghị thông thường.

Điều đặc biệt trước tiên cần phải nói về chính thể Mianma là vai trò của quân đội trong đời sống chính trị. Hiến pháp Mianma được xây dựng trên một số nguyên tắc căn bản của toàn Liên bang. Những nguyên tắc này được quy định ngay trong những điều khoản đầu tiên của Hiến pháp và được coi là kim chỉ nam cho tổ chức cũng như hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước từ Trung ương tới địa phương. Trong số các nguyên tắc đó có nguyên tắc: “cho phép quân đội tham gia vào đội ngũ lãnh đạo chính

trị của toàn Liên bang”¹. Nguyên tắc này đã được thể chế hóa trong toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Mianma từ Trung ương tới địa phương. Một nguyên tắc cơ bản nữa cũng được ghi nhận trong Hiến pháp là nguyên tắc: “Quân đội là người chịu trách nhiệm chính bảo vệ Hiến pháp”².

Nghị viện, cơ quan đại diện và là cơ quan lập pháp của Liên bang Malaixia bao gồm hai viện là Hạ nghị viện và Thượng nghị viện gồm các đại biểu đại diện cho các thành phần và lợi ích trong xã hội. Theo quy định của Hiến pháp, Hạ nghị viện có 440 đại biểu, trong đó có 110 đại biểu là đại diện đương nhiên của giới quân đội; Thượng nghị viện có 224 đại biểu, trong đó có 56 đại biểu đương nhiên đến từ giới quân đội. Tất cả các đại biểu quân đội đều do Tổng Tư lệnh quân đội trực tiếp chỉ định mà hoàn toàn không qua bầu cử. Mô hình cơ cấu cơ quan đại diện như vậy được áp dụng thống nhất từ cấp Liên bang xuống tới cấp bang và cơ sở. Tất cả những vấn đề liên quan tới quản lý, điều hành công việc trong quân đội và thậm chí là tư pháp quân đội đều là lãnh địa riêng của quân đội. Các Tòa án quân sự hợp thành một hệ thống Tòa án riêng để xét xử tất cả các vấn đề liên quan tới quân nhân. Tòa án quân sự đặt dưới sự quản lý và phán xử cuối cùng của Tổng Tư lệnh quân đội³.

Hiến pháp Mianma quy định Tổng thống Mianma vừa là nguyên thủ quốc gia của Liên bang Mianma vừa nắm

1, 2, 3. Điều 6; khoản f Điều 20; các điều 20, 109, 141, 319, 342 Hiến pháp Mianma hiện hành.

quyền hành pháp của Liên bang. Tuy có vai trò tương tự như trong chính thể cộng hòa tổng thống như vậy song, Tổng thống Mianma không phải do nhân dân Mianma trực tiếp bầu ra mà do Nghị viện bầu ra. Tổng thống và Phó Tổng thống Liên bang Mianma phải đáp ứng một số điều kiện theo quy định của Hiến pháp như: trung thành với Liên bang, là công dân Mianma do sinh ra hoặc cả hai cha mẹ là công dân Mianma, ít nhất 45 tuổi, không có cha mẹ, vợ chồng, con cái hoặc con dâu, con rể có tuyên thệ với chính quyền nước ngoài, đã từng sống ở Liên bang ít nhất 20 năm liên tục cho đến thời điểm bầu cử và đủ tiêu chuẩn được bầu làm Hạ nghị sĩ¹.

Để bầu Tổng thống, Nghị viện Liên bang Mianma sẽ thành lập ba nhóm nghị sĩ. Nhóm nghị sĩ thứ nhất là nhóm Hạ nghị sĩ không phải là đại biểu quân đội; nhóm thứ hai là nhóm Thượng nghị sĩ không phải là đại biểu quân đội; và nhóm thứ ba là nhóm nghị sĩ là đại biểu quân đội. Mỗi nhóm được quyền đề cử một ứng cử viên cho chức vụ Tổng thống. Sau đó, Nghị viện sẽ họp chung và bầu Tổng thống trong ba ứng cử viên đó theo nguyên tắc đa số. Người có số phiếu cao nhất sẽ trở thành Tổng thống Liên bang Mianma và hai người còn lại sẽ làm Phó Tổng thống. Vị Phó Tổng thống dành được nhiều phiếu hơn sẽ làm Quyền Tổng thống trong trường hợp Tổng thống vắng mặt².

1, 2. Các điều 57-59; các điều 60, 73 Hiến pháp Mianma hiện hành.

Tổng thống và Phó Tổng thống Mianma đều có nhiệm kỳ 5 năm và không được làm quá hai nhiệm kỳ. Tổng thống và Phó Tổng thống không được đồng thời là thành viên của Nghị viện. Tổng thống hay Phó Tổng thống là nghị sĩ thì sau khi được bầu họ phải từ chức nghị sĩ. Tổng thống và Phó Tổng thống cũng không được phép tham gia như một thành viên tích cực của các đảng phái chính trị của mình trong suốt nhiệm kỳ của mình. Hiến pháp quy định Tổng thống vẫn phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Tuy nhiên, trong một điều khoản khác, Điều 215, Hiến pháp lại quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình Tổng thống không có trách nhiệm phải trả lời (*answerable*) trước bất kỳ Viện nào của Quốc hội hay Tòa án nào, trừ trường hợp bị đàn hạch theo thủ tục Hiến pháp. Trước khi nhậm chức, cả Tổng thống và Phó Tổng thống đều phải kê khai tất cả tài sản gia đình cho Chủ tịch Nghị viện đương nhiệm¹.

Tổng thống và Phó Tổng thống có thể bị đàn hạch trong các trường hợp như: phạm tội phản quốc, vi phạm các quy định của Hiến pháp, hành vi xử sự không đúng, bị mất tư cách Tổng thống hoặc Phó Tổng thống, làm việc không hiệu quả. Chỉ có nhóm đại biểu chiếm ít nhất 1/4 tổng số nghị sĩ mỗi viện mới có đủ thẩm quyền khởi xướng thủ tục đàn hạch. Nếu viện đó đồng ý đàn hạch với số phiếu chiếm 3/4 đại biểu thì vụ việc sẽ được chuyển tới viện còn lại để quyết định việc đàn hạch. Nếu ít nhất

1. Các điều 61-64, 68, 203 Hiến pháp Mianma hiện hành.

2/3 thành viên của viện còn lại quyết định luận tội Tổng thống thì Tổng thống và Phó Tổng thống sẽ bị cách chức¹.

Với tư cách là nguyên thủ quốc gia, Tổng thống Mianma cũng có một số nhiệm vụ, quyền hạn giống như các nguyên thủ quốc gia khác như quyền ân xá, đặc xá theo đề nghị của Hội đồng quốc phòng và an ninh quốc gia (*National Defence and Security Council*), phong và thu hồi hàm, tước, phần thưởng danh dự, bổ nhiệm Tổng Tư lệnh quân đội, bổ nhiệm, triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, tiếp nhận Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước ngoài, phê chuẩn, bãi bỏ điều ước quốc tế, và quyền đọc thông điệp trước Nghị viện, công bố chiến tranh hay hòa bình theo sự phê chuẩn của Nghị viện, v.v.².

Ngoài ra, Tổng thống Mianma còn có một số nhiệm vụ, quyền hạn khá lớn mà nguyên thủ quốc gia các nước, kể cả các nước theo chính thể cộng hòa tổng thống, không có: *Thứ nhất*, Tổng thống Mianma có quyền ban hành pháp lệnh để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp lệnh của Tổng thống có giá trị thực thi như một đạo luật cho đến khi nó bị Nghị viện không công nhận. Chỉ có một lĩnh vực Tổng thống không được ban hành pháp lệnh, đó là lĩnh vực ngân sách. Quyền này làm cho Tổng thống cũng đồng thời thực hiện chức năng lập pháp ở một mức độ đáng kể. *Thứ hai*, Tổng thống có quyền trình dự án luật lên Nghị viện. Như được phân tích dưới đây, một số dự luật do Tổng thống trình còn có giá trị bắt buộc nhất

1, 2. Điều 71; các điều 204, 205, 207, 209, 210, 213 Hiến pháp Mianma hiện hành.

định đối với bản thân Nghị viện. Tổng thống có quyền phủ quyết. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được dự luật, Tổng thống có quyền chưa công bố mà gửi trả lại dự luật cùng với góp ý sửa đổi của mình để hai viện thảo luận và thông qua lại. Nếu hai viện vẫn tiếp tục thông qua theo cách cũ thì Tổng thống bắt buộc phải công bố đạo luật¹.

Bên cạnh chức năng nguyên thủ quốc gia, Tổng thống Mianma còn là người đứng đầu quyền hành pháp Liên bang, vị trí đem lại cho Tổng thống quyền hạn tuyệt đối trong lĩnh vực hành pháp.

Cơ quan hành pháp của Liên bang Mianma là một Chính phủ Liên bang do Tổng thống là người đứng đầu và có một tập thể Chính phủ hỗ trợ cho Tổng thống. Tuy nhiên, tất cả các hoạt động hành pháp của Mianma đều được tiến hành dưới danh nghĩa Tổng thống. Chính phủ Liên bang bao gồm Tổng thống, các Phó Tổng thống, các Bộ trưởng Liên bang và Trưởng Công tố Liên bang. Tất cả các nhân sự này đều do Tổng thống đề cử, Nghị viện phê chuẩn và Tổng thống bổ nhiệm và cách chức. Tất cả họ đều không phải thành viên của Nghị viện hay của hệ thống công vụ. Họ chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng thống chứ không phải Nghị viện. Tổng thống còn có quyền thay đổi số lượng các Bộ, số lượng thành viên Chính phủ, bổ nhiệm Thứ trưởng các Bộ và tất cả các chức vụ đứng đầu các cơ quan công vụ. Ở cấp chính quyền địa phương, Tổng thống đề cử và bổ nhiệm những người

1. Các điều 104, 105, 212 Hiến pháp Mianma hiện hành.

đứng đầu cơ quan hành pháp ở cấp Bang và vùng, đồng thời đề cử và phân công lĩnh vực phụ trách cho thành viên của cơ quan hành pháp cùng cấp. Tổng kiểm toán, người chịu trách nhiệm giám sát hoạt động chi tiêu ngân sách Liên bang cũng do Tổng thống bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Tổng thống¹.

Nghị viện, cơ quan lập pháp của Mianma, được gọi theo tiếng địa phương là “Pyidaungsu Hluttaw” bao gồm hai viện: “Pyithu Hluttaw” (Hạ nghị viện) và “Amyotha Hluttaw” (Thượng nghị viện). Như trên đã đề cập, Hạ nghị viện Mianma có 440 Hạ nghị sĩ, trong đó có 110 Hạ nghị sĩ do Tổng Tư lệnh quân đội chỉ định và không qua bầu cử. 330 đại biểu còn lại được nhân dân bầu trực tiếp. Các Hạ nghị sĩ phải thỏa mãn một số điều kiện như có độ tuổi ít nhất là 25, có quốc tịch do sinh ra hoặc cả hai bố mẹ có quốc tịch Mianma, đã cư trú ở Mianma ít nhất 10 năm liên tục trước khi bầu cử, không được là giáo sĩ tôn giáo, không phải là người đã bị án phạt tù, không bị lâm vào tình trạng phá sản, không đồng thời làm trong hệ thống công vụ, v.v.. Thượng nghị viện gồm có 224 Thượng nghị sĩ, trong đó có 56 Thượng nghị sĩ do Tổng Tư lệnh quân đội chỉ định không qua bầu cử. Số còn lại được bầu đồng đều bởi các cơ quan đại diện của các Bang và các vùng của Mianma. Tiêu chuẩn của Thượng nghị sĩ về cơ bản giống với Hạ nghị sĩ, song về độ tuổi tối thiểu là 30 chứ không phải 25. Mỗi viện đều tự bầu ra Chủ tịch

1. Các điều 199, 202, 200, 208, 218, 232, 234, 235, 237, 238, 242, 261, 262 Hiến pháp Mianma hiện hành.

và Phó Chủ tịch viện của mình. Mỗi Chủ tịch và Phó Chủ tịch của mỗi viện thay phiên nhau giữ chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch Nghị viện trong một nửa nhiệm kỳ của Nghị viện, tức là 30 tháng. Các nghị viên đều có quyền miễn trừ không bị bắt giữ mà chưa có sự đồng ý của viện tương ứng. Trong trường hợp bắt quả tang thì lệnh bắt giữ cũng phải được viện của nghị viên đó phê chuẩn¹.

Một dự luật có thể bắt đầu được thảo luận và thông qua ở một viện, sau đó được thảo luận và thông qua ở viện còn lại. Tất cả các cơ quan nhà nước ở cấp Liên bang đều có quyền trình dự thảo luật ra trước Nghị viện. Tuy nhiên, chỉ có Chính phủ mới được quyền trình các dự luật liên quan tới kế hoạch quốc dân, ngân sách và thuế. Một số dự luật được trao tư cách đặc biệt khi trình ra Nghị viện, đó là, những dự luật có liên quan tới tiền lương và phụ cấp của người đứng đầu và các thành viên cơ quan cấp Liên bang hoặc chi tiêu của các cơ quan này; các khoản nợ của Liên bang; các khoản chi tiêu theo phán quyết của Tòa án; các khoản chi tiêu theo quy định của các cam kết quốc tế hoặc pháp luật trong nước. Những dự luật này chỉ có thể được trình bởi Tổng thống và khi Tổng thống trình thì Nghị viện chỉ có quyền thảo luận và thông qua chứ không có quyền cắt giảm hoặc từ chối thông qua. Đối với các dự luật nói chung, một khi đã được cả hai viện thông qua thì dự luật được coi là đã được Nghị viện thông qua và có thể trình lên Tổng thống để công bố

1. Các điều 75, 76, 92, 93, 120, 121, 152 Hiến pháp Mianma hiện hành.

trừ khi Tổng thống tiến hành thủ tục phủ quyết theo quy định của Hiến pháp như phân tích trên đây¹.

Theo quy định của Hiến pháp, chức năng tư pháp của Nhà nước Mianma được thực hiện theo ba nguyên tắc: thực thi công lý độc lập và theo quy định của pháp luật; công lý được thực thi tại các phiên Tòa công khai trừ khi pháp luật cấm; và bảo đảm quyền bào chữa và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở ba nguyên tắc này, quyền tư pháp của Mianma được thực hiện bởi một hệ thống Tòa án thống nhất trong toàn Liên bang bao gồm Tòa án tối cao Liên bang, các Tòa án thượng thẩm nằm ở các vùng và các bang, các Tòa án của khu hành chính tự trị, các Tòa án cấp quận, và các Tòa án khác được thành lập theo quy định của pháp luật. Bên cạnh các Tòa án thông thường, hệ thống Tòa án của Mianma còn có Tòa án quân sự và Tòa bảo hiến Liên bang (*Constitutional Tribunal of the Union*)².

Tòa án tối cao Liên bang là Tòa án cao nhất trong Liên bang song không có thẩm quyền trong lĩnh vực bảo hiến và tư pháp quân sự. Tòa án tối cao Liên bang là cấp xét xử cuối cùng đối với tất cả các kháng cáo, kháng nghị của tất cả các Tòa án tư pháp thông thường khác trong lãnh thổ Liên bang. Ngoài thẩm quyền giám đốc thẩm và tái thẩm, Tòa án tối cao Liên bang còn có thẩm quyền xét xử gốc đối với các vấn đề phát sinh từ các hiệp định song phương của Liên bang; những tranh chấp không

1, 2. Các điều 95, 100, 103, 105; các điều 18, 19, 293 Hiến pháp Mianma hiện hành.

liên quan tới Hiến pháp phát sinh giữa Chính phủ Liên bang và chính quyền các bang hay các vùng; tranh chấp không liên quan tới Hiến pháp giữa các bang, các vùng, các khu vực lãnh thổ của Liên bang với nhau. Phán quyết của Tòa án tối cao Liên bang là chung thẩm và có giá trị bắt buộc đối với mọi đối tượng liên quan. Về mặt tổ chức, Tòa án tối cao Liên bang bao gồm một Chánh án và từ 6 đến 10 Thẩm phán. Các Tòa án thượng thẩm cấp vùng và bang có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với một số loại vụ việc cũng như thẩm quyền xét xử phúc thẩm và giám đốc thẩm và tái thẩm đối với các bản án của các Tòa án cấp dưới. Mỗi Tòa án thượng thẩm có từ 3 tới 7 Thẩm phán, bao gồm cả Chánh án. Các Tòa án thuộc thẩm quyền phúc thẩm và giám đốc thẩm của các Tòa án thượng thẩm, tức là các Tòa án cơ sở, được tổ chức ở các đơn vị hành chính lãnh thổ khác nhau, bao gồm các Tòa án huyện, Tòa án thị xã, Tòa án cấp đơn vị hành chính tự quản, v.v.. Những Tòa án này có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với các vụ việc dân sự, hình sự và các loại vụ việc khác theo quy định của pháp luật¹.

Về mặt tổ chức, Chánh án Tòa án tối cao Liên bang do Tổng thống đề cử để Nghị viện phê chuẩn và sau đó Tổng thống là người bổ nhiệm. Các Thẩm phán khác của Tòa án tối cao Liên bang do Tổng thống sau khi tham khảo ý kiến của Chánh án Tòa án tối cao Liên bang đề cử để Nghị viện phê chuẩn. Sau khi Nghị viện phê chuẩn thì Tổng thống cũng là người bổ nhiệm. Các Chánh án

1. Các điều 294 295, 306, 314, 316 Hiến pháp Mianma hiện hành.

và Thẩm phán các Tòa án thượng thẩm cũng đều do Tổng thống sau khi tham khảo ý kiến của Chánh án Tòa án tối cao Liên bang và Thủ hiến đứng đầu cơ quan hành pháp của bang đề cử để Nghị viện bang tương ứng phê chuẩn. Sau khi được Nghị viện bang phê chuẩn thì cũng chính Tổng thống là người bổ nhiệm các Chánh án và Thẩm phán Tòa án thượng thẩm. Có một điểm đặc biệt là Hiến pháp Mianma quy định trong mọi trường hợp khi nhận được đề cử của Tổng thống về nhân sự Thẩm phán, Nghị viện Liên bang và các Nghị viện bang hoặc vùng có liên quan nếu không phê chuẩn thì phải có căn cứ rõ ràng và chỉ được dựa trên quy định của Hiến pháp về tiêu chuẩn của Thẩm phán. Nếu những người mà Tổng thống đề cử đã thỏa mãn tiêu chuẩn Thẩm phán thì Nghị viện có liên quan có trách nhiệm phải phê chuẩn. Nhân sự Thẩm phán của các Tòa án cấp dưới cấp thượng thẩm được quy định trong các luật của Nghị viện. Với những quy định như vậy thì rõ ràng Tổng thống là người chi phối gần như toàn bộ nhân sự Thẩm phán trong hệ thống Tòa án Mianma¹.

Hiến pháp Mianma cũng quy định khá cụ thể các tiêu chuẩn để được bổ nhiệm làm Chánh án và Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang cũng như Chánh án và Thẩm phán Tòa án thượng thẩm. Tiêu chuẩn để có thể được bổ nhiệm làm Chánh án và Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang bao gồm: không trẻ hơn 50 tuổi và không lớn hơn 70 tuổi;

1. Các điều 299, 308 Hiến pháp Mianma hiện hành.

đáp ứng đủ tiêu chuẩn của Hạ nghị sĩ; đã từng là Thẩm phán Tòa án thượng thẩm ít nhất 5 năm hoặc đã từng là cán bộ tư pháp hay pháp luật ở cấp bang hoặc vùng ít nhất 10 năm hoặc đã làm luật sư ít nhất 20 năm hoặc là người mà Tổng thống thấy rằng là một luật gia xuất sắc; trung thành với Liên bang và công dân của Liên bang; không phải là đảng viên của đảng chính trị nào; và không phải là nghị sĩ của bất cứ Nghị viện nào. Tiêu chuẩn để được bổ nhiệm Chánh án và Thẩm phán Tòa án thượng thẩm chỉ khác tiêu chuẩn của Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang ở độ tuổi và yêu cầu về kinh nghiệm công tác. Về độ tuổi, Thẩm phán Tòa án thượng thẩm phải nằm trong độ tuổi từ 45 đến 65. Về kinh nghiệm công tác, Thẩm phán Tòa án thượng thẩm phải có ít nhất 5 năm làm cán bộ tư pháp hay pháp luật ở cấp vùng hoặc bang trở lên hay 10 năm từ cấp huyện trở lên hoặc đã là luật sư hành nghề ít nhất 15 năm hoặc cũng theo ý kiến của Tổng thống, là một luật gia xuất sắc. Như vậy, tiêu chuẩn để bổ nhiệm Thẩm phán từ cấp thượng thẩm trở lên của Mianma khá đề cao tính khách quan, phi đảng phái, phi chính trị cũng như năng lực, trình độ của Thẩm phán¹.

Chánh án và Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang sau khi được bổ nhiệm có nhiệm kỳ suốt đời cho tới năm 70 tuổi; nhiệm kỳ đối với Chánh án và Thẩm phán ở Tòa án thượng thẩm tương ứng tới năm 65 tuổi. Nhiệm kỳ của các Thẩm phán này chỉ có thể bị chấm dứt trước khi đến độ

1. Các điều 301, 310 Hiến pháp Mianma hiện hành.

tuổi quy định khi họ từ chức, bị qua đời, bị lâm vào tình trạng vĩnh viễn mất năng lực thực hiện công việc hoặc bị đàn hạch. Thủ tục đàn hạch đối với các Thẩm phán này được Hiến pháp quy định khá chi tiết. Trước tiên, một Thẩm phán từ cấp Tòa án thượng thẩm trở lên chỉ có thể bị đàn hạch bởi một trong số các lý do sau: phạm tội phạm quốc; vi phạm Hiến pháp; rơi vào các trường hợp không đủ tiêu chuẩn để được bổ nhiệm làm Thẩm phán; vi phạm đạo đức nghề nghiệp; làm việc không hiệu quả. Chủ thể có thẩm quyền khởi xướng một vụ việc đàn hạch đối với Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang là Tổng thống hoặc một trong hai viện Liên bang; đối với Thẩm phán Tòa án thượng thẩm, đó là Tổng thống hoặc Nghị viện của bang hoặc vùng tương ứng. Nếu Tổng thống là người khởi xướng một vụ việc đàn hạch Thẩm phán, Tổng thống sẽ chuyển đề nghị của mình lên Chủ tịch của Nghị viện Liên bang nếu là đàn hạch Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang hoặc Nghị viện bang tương ứng nếu là đàn hạch Thẩm phán Tòa án thượng thẩm. Chủ tịch của Nghị viện tương ứng sẽ thành lập một Ủy ban điều tra bao gồm các nghị sĩ của Nghị viện. Nếu là Ủy ban điều tra của Nghị viện Liên bang thì số thành viên phải được chia đều cho hai viện Liên bang. Sau khi kết thúc điều tra, Ủy ban điều tra sẽ trình báo cáo lên Nghị viện tương ứng để biểu quyết. Nếu Nghị viện thông qua việc đàn hạch thì toàn bộ hồ sơ sẽ được chuyển lên Tổng thống để ra quyết định cách chức Thẩm phán bị đàn hạch. Nếu Nghị viện không thông qua thì coi như đề nghị đàn hạch bị bác. Nếu một trong hai

viện Liên bang khởi xướng vụ việc dàn hạch Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang thì đề nghị dàn hạch phải được khởi xướng bởi ít nhất 1/4 tổng số nghị viên của viện tương ứng. Nếu đề nghị dàn hạch được ít nhất 2/3 tổng số nghị viên của viện tương ứng ủng hộ thì đề nghị đó sẽ được chuyển sang viện thứ hai. Viện thứ hai sẽ thành lập Ủy ban điều tra và xem xét kết quả điều tra. Nếu dựa vào kết quả điều tra, viện thứ hai thông qua đề nghị dàn hạch với ít nhất 2/3 tổng số nghị viên ủng hộ thì kết quả điều tra sẽ được chuyển lên Tổng thống để ra quyết định cách chức Thẩm phán. Trong trường hợp nghị viện bang hoặc vùng muốn dàn hạch Thẩm phán Tòa án thượng thẩm của mình thì đề nghị dàn hạch cũng phải được trình bởi ít nhất 1/4 tổng số nghị sĩ của viện đó. Nghị viện tương ứng theo đó sẽ thành lập Ủy ban điều tra và bỏ phiếu về kết quả điều tra. Nếu Nghị viện ủng hộ việc dàn hạch thì hồ sơ sẽ được chuyển tới Tổng thống để ra quyết định cách chức. Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù các Thẩm phán Tòa án từ cấp thượng thẩm trở lên có nhiệm kỳ suốt đời cho đến khi về hưu, song sinh mệnh chính trị của họ vẫn nằm trong tay Tổng thống. Những căn cứ chung chung ví dụ như “làm việc không hiệu quả” luôn luôn có thể được Tổng thống sử dụng để loại bỏ một Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang hay Tòa án thượng thẩm Liên bang ra khỏi chức vụ của họ. Tổng thống Mianma, vì vậy, có khả năng kiểm soát một cách hoàn toàn hệ thống Tòa án Mianma¹.

1. Các điều 302, 303, 311, 312 Hiến pháp Mianma hiện hành.

Tòa bảo hiến Liên bang của Mianma là một Tòa án độc lập trong hệ thống Tòa án Mianma. Tòa án này gồm có 9 thành viên bao gồm cả một Chủ tịch. Các khía cạnh về tổ chức và hoạt động của Tòa án này sẽ được phân tích kỹ ở phần sau.

Giống như Tòa bảo hiến Liên bang, các Tòa án quân sự là một hệ thống độc lập khỏi hệ thống các Tòa án thông thường của Mianma, thuộc quyền kiểm soát của quân đội và nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Tư lệnh quân đội. Cơ cấu tổ chức cụ thể của Tòa án quân sự không nằm trong Hiến pháp mà được quy định bởi các đạo luật của Nghị viện hoặc thậm chí là pháp lệnh của Tổng thống do quân đội trình¹.

Như vậy, có thể khẳng định chính thể của Mianma về hình thức là cộng hòa đại nghị song mang đậm màu sắc Tổng thống - quân đội chế. Quân đội là một “thế lực” biệt lập không chịu sự điều chỉnh của pháp luật song lại tham gia tích cực vào đời sống chính trị quốc gia. Nằm trong chính thể cộng hòa đại nghị song Tổng thống Mianma có nhiều quyền hạn hơn bất kỳ Tổng thống của chính thể cộng hòa nào trong khu vực ASEAN. Tổng thống không do nhân dân bầu ra song không chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nghị viện bầu ra Tổng thống và Chính phủ được thành lập từ Nghị viện. Nhưng ngay sau khi thành lập Chính phủ thì ngay lập tức độc lập với Nghị viện giống như chính thể cộng hòa tổng thống. Tổng thống

1. Điều 319 Hiến pháp Mianma hiện hành.

hoàn toàn kiểm soát Chính phủ đồng thời gần như không phải chịu trách nhiệm trước bất kỳ cơ quan nào, kể cả Nghị viện. Quyền lực của Tổng thống bao trùm lên cả lĩnh vực lập pháp với quyền sáng kiến luận, quyền trình dự luật không thể bị bác bỏ, quyền phủ quyết. Quyền lực của Tổng thống cũng bao trùm lên cả nhánh tư pháp với sự chi phối toàn diện về nhân sự của Tòa án tối cao Liên bang và các Tòa án thượng thẩm vùng và bang.

Chương VI

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Kiểm soát quyền lực được hiểu là việc sử dụng các biện pháp, công cụ thiết chế và thể chế để tạo ra cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước được các chủ thể nắm giữ thực hiện một cách đúng đắn, đúng pháp luật mà trước tiên là không vượt quá phạm vi quyền hạn của mình. Kiểm soát quyền lực nhà nước có thể được thực hiện bởi những cơ chế và biện pháp khác nhau song cơ chế quan trọng nhất là các cơ chế và biện pháp tồn tại bên ngoài cơ quan trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước chịu sự kiểm soát. Đối tượng tác động trực tiếp của kiểm soát quyền lực nhà nước là các cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước và cách thức mà quyền lực nhà nước đó được thực hiện. Mục đích cuối cùng của kiểm soát quyền lực nhà nước là quyền lực nhà nước được thực hiện một cách dân chủ, vì lợi ích của xã hội và thúc đẩy được những giá trị tiến bộ của nhà nước pháp quyền. Vì vậy, kiểm soát quyền lực nhà nước là một lĩnh vực quan trọng trong tổ chức và hoạt động của nhà nước hiện đại và đó cũng là một lĩnh vực được khá nhiều Hiến pháp các quốc gia ASEAN quan tâm điều chỉnh. Chế định về kiểm soát quyền lực nhà nước trong Hiến pháp các quốc gia

ASEAN chính là tập hợp các quy định của Hiến pháp từng quốc gia ASEAN điều chỉnh về vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước của quốc gia tương ứng. Nhìn chung, chế định kiểm soát quyền lực điển hình nhất trong Hiến pháp một quốc gia ASEAN đề cập ba nội dung: cơ chế bảo vệ Hiến pháp, các thiết chế Hiến pháp độc lập nhằm kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước và các quy định bảo đảm trách nhiệm của người nắm giữ, thực hiện quyền lực nhà nước. Trong số các bản Hiến pháp ASEAN, duy nhất có Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là không có những quy định cụ thể về ba nội dung trên với mục đích kiểm soát quyền lực nhà nước. Các bản Hiến pháp ASEAN còn lại đều có quy định ít nhất một nội dung về kiểm soát quyền lực nhà nước ở những mức độ khác nhau, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi quốc gia.

I. CƠ CHẾ BẢO VỆ HIẾN PHÁP TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp được hiểu là một hệ thống được thiết lập để xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan tới tính hợp hiến của các hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước. Một cơ chế bảo vệ Hiến pháp điển hình thường bao gồm ba thành tố: cơ quan có thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp; thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp; và quy trình thủ tục tiến hành các vụ việc bảo vệ Hiến pháp.

Mức độ và nội dung quy định về cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN có sự đa dạng

khá lớn. Có ba bản Hiến pháp ASEAN không có quy định về cơ chế bảo vệ Hiến pháp, đó là Hiến pháp Brunây, Lào và Malaixia. Hiến pháp Xingapo tuy không có quy định về cơ chế bảo hiến, song lại có một số điều khoản có quy định về cách thức xử lý một trường hợp vi phạm Hiến pháp. Các điều khoản này không nhằm mục đích quy định về một cơ chế nhằm xử lý các vụ việc vi phạm Hiến pháp nói chung mà thực chất chúng quy định về các trường hợp Tổng thống Xingapo có thể bị đàn hạch. Một trong các lý do có thể làm cho Tổng thống bị đàn hạch là cố ý vi phạm Hiến pháp. Như phần trên đã đề cập, nếu trường hợp đó xảy ra, Thủ tướng hoặc không ít hơn 1/4 tổng số nghị sĩ do bầu cử có thể gửi kiến nghị lên Nghị viện. Nếu được hơn một nửa tổng số đại biểu do bầu cử thông qua thì Chánh án Tòa án tối cao Xingapo sẽ thành lập một cơ quan tài phán gồm không ít hơn năm Thẩm phán Tòa án tối cao. Cơ quan này tiến hành thẩm tra về vụ việc và gửi báo cáo về quyết định của mình lên Chủ tịch Nghị viện. Nếu cơ quan tài phán này ủng hộ việc đàn hạch thì vụ việc sẽ được đưa ra Nghị viện biểu quyết. Nếu có từ 3/4 tổng số nghị sĩ do bầu cử tán thành việc đàn hạch thì Tổng thống sẽ bị bãi nhiệm¹.

Các quốc gia ASEAN còn lại, gồm Campuchia, Philippin, Indônêxia, Mianma và Thái Lan đều có quy định trong Hiến pháp một cơ chế bảo hiến nhất định. Nhìn vào các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN này

1. Điều 22L Hiến pháp Xingapo hiện hành.

có thể thấy sự đa dạng trong mô hình bảo vệ Hiến pháp mà từng nước áp dụng. Campuchia áp dụng mô hình Hội đồng bảo hiến; Philippin lựa chọn mô hình tài phán Hiến pháp thực hiện bởi Tòa án thường; ba quốc gia còn lại theo mô hình cơ quan tài phán Hiến pháp chuyên trách với những đặc thù nhất định của quốc gia mình.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp của Campuchia được quy định trong một chương riêng, Chương 12. Trung tâm của cơ chế này là một Hội đồng bảo hiến (*Constitutional Council*), Hội đồng này là một cơ quan có 9 thành viên và độc lập với các cơ quan nhà nước khác. Trong số 9 thành viên có 3 người do Quốc vương Campuchia bổ nhiệm, 3 người do Quốc hội (tức Hạ nghị viện) bầu, và 3 người còn lại do Hội đồng Thẩm phán tối cao bầu. Sau khi được bầu hoặc bổ nhiệm, các thành viên của Hội đồng bảo hiến sẽ tự mình bầu Chủ tịch Hội đồng bảo hiến. Cứ 3 năm một lần, 1/3 số ủy viên Hội đồng bảo hiến lại được bầu mới. Hiến pháp Campuchia quy định ủy viên Hội đồng bảo hiến phải là những người có bằng cử nhân trở lên của chuyên ngành luật, hành chính, ngoại giao hoặc kinh tế, có uy tín trong xã hội và có kinh nghiệm làm việc lâu năm. Sau khi được bầu hoặc bổ nhiệm, thành viên Hội đồng bảo hiến không được đồng thời giữ bất kỳ chức vụ nào trong bộ máy công quyền, kể cả làm nghị viên của Hạ nghị viện hoặc Thượng nghị viện. Đặc biệt, chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch các đảng chính trị và Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch công đoàn được xem là những chức vụ có xung đột lợi ích với chức vụ ủy viên Hội đồng

bảo hiến. Chính vì vậy, một người không thể đồng thời nắm giữ hai chức vụ này¹.

Cách thức hình thành và thành phần của Hội đồng bảo hiến của Campuchia cho thấy, cơ quan này không nhất thiết phải là một Tòa án đúng nghĩa với thành viên toàn là Thẩm phán. Trong số 9 thành viên của Hội đồng, 3 thành viên do Hội đồng Thẩm phán bầu tất nhiên có xu hướng là những Thẩm phán chuyên nghiệp; 6 thành viên còn lại được hình thành bằng con đường chính trị nên không nhất thiết phải là Thẩm phán chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn để có thể được chọn làm thành viên của Hội đồng bảo hiến đề cập trên đây cũng cho thấy rõ điều đó. Một nhận xét khác về Hội đồng bảo hiến của Campuchia là về tính độc lập của cơ quan này. Về mặt tổ chức, rõ ràng cơ quan này độc lập, không nằm trong phạm vi thẩm quyền của bất kỳ cơ quan nhà nước nào. Thành phần của Hội đồng Thẩm phán đến từ những nguồn chính trị - pháp luật khác nhau cũng có thể làm giảm bớt sự phụ thuộc lẫn nhau trong nội bộ của Hội đồng. Bộ máy lãnh đạo của Hội đồng cũng do bản thân các thành viên lựa chọn. Các thành viên đều phải là những cá nhân có uy tín và có trình độ trong xã hội. Tất cả những yếu tố đó, được bảo đảm bằng quy định của Hiến pháp, đem đến một ấn tượng tốt về khả năng hoạt động độc lập của Hội đồng bảo hiến. Yếu tố duy nhất có ảnh hưởng đôi chút tới tính độc lập của cơ quan này có lẽ là việc thiếu một quy định cụ thể trong Hiến pháp về việc các thành viên của Hội đồng

1. Các điều 137-139 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

bảo hiến, sau khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động 9 năm của mình, có thể được tái bổ nhiệm hay không và độ tuổi về hưu của thành viên Hội đồng bảo hiến là bao nhiêu? Tuy vậy, đây cũng chỉ là những khiếm khuyết nhỏ trong tổng thể chung khá ấn tượng về sự bảo đảm hiến định về tính độc lập của Hội đồng bảo hiến.

Theo quy định của Hiến pháp, Hội đồng bảo hiến Campuchia có trách nhiệm bảo đảm sự tôn trọng đối với Hiến pháp. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội đồng bảo hiến được giao phạm vi thẩm quyền khá rộng, không phải lúc nào cũng chỉ bó hẹp trong khuôn khổ phán xử các vụ việc vi phạm Hiến pháp, bao gồm¹:

- Thẩm quyền xem xét tính hợp hiến của tất cả các đạo luật đã được cơ quan lập pháp thông qua, cho dù là đạo luật đó đã được Quốc vương công bố hay chưa. Đặc biệt các quy tắc làm việc của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện cũng như các luật về tổ chức (*organic law*) bắt buộc phải có ý kiến của Hội đồng bảo hiến trước khi được công bố.

- Thẩm quyền giải thích Hiến pháp và các đạo luật do cơ quan lập pháp ban hành.

- Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan tới bầu cử Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

- Thẩm quyền báo cáo cho Quốc vương những ý kiến chính thức về các dự thảo Hiến pháp sửa đổi.

Về mặt thủ tục, những chủ thể có quyền đề nghị xem xét tính hợp hiến của dự luật đã được cơ quan lập pháp

1. Các điều 136, 143 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

thông qua nhưng chưa được công bố bao gồm: Quốc vương, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hạ nghị viện, Chủ tịch Thượng nghị viện, 1/10 tổng số thành viên Hạ nghị viện và 1/4 tổng số thành viên Thượng nghị viện. Các chủ thể này cùng với Tòa án cũng có quyền đề nghị Hội đồng bảo hiến xem xét tính hợp hiến của các đạo luật đã được Quốc vương công bố. Công dân của Campuchia không có quyền trực tiếp yêu cầu Hội đồng bảo hiến xem xét tính hợp hiến của một đạo luật; song họ có quyền yêu cầu các nghị viên của mình thực hiện thẩm quyền khởi kiện bảo vệ Hiến pháp theo quy định của Hiến pháp¹.

Hội đồng bảo hiến Campuchia làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số. Trong trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì sẽ lấy theo ý kiến của Chủ tịch hội đồng. Các quyết định của hội đồng có giá trị chung thẩm, không thể bị kháng cáo, kháng nghị. Các quy định của luật nếu bị tuyên là vi hiến sẽ không được ban hành hoặc không được áp dụng².

Khác với Campuchia, Philippin lựa chọn mô hình cơ quan tài phán cho cơ chế bảo hiến của mình. Cơ quan có thẩm quyền bảo hiến của Philippin là các Tòa án thường trong hệ thống tư pháp, bao gồm Tòa án tối cao và các Tòa án cấp dưới. Như vậy, mỗi Tòa án trong hệ thống tư pháp của Philippin đều có thẩm quyền thụ lý và xét xử bất cứ vụ việc nào liên quan tới vấn đề vi phạm Hiến pháp. Các đối tượng có thể bị kiện vi phạm Hiến pháp

1, 2. Các điều 140, 141; Điều 142 Hiến pháp Campuchia hiện hành.

trước Tòa án Philippin là một phạm vi rộng tất cả các công cụ pháp lý mà các cơ quan nhà nước sử dụng trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước của mình, bao gồm các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế, luật, sắc lệnh, lệnh, tuyên bố, thông tư, hoặc các quy định dưới luật khác do Tổng thống ban hành. Các vụ kiện vi hiến sau khi đã được Tòa án cấp dưới xét xử có thể bị kháng cáo lên Tòa án tối cao. Ở đây, Tòa án sẽ tổ chức phiên xử bao gồm tất cả các Thẩm phán của Tòa án tối cao. Thủ tục tố tụng áp dụng đối với các vụ kiện vi hiến cũng là thủ tục kiện tố tụng tư pháp thông thường. Điều đó có nghĩa là, bất kỳ ai, kể cả từng cá nhân công dân cũng có thể đặt vấn đề vi hiến đối với bất kỳ loại công cụ pháp lý nào mà các cơ quan nhà nước sử dụng để tác động lên xã hội như đề cập trên đây

Giống Philippin, Mianma cũng lựa chọn mô hình cơ quan tài phán cho cơ chế bảo vệ Hiến pháp của mình. Có điều, cơ quan tài phán Hiến pháp của Mianma, gọi là Tòa bảo hiến (*Constitutional Tribunal*) là cơ quan duy nhất có thẩm quyền chuyên trách xét xử các vụ án vi phạm Hiến pháp. Tòa bảo hiến Mianma không có thẩm quyền xét xử các vụ việc thông thường như dân sự, hình sự, lao động hay hành chính. Tòa bảo hiến này gồm có 9 Thẩm phán trong đó có 1 người là Chánh tòa. Các Thẩm phán Tòa bảo hiến đến từ những nguồn khác nhau giống Hội đồng bảo hiến của Campuchia, trong đó có 3 người do Tổng thống đề cử, 3 người do Chủ tịch Thượng nghị viện đề cử và 3 người do Chủ tịch Hạ nghị viện đề cử. Sau khi đã có đề cử, danh sách ứng cử viên sẽ được Tổng thống tập hợp và gửi

tới Nghị viện để thông qua. Bước thông qua này chỉ mang tính thủ tục bởi lẽ, nếu các ứng cử viên đều đã thỏa mãn các điều kiện có thể trở thành Thẩm phán Tòa bảo hiến thì Nghị viện bắt buộc phải thông qua danh sách đó. Sau khi được Nghị viện thông qua, Tổng thống sẽ chính thức bổ nhiệm các Thẩm phán. Tổng thống cũng là người có thẩm quyền bổ nhiệm Chánh Tòa bảo hiến. Thẩm phán Tòa bảo hiến Mianma không được đồng thời làm nghị viên, giữ chức vụ trong bộ máy công quyền, hay tham gia vào bất cứ hoạt động đảng phái chính trị nào trong suốt nhiệm kỳ của mình. Tuy vậy, trong tổ chức của Tòa bảo hiến không coi trọng tính độc lập của thiết chế này. Không có điều khoản nào trong Hiến pháp nhấn mạnh tới tính độc lập của Tòa bảo hiến. Trên thực tế, Tòa bảo hiến Mianma hoạt động theo nhiệm kỳ và nhiệm kỳ của Tòa này trùng với nhiệm kỳ của Nghị viện, tức là 5 năm¹.

Các tiêu chuẩn để có thể được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa bảo hiến Mianma nhấn mạnh tới trình độ kiến thức pháp luật, uy tín và tư cách của các ứng cử viên. Các tiêu chuẩn này bao gồm: (1) Từ đủ 50 tuổi trở lên; (2) Có đủ tiêu chuẩn để làm Hạ nghị sĩ; (3) Đã từng có ít nhất 5 năm làm Thẩm phán Tòa án thượng thẩm hoặc Tòa án vùng hoặc ít nhất 10 năm làm quản lý công tác pháp luật ở cấp bang hoặc vùng hoặc ít nhất 20 năm làm công tác tư vấn pháp luật hoặc là một luật gia nổi tiếng theo quan điểm của Tổng thống; (4) Không phải là thành viên

1. Các điều 320, 321, 327, 329, 331, 335 Hiến pháp Mianma hiện hành.

của đảng chính trị; (5) Không phải là nghị viên; (6) Có sự hiểu biết về chính trị, hành chính, kinh tế và an ninh; (7) Trung thành với Liên bang Mianma và công dân của Liên bang. Trong thời gian nhiệm kỳ của mình, các Thẩm phán Tòa bảo hiến, kể cả Chánh Tòa có thể bị luận tội nếu phạm tội phản quốc, vi phạm Hiến pháp, có hành vi không đúng đắn, không còn thỏa mãn các tiêu chuẩn của Thẩm phán Tòa bảo hiến hoặc thực hiện nhiệm vụ của mình một cách không hiệu quả. Thủ tục luận tội Thẩm phán Tòa bảo hiến được áp dụng giống như thủ tục luận tội Chánh án và Thẩm phán Tòa án tối cao của Liên bang Mianma. Trong thủ tục luận tội này, Tổng thống đóng vai trò chi phối¹.

Theo quy định của Hiến pháp, Tòa bảo hiến của Mianma có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Giải thích các quy định của Hiến pháp;
- Xem xét tính hợp hiến của các luật và các công cụ pháp lý do Nghị viện Liên bang, nghị viện vùng, nghị viện bang, cơ quan tự quản địa phương và cơ quan quản lý các vùng tự quản;
- Xem xét tính hợp hiến của các công cụ pháp lý do các cơ quan hành pháp từ cấp Liên bang tới các cấp cơ sở ban hành;
- Xét xử tranh chấp Hiến pháp giữa tất cả các cấp trong bộ máy nhà nước với nhau, từ cấp liên minh tới cấp tự quản cơ sở;

1. Các điều 333, 334 Hiến pháp Mianma hiện hành.

- Xét xử các tranh chấp phát sinh từ vấn đề quyền và nhiệm vụ của các cấp trong Liên bang trong việc thực hiện pháp luật của bang tại các cấp hành chính lãnh thổ dưới Liên bang;

- Xét xử các vấn đề do Tổng thống yêu cầu có liên quan tới lãnh thổ Liên bang.

Các Tòa án khác ở Mianma không có quyền xét xử các vụ việc vi hiến. Mặc dù vậy, trong quá trình xét xử trong phạm vi thẩm quyền của mình, nếu có vấn đề phát sinh hay khiếu nại liên quan tới khả năng vi hiến của bất cứ công cụ pháp lý nào thì Tòa án đang thụ lý vụ việc có thể dừng việc xử lý vụ việc và chuyển vấn đề vi hiến lên Tòa bảo hiến xem xét cho đến khi có kết quả xem xét của Tòa bảo hiến. Những chủ thể có quyền đưa một vụ việc bảo hiến ra trước Tòa bảo hiến để yêu cầu cơ quan này giải thích, ra phán quyết hoặc ý kiến: (1) Tổng thống; (2) Chủ tịch Nghị viện, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện; (3) Chánh án Tòa án Liên bang; (4) Người đứng đầu nhánh hành pháp của các vùng hoặc bang; (5) Chủ tịch nghị viện cấp vùng hoặc bang; (6) Chủ tịch nghị viện cấp vùng hoặc bang; (7) Người đứng đầu các cơ quan tự quản địa phương; và nhóm đại biểu chiếm ít nhất 10% tổng số nghị viên¹.

Có thể thấy, Tòa bảo hiến của Mianma có phạm vi thẩm quyền rất rộng, song về mặt tổ chức, các Thẩm phán Tòa bảo hiến Mianma có sự lệ thuộc lớn vào Tổng thống,

1. Các điều 322, 323, 335, 336 Hiến pháp Mianma hiện hành.

người đứng đầu nhánh hành pháp. Các Thẩm phán Tòa bảo hiến có nhiệm kỳ ngắn, phụ thuộc vào nhiệm kỳ chính trị của Nghị viện. Khả năng được tái bầu cử được để ngỏ. Các tiêu chí có thể bị luận tội rất chung chung và thủ tục luận tội phụ thuộc chủ yếu vào Tổng thống. Như vậy, mặc dù Hiến pháp quy định về việc Thẩm phán Tòa bảo hiến không được kiêm nhiệm các công việc khác trong bộ máy nhà nước song trên thực tế, tính độc lập của Tòa bảo hiến Mianma có thể là một vấn đề chưa thực sự rõ ràng.

Cơ quan có thẩm quyền bảo hiến của Indônêxia cũng là một cơ quan chuyên trách - Tòa án Hiến pháp. Khác với Hiến pháp Mianma, Tòa án Hiến pháp của Indônêxia là một Tòa án độc lập trong hệ thống tư pháp của Indônêxia. Tòa án này gồm 9 Thẩm phán, trong đó 3 người do Tổng thống đề cử, 3 người do Tòa án tối cao đề cử và 3 người cuối cùng do Hội đồng đại diện nhân dân đề cử. Cuối cùng, tất cả các ứng cử viên đều do Tổng thống bổ nhiệm. Sau khi được bổ nhiệm, 9 Thẩm phán sẽ bầu chọn Chánh án và Phó Chánh án của Tòa án Hiến pháp. Tiêu chuẩn để có thể được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Indônêxia bao gồm: (1) Có lòng chính trực; (2) Phẩm chất cá nhân trong sạch, công bằng; (3) Có năng lực chính khách; (4) Thông thạo các vấn đề về Hiến pháp và hành chính nhà nước; và (5) Không phải là người đang nắm giữ một chức vụ trong cơ quan nhà nước. Có thể nói, các tiêu chuẩn để được bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Indônêxia khá chung chung. Các tiêu

chuẩn như phẩm chất cá nhân trong sạch hay có năng lực chính khách thiên về định tính và tùy thuộc rất lớn vào ý chí chủ quan của người đánh giá. Nhiệm kỳ và khả năng được tái bổ nhiệm của Thẩm phán Tòa án Hiến pháp cũng không được quy định rõ. Điều đó cũng có thể làm cho người ta hiểu là sự nghiệp của Thẩm phán Tòa án này hoàn toàn do người có thẩm quyền bổ nhiệm họ, tức là Tổng thống, chi phối.

Tòa án Hiến pháp Indônêxia có thẩm quyền xét xử các vụ việc liên quan tới tính hợp hiến của luật với Hiến pháp, các tranh chấp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước được quy định trong Hiến pháp, các vụ kiện giải tán các đảng phái chính trị, các tranh chấp liên quan tới các cuộc tổng tuyển cử. Tòa án Hiến pháp Indônêxia cũng có quyền ra phán quyết về các quan điểm của Hội đồng đại diện nhân dân về những hành vi bị cho là vi hiến của Tổng thống và Phó Tổng thống. Quyết định của Tòa án hiến pháp có hiệu lực chung thẩm. Tuy nhiên, thủ tục tố tụng tại Tòa án bảo hiến thì không được quy định cụ thể trong Hiến pháp. Hiến pháp cũng không quy định rõ về những ai có quyền khởi động các vụ việc bảo hiến và thủ tục giải quyết các vụ kiện bảo hiến cũng do Hội đồng đại diện nhân dân quy định.

Mô hình bảo hiến của Thái Lan về cơ bản giống với Indônêxia với sự xuất hiện của Tòa án Hiến pháp. Tuy nhiên, Hiến pháp Thái Lan quy định về cơ chế bảo vệ Hiến pháp của mình một cách chi tiết hơn nhiều so với các quốc gia ASEAN còn lại.

Tòa án Hiến pháp Thái Lan là một cơ quan xét xử tập thể bao gồm 9 Thẩm phán, trong đó có một Chánh án. Về cơ bản, cách thức hình thành Thẩm phán Tòa án Hiến pháp của Thái Lan cũng tương tự như các cơ quan bảo hiến chuyên trách của Campuchia, Indônêxia và Mianma - họ đều được đề cử từ những nguồn khác nhau. Trong số 9 Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan, 3 người là Thẩm phán Tòa án tư pháp tối cao được đề cử thông qua bỏ phiếu kín tại hội nghị toàn thể của Tòa án tư pháp tối cao; hai người là Thẩm phán Tòa án hành chính tối cao được đề cử thông qua bỏ phiếu kín tại hội nghị toàn thể của Tòa án hành chính tối cao; 4 người còn lại là những người có trình độ trong lĩnh vực pháp luật (hai người) và lĩnh vực khoa học chính trị, quản trị công hay lĩnh vực khoa học xã hội khác có kiến thức và trình độ trong lĩnh vực quản lý các công việc của Nhà nước (hai người) do ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Ủy ban tuyển chọn Thẩm phán Tòa án Hiến pháp bầu chọn. Ủy ban tuyển chọn này có 5 thành viên, bao gồm Chánh án Tòa án tư pháp tối cao, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, Chủ tịch Viện dân biểu (Hạ nghị viện), lãnh đạo phe đối lập trong Viện dân biểu và Chủ tịch của một thiết chế Hiến pháp độc lập được bầu chọn trong số các Chủ tịch của những thiết chế đó. Sau khi được đề cử, các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp sẽ được Quốc vương Thái Lan bổ nhiệm. Chánh án Tòa án Hiến pháp do các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp bầu và cũng được Quốc vương ký lệnh bổ nhiệm¹.

1. Các điều 204, 206 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Một người chỉ có thể trở thành Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan khi đã thỏa mãn đủ những điều kiện khá ngặt nghèo sau đây¹:

(1) Là người có quốc tịch Thái Lan kể từ khi sinh;

(2) Không ít hơn bốn mươi lăm tuổi;

(3) Đã từng là Bộ trưởng, Thẩm phán của Tòa án quân sự tối cao, ủy viên Ủy ban bầu cử, Thanh tra Quốc hội, thành viên của Ủy ban chống tham nhũng quốc gia, thành viên của Ủy ban kiểm toán nhà nước hoặc thành viên của Ủy ban nhân quyền quốc gia, hoặc đã từng giữ chức vụ không thấp hơn chức Phó Tổng Công tố, Tổng cục trưởng hoặc người điều hành trong một cơ quan Chính phủ với quyền hành pháp tương đương với Tổng cục trưởng, hoặc giữ chức danh không thấp hơn giáo sư, hoặc đã từng là luật sư có thời gian hành nghề liên tục và thường xuyên không ít hơn ba mươi năm cho đến ngày được đề cử;

(4) Phải có quyền bầu cử và đáp ứng được đầy đủ các điều kiện để có thể được bầu làm Hạ nghị sĩ;

(5) Không phải là Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ, quan chức chính trị, thành viên của hội đồng địa phương hoặc cơ quan hành chính địa phương;

(6) Không phải hoặc đã từng là thành viên hoặc người nắm giữ những vị trí khác trong một đảng chính trị trong thời gian ba năm trước khi nhậm chức; và

(7) Không phải đang là ủy viên Ủy ban bầu cử, Thanh tra Quốc hội, thành viên của Ủy ban chống tham nhũng

1. Điều 205 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

quốc gia, thành viên của Ủy ban kiểm toán quốc gia hoặc thành viên của Ủy ban nhân quyền quốc gia.

Thẩm phán của Tòa án Hiến pháp Thái Lan sau khi được bầu không được phép đồng thời kiêm nhiệm một số chức vụ hay làm một số công việc như:

(1) Là quan chức Chính phủ giữ các vị trí lâu dài hoặc hưởng lương ổn định;

(2) Là quan chức hoặc nhân viên của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hay tổ chức chính quyền địa phương hoặc giám đốc hay cố vấn cho doanh nghiệp nhà nước hay cơ quan nhà nước;

(3) Giữ bất kỳ chức vụ nào trong công ty liên danh, công ty hay tổ chức kinh doanh với mục đích chia lãi hoặc thu nhập, hoặc là người làm công của bất kỳ người nào; hay

(4) Tham gia vào các nghề nghiệp độc lập, ví dụ luật sư hay tư vấn kinh tế.

Nếu rơi vào một trong số những trường hợp kể trên, Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan đương nhiên bị mất tư cách Thẩm phán¹.

Tất cả các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan, bao gồm cả Chánh án, đều có nhiệm kỳ 9 năm kể từ ngày được Quốc vương bổ nhiệm và chỉ được làm một nhiệm kỳ cho đến khi có Thẩm phán mới được bổ nhiệm để thay thế mình. Tư cách Thẩm phán Tòa án Hiến pháp sẽ kết thúc trước khi hết nhiệm kỳ trong những trường hợp sau:

1. Điều 205, 207 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

- (1) Qua đời;
- (2) Đủ bảy mươi tuổi;
- (3) Từ chức;

(4) Rơi vào trường hợp không đủ tiêu chuẩn trở thành Thẩm phán Tòa án Hiến pháp hoặc những trường hợp cấm Thẩm phán Tòa án Hiến pháp làm như đề cập trên đây;

(5) Bị kết án tù có thời hạn bởi một bản án, bất kể bản án đã có hiệu lực hay chưa hay hình phạt có được tạm đình chỉ hay không, trừ khi đối với các vụ việc chưa chung thẩm hoặc hình phạt được đình chỉ đối với tội do vô ý hoặc ít nghiêm trọng hoặc tội vu khống; hay

- (6) Bị Thượng nghị viện luận tội.

Thủ tục và cơ sở tiến hành luận tội đối với Thẩm phán Tòa án tối cao được áp dụng tương tự như việc luận tội đối với các quan chức cao cấp trong bộ máy nhà nước như Thủ tướng, Bộ trưởng, Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ, Chánh án Tòa án Hiến pháp, Chánh án Tòa án tư pháp tối cao, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, v.v.. Chủ thể có quyền khởi xướng vụ việc luận tội một Thẩm phán Tòa án Hiến pháp là nhóm không ít hơn 1/4 tổng số Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ. Yêu cầu luận tội phải được gửi tới Chủ tịch Thượng nghị viện với đầy đủ lý do luận tội. Chủ tịch Thượng nghị viện phải chuyển yêu cầu luận tội đó tới Ủy ban chống tham nhũng để tiến hành điều tra. Báo cáo điều tra của Ủy ban chống tham nhũng, nếu ủng hộ việc luận tội, sẽ được chuyển tới phiên họp toàn thể của Thượng nghị viện để thảo luận và biểu quyết. Nếu có ít nhất 3/5 tổng số Thượng nghị sĩ bỏ phiếu ủng

hộ việc luận tội thì Thẩm phán Tòa án Hiến pháp đó sẽ bị cách chức¹.

Tòa án Hiến pháp Thái Lan có ngân sách riêng và có bộ máy giúp việc riêng, gọi là Văn phòng Tòa án Hiến pháp do Tổng thư ký Văn phòng Tòa án Hiến pháp đứng đầu. Tổng thư ký do Chánh án Tòa án Hiến pháp đề cử và toàn thể Thẩm phán Tòa án Hiến pháp thông qua. Văn phòng Tòa án Hiến pháp tự quyết định về nhân sự và ngân sách hoạt động của mình².

Không giống như Hiến pháp Campuchia, Indônêxia hay Mianma, trong Hiến pháp Thái Lan, thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp được quy định ở nhiều điều khoản nằm rải rác. Có thể tổng hợp phạm vi thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp Thái Lan như sau³:

- Giải tán đảng chính trị hoạt động trái với Hiến pháp;
- Đình chỉ các nghị quyết hoặc quy định của các đảng chính trị trái với hoặc không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của chế độ dân chủ của chính quyền với Quốc vương là Nguyên thủ quốc gia;
- Bãi nhiệm Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ do không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định của Hiến pháp;
- Xem xét tính hợp hiến của các dự luật, kể cả các dự luật cơ bản, sau khi đã được Nghị viện thông qua nhưng chưa được Quốc vương công bố;
- Xem xét tính hợp hiến của bất kỳ quy định nào của luật, văn bản dưới luật hoặc bất kỳ hành vi pháp lý nào;

1, 2 3. Các điều 270-274; các điều 168, 217; các điều 68, 65, 91, 154, 155 245, 233, 185, 214 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

- Tuyên bố ủy viên Ủy ban bầu cử không đủ điều kiện theo quy định của Hiến pháp;

- Tuyên bố một sắc lệnh khẩn cấp của Quốc vương không phù hợp với thủ tục ban hành sắc lệnh khẩn cấp theo quy định của Hiến pháp;

- Phán xử về tranh chấp về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan Hạ nghị viện, Chính phủ và các thiết chế Hiến pháp.

Hiến pháp Thái Lan cũng quy định những trình tự thủ tục khác nhau để thực hiện những thẩm quyền nêu trên. Tuy nhiên, trong bất kỳ trường hợp nào nếu cho rằng vấn đề của vụ kiện đã được xem xét và giải quyết trong các vụ kiện trước đó, Tòa án Hiến pháp có quyền không thụ lý vụ án. Khi thực hiện nhiệm vụ, Tòa án Hiến pháp có quyền yêu cầu bất kỳ người nào cung cấp tài liệu hoặc những chứng cứ thích hợp hay có quyền triệu tập bất cứ người nào để lấy lời khai cũng như yêu cầu các quan chức, cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hoặc các tổ chức chính quyền địa phương thực hiện bất kỳ hành động nào để phục vụ cho việc xem xét của mình. Tất cả các phán quyết của Tòa án Hiến pháp đều được quyết định bởi đa số với sự có mặt của tối thiểu 5 Thẩm phán Tòa án Hiến pháp. Các bản án của Tòa án đều có hiệu lực chung thẩm. Mỗi Thẩm phán của Tòa án Hiến pháp khi xét xử phải chuẩn bị ý kiến và đưa phán quyết về phần mà mình thụ lý và phải trình bày miệng trong cuộc họp trước khi thông qua phán quyết. Các phán quyết của Tòa án Hiến pháp và các ý kiến đưa ra trong phán quyết của tất cả các Thẩm phán của Tòa án Hiến

pháp phải được công bố trên Công báo Chính phủ. Bản án của Tòa án Hiến pháp phải trình bày được ít nhất là bối cảnh hay các lập luận liên quan, tóm tắt các tình tiết sự kiện tìm hiểu được qua các phiên xét xử, lập luận cho phán quyết về các vấn đề sự kiện và vấn đề pháp lý và các điều khoản của Hiến pháp và luật được viện dẫn làm căn cứ pháp lý. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp được coi là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc đối với Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng, các Tòa án và các cơ quan nhà nước khác¹.

Một điểm đặc biệt trong cơ chế bảo hiến của Thái Lan là sự cho phép các cá nhân cũng có thể tiến hành các vụ kiện vi hiến. Điều 212 của bản Hiến pháp này quy định: công dân Thái Lan có quyền tự do cơ bản, không bị xâm phạm bởi bất kỳ cơ quan nhà nước nào dưới bất kỳ hành vi nào, họ đều có quyền kiện lên Tòa án Hiến pháp để bảo vệ lợi ích của mình, cho dù cơ quan đó là Nghị viện, Chính phủ, Tòa án hay bất kỳ cơ quan nào khác. Ngoài ra, khi một Tòa án thường đang thụ lý một vụ việc mà phát sinh khiếu nại về tính hợp hiến của một văn bản pháp luật có liên quan tới vụ việc thì vụ việc phải bị đình chỉ cho tới khi Tòa án Hiến pháp có câu trả lời cuối cùng đối với vấn đề vi hiến.

Như vậy, có thể thấy rằng, Hiến pháp Thái Lan có những quy định rất ưu việt về cơ chế bảo vệ Hiến pháp. Phạm vi thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp Thái Lan được quy định rất rộng và cụ thể. Người dân Thái Lan có

1. Các điều 213, 216 Hiến pháp Thái Lan.

quyền tiếp cận trực tiếp tới Tòa án Hiến pháp để bảo vệ các quyền cơ bản hiến định của mình. Các trình tự thủ tục bảo hiến được quy định tuy phức tạp song rất cụ thể và chi tiết. Đặc biệt, Hiến pháp Thái Lan đã có những quy định bảo đảm tương đối chắc chắn cho tính độc lập của Tòa án Hiến pháp, hơn hẳn so với các bản Hiến pháp trong khu vực. Tòa án Hiến pháp Thái Lan có ngân sách hoạt động riêng và có bộ máy giúp việc riêng, có thẩm quyền buộc các cơ quan nhà nước khác phải hợp tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. Các quyết định của Tòa án Hiến pháp Thái Lan không mang tính nửa vời mà nói chung đều mang lại hậu quả pháp lý cho các đối tượng vi phạm Hiến pháp. Cá nhân các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan cũng được bảo đảm một mức độ độc lập ấn tượng. Họ là những người có uy tín trong xã hội, được lựa chọn dựa trên những tiêu chuẩn cao và rõ ràng. Nhiệm kỳ của họ đủ dài và đủ chặt chẽ để họ yên tâm thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của mình mà không bị băn khoăn bởi vấn đề tái bổ nhiệm. Các quy định về cơ chế bảo hiến trong Hiến pháp Thái Lan hiện hành có thể được coi là ưu việt nhất trong số Hiến pháp các quốc gia ASEAN.

II. CÁC THIẾT CHẾ HIẾN ĐỊNH ĐỘC LẬP NHÀ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Thiết chế hiến định độc lập kiểm soát quyền lực nhà nước là những cơ quan nhà nước được quy định cụ thể

về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong Hiến pháp. Đây là những cơ quan nhà nước song tồn tại độc lập với các nhánh quyền lực nhà nước truyền thống, tức là nó không nằm trong nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp hay tư pháp. Các thiết chế hiến định này có thực hiện một số quyền lực nhà nước nhất định, tuy nhiên thứ quyền lực nhà nước mà các cơ quan này thực hiện nhắm trực tiếp tới bản thân việc hình thành và thực hiện các quyền lực nhà nước chứ không phải nhắm tới việc điều chỉnh các hành vi của các cá nhân hay tổ chức thông thường trong xã hội. Mục đích trực tiếp của các thiết chế hiến định này là góp phần bảo đảm quyền lực nhà nước được thực hiện một cách “đúng đắn”, tuân thủ và thúc đẩy được những giá trị tiến bộ mà quốc gia có các thiết chế đó hướng tới.

Sự xuất hiện tương đối phổ biến của các thiết chế hiến định độc lập là một đặc điểm chung của các Hiến pháp ASEAN. Trong số 9 bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN được nghiên cứu ở đây thì chỉ có Hiến pháp Vương quốc Campuchia và Hiến pháp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không quy định về thiết chế hiến định độc lập. Các quốc gia còn lại đều quy định về những thiết chế hiến định độc lập ở những mức độ khác nhau về cả loại thiết chế và mức độ chi tiết của các quy phạm. Có 5 loại thiết chế hiến định độc lập thường được đề cập: Ủy ban bầu cử, Ủy ban Công vụ, Cơ quan kiểm toán quốc gia, Thanh tra Nghị viện và Ủy ban quyền con người. Ngoài ra, riêng Hiến pháp Thái Lan còn quy định về một loại thiết

chế hiến định độc lập khác là Ủy ban chống tham nhũng quốc gia.

1. Ủy ban bầu cử trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Có bốn Hiến pháp các quốc gia ASEAN quy định về Ủy ban bầu cử, đó là Hiến pháp Malaixia, Mianma, Philíppin và Thái Lan. Bên cạnh những đặc điểm chung, các Ủy ban bầu cử ở các quốc gia này đều mang những đặc điểm riêng nhất định về tổ chức, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn.

Về mặt tổ chức, Ủy ban bầu cử của cả 4 quốc gia đều là những cơ quan làm việc theo chế độ tập thể; các thành viên của tập thể đó đều do nguyên thủ quốc gia bổ nhiệm về mặt hình thức; và cách thức hình thành cũng như cơ cấu tổ chức của các Ủy ban này đều được quy định theo hướng bảo đảm tốt nhất tính khách quan trong hoạt động của chúng. Tuy nhiên, về các thủ tục hình thành và cơ cấu tổ chức cụ thể ở mỗi quốc gia đều có nét đặc thù riêng.

Ủy ban bầu cử của Malaixia bao gồm 5 ủy viên, trong đó có một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Tất cả các ủy viên đều do Quốc vương bổ nhiệm sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng Tiểu vương. Hiến pháp Malaixia không quy định cụ thể điều kiện để có thể được bổ nhiệm làm ủy viên Ủy ban bầu cử, ngoài điều kiện không bị phá sản. Sau khi được bổ nhiệm, ủy viên Ủy ban bầu cử Malaixia cũng không được tham gia vào bất kỳ chức vụ hay công việc nào khác có trả lương, kể cả việc trở thành thành viên ban giám đốc hoặc ban điều hành hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động của bất kỳ tổ chức thương mại hay

công nghiệp nào dù có được đãi ngộ hay không. Ủy viên Ủy ban bầu cử cũng không được đồng thời làm nghị viên hoặc thành viên Hội đồng Lập pháp của các bang. Các ủy viên làm việc theo nhiệm kỳ theo luật định cho đến năm 65 tuổi và chỉ có thể bị cách chức theo thể thức quy định đối với Thẩm phán Tòa án tối cao¹.

Ủy ban bầu cử của Mianma bao gồm tối thiểu 5 ủy viên. Tất cả các ủy viên, bao gồm cả Chủ tịch đều do Tổng thống bổ nhiệm theo cách thức giống với cách thức bổ nhiệm Bộ trưởng, có nghĩa rằng việc lựa chọn các ứng cử viên phải được Tổng thống thực hiện và Nghị viện Liên bang phê chuẩn. Hiến pháp Mianma quy định khá chi tiết điều kiện để có thể được bổ nhiệm làm ủy viên ủy ban bầu cử. Các điều kiện đó bao gồm: (1) Ít nhất 50 tuổi; (2) Có đủ điều kiện để được bầu làm nghị sĩ; (3) Đã từng là Chánh án hoặc Thẩm phán Tòa án cấp vùng trở lên trong thời gian tối thiểu 5 năm hoặc đã từng làm công tác quản lý trong lĩnh vực pháp luật từ cấp bang trở lên trong thời gian tối thiểu 10 năm hoặc đã từng hành nghề luật sư trong thời gian tối thiểu 20 năm hoặc là một nhân vật xuất chúng trong xã hội theo quan điểm của Tổng thống; (4) Là người trung thực, kiên định và có kinh nghiệm; (5) Trung thành với Nhà nước và Liên bang; (6) Không được làm thành viên bất kỳ đảng chính trị nào; (7) Không được đồng thời làm nghị sĩ hay các công việc có hưởng lương, phụ cấp hoặc được trả công. Ủy viên Ủy ban bầu cử của Mianma cũng có thể bị luận tội và cách chức theo

1. Điều 114 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

thủ tục áp dụng đối với Chánh án và Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang nếu rơi vào một trong các trường hợp: (1) Phạm tội phản quốc; (2) Vi phạm quy định của Hiến pháp; (3) Không còn đủ điều kiện do Hiến pháp quy định để trở thành Ủy viên bầu cử; (4) Hành vi không phù hợp; hoặc (5) Không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao¹.

Ủy ban bầu cử của Philippin có 7 ủy viên, trong đó có một Chủ tịch, đều do Tổng thống bổ nhiệm với sự đồng thuận của Ủy ban về các vấn đề bổ nhiệm của Nghị viện. Để được bổ nhiệm, ứng cử viên Ủy ban bầu cử phải có đủ các điều kiện sau: (1) Là người có quốc tịch Philippin khi sinh ra; (2) Có tuổi đời ít nhất là 35 vào thời điểm bổ nhiệm; (3) Tối thiểu có bằng cử nhân; (4) Không phải là ứng cử viên cho bất kỳ vị trí nào ở các cuộc bầu cử ngay trước đó; (5) Phải là thành viên đoàn luật sư Philippin và hành nghề luật ít nhất 10 năm. Các ủy viên Ủy ban bầu cử của Philippin có nhiệm kỳ 10 năm kể từ khi được bổ nhiệm và không được tái bổ nhiệm. Đây là thời gian nhiệm kỳ dài nhất trong số các ủy viên Ủy ban bầu cử của các nước ASEAN. Theo quy định của Hiến pháp, các ủy viên Ủy ban bầu cử của Philippin có thời gian kết thúc nhiệm kỳ không trùng nhau. Trong số các ủy viên Ủy ban bầu cử đầu tiên được bổ nhiệm, có hai người có nhiệm kỳ chỉ 3 năm, hai người có nhiệm kỳ 5 năm và ba người còn lại có nhiệm kỳ 7 năm. Mục đích của cách sắp xếp này là bảo đảm sự đan xen giữa các thành viên cũ và mới của Ủy ban bầu cử, làm cho Ủy ban bầu cử không

1. Các điều 398, 399 Hiến pháp Mianma hiện hành.

bao giờ rơi vào tình trạng có ít hoặc không có thành viên có kinh nghiệm. Hiến pháp không cấm ủy viên Ủy ban bầu cử đồng thời là đảng viên của một đảng chính trị, song họ không được đảm nhiệm bất kỳ chức vụ hay công việc hay hành nghề (luật sư, bác sĩ, v.v.) nào khác. Việc tham gia quản lý các doanh nghiệp thương mại cũng tuyệt đối bị cấm. Ở góc độ thiết chế, Ủy ban bầu cử của Philíppin có ngân sách riêng độc lập với các cơ quan nhà nước khác, có bộ máy giúp việc riêng do ủy ban này tự quyết định và tự ban hành các quy trình thủ tục làm việc riêng của mình¹.

Giống với Mianma và Malaixia, Ủy ban bầu cử Thái Lan cũng có 5 thành viên. Tất cả các thành viên của Ủy ban bầu cử Thái Lan đều do Quốc vương bổ nhiệm theo sự chấp thuận trước của Thượng nghị viện. Tuy nhiên, thẩm quyền đề cử danh sách ứng cử viên lại thuộc về các chủ thể khác. Ba trong số 5 ủy viên Ủy ban bầu cử được tuyển chọn bởi một Hội đồng với 7 thành viên bao gồm Chánh án Tòa án tư pháp tối cao, Chánh án Tòa án Hiến pháp, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, Chủ tịch Viện dân biểu (Hạ nghị viện), lãnh đạo phe đối lập trong Viện dân biểu (Hạ nghị viện), một người do hội nghị toàn thể Tòa án tư pháp tối cao bầu và một người do hội nghị toàn thể các Thẩm phán Tòa án hành chính tối cao bầu. Hai ủy viên còn lại do hội nghị toàn thể của Tòa án tư pháp tối cao bầu chọn. Danh sách những người được chọn sau đó sẽ được chuyển tới Thượng nghị viện phê chuẩn trước khi

1. Mục C, Điều IX Hiến pháp Philíppin hiện hành.

trình lên Quốc vương ký lệnh bổ nhiệm. Tiêu chuẩn để được bầu chọn làm ủy viên Ủy ban bầu cử của Thái Lan cũng được quy định khá chặt chẽ trong Hiến pháp. Trước tiên, người được chọn phải có quan điểm và lập trường trung gian rõ ràng về chính trị. Đây là tiêu chuẩn quan trọng nhất để có thể được Thượng nghị viện đề cử lên Quốc vương bổ nhiệm. Ngoài ra, các ứng cử viên cũng phải đáp ứng một số điều kiện khác như (1) Có quốc tịch Thái Lan; (2) Từ 40 tuổi trở lên; (3) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên; (4) Không phải là thành viên đảng chính trị hoặc nắm chức vụ trong đảng chính trị trong thời gian ít nhất 3 năm trước khi được bổ nhiệm; (5) Không đồng thời nắm giữ bất kỳ chức vụ, vị trí nào trong bộ máy nhà nước ở cả Trung ương và địa phương. Các ủy viên Ủy ban bầu cử của Thái Lan có nhiệm kỳ 7 năm kể từ ngày được bổ nhiệm và chỉ được làm một nhiệm kỳ. Các ủy viên này cũng có thể bị bãi nhiệm nếu như nhóm các nghị sĩ với số lượng không dưới 1/10 thành viên hiện có của cả hai viện gửi khiếu nại lên Chủ tịch Hạ nghị viện. Đề nghị đó phải được Chủ tịch Hạ nghị viện chuyển tới Tòa án Hiến pháp trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn để Tòa án Hiến pháp xét xử và ra quyết định. Với tư cách là một thiết chế độc lập, Ủy ban bầu cử Thái Lan cũng có bộ máy giúp việc và ngân sách riêng¹.

Về thẩm quyền, các Ủy ban bầu cử của các quốc gia Malaixia, Mianma, Philíppin và Thái Lan đều có chung

1. Các điều 229-232, 235 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

thẩm quyền tổ chức các cuộc bầu cử để hình thành các cơ quan đại diện các cấp; riêng ở Malaixia, Ủy ban bầu cử chỉ tiến hành bầu cử cơ quan đại diện ở cấp Liên bang. Thẩm quyền tổ chức các cuộc bầu cử của các Ủy ban bầu cử thường bao gồm cả việc lên danh sách cử tri, danh sách ứng cử viên, phân chia đơn vị bầu cử, đặt ra các quy định hướng dẫn các công tác chuẩn bị bầu cử, thực hiện các công tác hậu cần, an ninh, tuyên truyền cho cuộc bầu cử, công bố kết quả bầu cử và cấp thẻ trúng cử, v.v.. Bên cạnh đó, một số Ủy ban bầu cử của một số quốc gia còn có thêm một số thẩm quyền quan trọng khác. Ủy ban bầu cử của Mianma, Philippin và Thái Lan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với các cuộc bầu cử, đặc biệt là liên quan tới kết quả bầu cử. Nếu là tranh chấp liên quan đến kết quả bầu cử ở cấp thành phố hoặc cơ sở thì quyết định của Ủy ban bầu cử có giá trị chung thẩm. Trong những trường hợp liên quan tới kết quả bầu cử ở cấp quốc gia, quyết định của Ủy ban bầu cử được gửi tới Tòa án cấp cao nhất trong hệ thống Tòa án thường để xác nhận. Ở Thái Lan và Philippin, Ủy ban bầu cử còn có một số thẩm quyền quan trọng là đăng ký hoạt động cho các đảng chính trị và tổ chức cả các cuộc trưng cầu dân ý. Riêng Ủy ban bầu cử của Thái Lan còn có quyền đặt ra quy định cấm thành viên của Chính phủ thực hiện một số công việc trong quá trình tranh cử và quyền quy định, giám sát vấn đề tài trợ cho các đảng chính trị, hỗ trợ tài chính của Nhà nước, chi tiêu của các đảng chính trị cũng như các ứng cử viên trong một cuộc bầu cử, bao gồm cả

việc kiểm toán các tài khoản của các đảng chính trị nhằm bảo đảm các cuộc bầu cử diễn ra một cách công bằng¹.

2. Ủy ban Công vụ trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Có 4 quốc gia ASEAN quy định về Ủy ban công vụ trong Hiến pháp của mình, đó là Brunây, Philippin, Malaixia và Xingapo.

Ủy ban Công vụ của Brunây là một tập thể gồm các thành viên do Quốc vương bổ nhiệm với số lượng do Quốc vương quyết định. Việc bổ nhiệm hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí của Quốc vương, Hiến pháp không có quy định về các điều kiện cụ thể. Các thành viên, kể cả Chủ tịch Ủy ban hoạt động theo nhiệm kỳ 3 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tuy nhiên, Hiến pháp Brunây cũng quy định rõ các thành viên của Ủy ban hoạt động theo sự hài lòng của Quốc vương và vì vậy có thể bị Quốc vương bãi nhiệm bất cứ lúc nào. Tiền lương và phụ cấp của các ủy viên Ủy ban Công vụ cũng do Quốc vương quyết định. Ủy ban Công vụ được trợ giúp bởi thư ký cũng là người do Quốc vương bổ nhiệm. Có thể thấy rằng, với cách thức hình thành và tổ chức như vậy, Ủy ban Công vụ là cánh tay của Quốc vương trong lĩnh vực quản lý tổ chức đối với dịch vụ công. Thực vậy, Hiến pháp Brunây quy định rất rõ rằng, thẩm quyền bổ nhiệm, cách chức, thuyên chuyển, kỷ luật bất cứ công chức nào đều thuộc về Quốc vương. Ủy ban Công

1. Điều 113 Hiến pháp Malaixia hiện hành; Điều 399 Hiến pháp Mianma hiện hành; khoản 2, Mục C, Điều IX Hiến pháp Philippin hiện hành; các điều 235-240 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

vụ được đặt ra để tư vấn và đề xuất cho Quốc vương trong việc thực hiện thẩm quyền đó. Thông thường, Quốc vương sẽ nghe theo ý kiến tư vấn hay đề xuất của Ủy ban, song Quốc vương cũng có quyền đặt ra những trường hợp ngoại lệ chỉ do Quốc vương quyết định bổ nhiệm, cách chức, chuyển hay kỷ luật mà không cần tham vấn ý kiến của Ủy ban Công vụ¹.

Khác với Ủy ban Công vụ của Brunây, Ủy ban Công vụ của Philíppin chỉ có 3 ủy viên, trong đó có một Chủ tịch Ủy ban. Để có thể trở thành ủy viên Ủy ban Công vụ, ứng cử viên cần thỏa mãn một số điều kiện: (1) Có quốc tịch Philíppin do sinh ra; (2) Có tuổi đời ít nhất là 35; (3) Có khả năng về quản lý hành chính công. Giống như ủy viên Ủy ban bầu cử, các ủy viên Ủy ban Công vụ của Philíppin cũng không được phép kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ nào trong bộ máy nhà nước cũng như các công việc có hưởng lương trong khối tư nhân. Các ủy viên Ủy ban Công vụ cũng đều do Tổng thống bổ nhiệm theo sự đề cử của Ủy ban về các vấn đề bổ nhiệm của Nghị viện. Nhiệm kỳ của ủy viên Ủy ban Công vụ là 7 năm và không được tái bổ nhiệm. Giống như ủy viên Ủy ban bầu cử, việc bổ nhiệm các ủy viên Ủy ban Công vụ cũng được tiến hành theo cách thức so le để bảo đảm luôn có sự kế thừa kinh nghiệm trong hoạt động của Ủy ban. Ở góc độ thiết chế, Ủy ban Công vụ Philíppin cũng được quy định những biện pháp nhằm bảo đảm cho sự hoạt động độc lập của mình, bao gồm quyền tự quyết định về cơ cấu tổ chức bộ phận

1. Các điều 71-75 Hiến pháp Brunây hiện hành.

giúp việc, đặt ra các quy định, quy trình phục vụ hoạt động của mình và có ngân sách riêng¹.

Khác với Ủy ban Công vụ của Brunây, Ủy ban Công vụ của Philíppin không có các quyền đề xuất bổ nhiệm, thuyên chuyển, cách chức hay bổ nhiệm đối với các công chức. Khối công vụ của Philíppin bao trùm một phạm vi rộng, trong đó có tất cả các nhánh, chi nhánh, đơn vị, cơ quan của Chính phủ kể cả các công ty do chính quyền sở hữu hoặc nắm quyền kiểm soát có điều lệ riêng. Ủy ban Công vụ phụ trách các công việc liên quan tới chính sách và cách thức vận hành hệ thống đó một cách hiệu quả, dân chủ và vì lợi ích của xã hội. Cụ thể, Ủy ban Công vụ áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao đạo đức, hiệu quả công việc, tính liêm trực, thái độ cảm thông, cầu thị và lịch sự, nhã nhặn của công chức trong khi thi hành công vụ. Ủy ban Công vụ cũng đẩy mạnh hệ thống khen thưởng, thống nhất các chương trình phát triển nguồn nhân lực ở mọi cấp và mọi đối tượng, thể chế hoá môi trường quản lý có lợi cho trách nhiệm công vụ².

Khác với Hiến pháp của các quốc gia Brunây và Philíppin, Hiến pháp Malaixia và Xingapo quy định về việc thành lập không phải chỉ một Ủy ban Công vụ mà là một số Ủy ban Công vụ phụ trách những mảng nhân sự khác nhau của các hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước. Ở Malaixia có 4 Ủy ban Công vụ trong 4 lĩnh vực khác nhau: Ủy ban Công vụ công chức trong lĩnh vực công

1. Khoản 1, 2, Mục B, Điều 9 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

2. Khoản 3, Mục B, Điều 9 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

vụ trong hệ thống cơ quan hành pháp và hành chính nhà nước; Ủy ban Công vụ pháp luật và tư pháp trong lĩnh vực công vụ tư pháp và pháp luật; Ủy ban Công vụ giáo dục trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu; và Ủy ban Công vụ Cảnh sát trong lĩnh vực công vụ của lực lượng Cảnh sát. Ủy ban Công vụ công chức bao gồm một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và từ 4 đến 30 thành viên khác. Ủy ban Công vụ giáo dục bao gồm một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và từ 4 đến 8 thành viên khác. Các thành viên của hai Ủy ban này đều do Quốc vương bổ nhiệm theo sự đề cử của Thủ tướng Malaixia và sự đồng ý của Hội đồng Tiểu vương. Ủy ban Công vụ Cảnh sát bao gồm Bộ trưởng phụ trách Cảnh sát làm Chủ tịch, sĩ quan Tổng chỉ huy lực lượng Cảnh sát, Tổng thư ký cho bộ phụ trách lực lượng Cảnh sát là các thành viên bắt buộc. Ngoài ra, Ủy ban Công vụ Cảnh sát còn có từ ba đến bảy thành viên khác do Quốc vương bổ nhiệm, một trong số đó đến từ Ủy ban Công vụ công chức. Ủy ban Công vụ pháp luật và tư pháp bao gồm 2 ủy viên đương nhiên là Chủ tịch Ủy ban Công vụ công chức làm Chủ tịch Ủy ban Công vụ pháp luật và Tổng Trưởng lý. Ngoài ra, Ủy ban này còn có một hoặc nhiều thành viên khác có đủ tiêu chuẩn trở thành Thẩm phán Tòa án tối cao do Quốc vương bổ nhiệm sau khi tham khảo ý kiến của Chánh án Tòa án tối cao Malaixia. Ngoại trừ các ủy viên bắt buộc, tất cả các ủy viên khác của 4 Ủy ban trên đây đều có nhiệm kỳ hoạt động 5 năm và không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ hay công việc nào khác ngoài những chức vụ được đề cập trên đây. Về thẩm quyền, các Ủy ban Công vụ của Malaixia có vai trò

cao hơn Ủy ban Công vụ của Brunây trong việc bố trí, sắp xếp nhân sự trong bộ máy nhà nước. Cụ thể, các Ủy ban Công vụ của Malaixia có thẩm quyền bổ nhiệm, hoặc vị trí hưởng lương hưu, thăng cấp, thuyên chuyển và kỷ luật tới công chức, viên chức nằm trong lĩnh vực công vụ thuộc thẩm quyền của mình. Tuy nhiên, Quốc vương vẫn có thể giành quyền bổ nhiệm, thuyên chuyển, kỷ luật vị trí lãnh đạo hoặc cấp phó ở các Bộ hoặc cấp tương đương nhưng trong trường hợp đó, Quốc vương phải hỏi ý kiến của Ủy ban Công vụ có thẩm quyền¹.

Có lẽ vì quy mô dân số và lãnh thổ nhỏ hơn nhiều so với Malaixia nên mặc dù tổ chức bộ máy nhà nước của Xingapo có nhiều điểm giống với Malaixia song Xingapo chỉ có hai thay vì bốn Ủy ban Công vụ như nước láng giềng, đó là Ủy ban Công vụ và Ủy ban Công vụ pháp luật. Ủy ban Công vụ pháp luật có thẩm quyền đối với công tác tổ chức cán bộ trong các ngành pháp luật và tư pháp; còn Ủy ban Công vụ phụ trách các lĩnh vực công chức khác trong bộ máy nhà nước Xingapo, bao gồm cả công chức hành chính, giáo dục và Cảnh sát. Ủy ban Công vụ Xingapo có một Chủ tịch và từ 5 đến 14 thành viên khác do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Thủ tướng. Ủy ban Công vụ Xingapo có thư ký và văn phòng riêng để giúp việc cho hoạt động của mình. Các ủy viên Ủy ban Công vụ không được đồng thời làm công chức trong bất kỳ lĩnh vực nào hoặc làm việc cho bất kỳ công ty nào. Các ủy viên cũng không được nắm giữ bất kỳ

1. Các điều 138-144 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

chức vụ nào trong các tổ chức chính trị hay là thành viên công đoàn. Các ủy viên Ủy ban Công vụ có nhiệm kỳ từ 3 đến 5 năm tùy theo quyết định bổ nhiệm mình. Nhiệm kỳ ủy viên có thể bị kết thúc sớm nếu như bị Tổng thống miễn nhiệm theo đề cử của Thủ tướng Chính phủ do có hạnh kiểm xấu hay không đủ khả năng về thể chất hay tinh thần. Tuy nhiên, Tổng thống Xingapo cũng không tự mình ra quyết định mà trên cơ sở tham vấn một cơ quan tài phán bao gồm Chánh án và hai Thẩm phán khác của Tòa án tối cao Xingapo¹.

Khác với Ủy ban Công vụ, Ủy ban Công vụ pháp luật của Xingapo có từ 6 đến 9 ủy viên, trong đó có 3 ủy viên bắt buộc là Chánh án Tòa án tối cao, Tổng Công tố và Chủ tịch Ủy ban Công vụ. Các ủy viên khác do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử đồng đều và riêng biệt của Chánh án Tòa án tối cao, Chủ tịch Ủy ban Công vụ và Thủ tướng Chính phủ. Tiêu chuẩn bổ nhiệm, nhiệm kỳ và cơ chế bãi nhiệm của các ủy viên Ủy ban Công vụ pháp luật của Xingapo được thực hiện tương tự như đối với các ủy viên Ủy ban Công vụ².

Ủy ban Công vụ và Ủy ban Công vụ pháp luật của Xingapo có phạm vi quyền hạn giống với các Ủy ban Công vụ của nước láng giềng Malaixia. Các Ủy ban này cũng có bổ nhiệm, hoặc vị trí hưởng lương hưu, thăng cấp, thuyên chuyển và kỷ luật tới công chức, viên chức nằm trong lĩnh vực công vụ thuộc thẩm quyền của mình.

1, 2. Các điều 105-109; Điều 111 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Tuy nhiên, điểm khác biệt là vai trò của các ủy ban của Xingapo có phần cao hơn so với các ủy ban của Malaixia, bởi vì, Tổng thống Xingapo không được Hiến pháp trao cho quyền tự quyết định các chức vụ quan trọng trong nền công vụ giống như Quốc vương Malaixia¹.

3. Cơ quan kiểm toán độc lập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN

Có 4 quốc gia ASEAN có quy định về Cơ quan kiểm toán độc lập trong Hiến pháp, đó là Indônêxia, Xingapo, Philíppin và Thái Lan. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền của các cơ quan kiểm toán này đều có những điểm khác nhau nhất định.

Cơ quan kiểm toán độc lập trong Hiến pháp Indônêxia là Hội đồng kiểm toán tối cao bao gồm một số lượng ủy viên được xác định theo luật. Các ủy viên đều do Hội đồng đại diện nhân dân, tức Hạ nghị viện của Indônêxia bầu ra có tính tới sự cân nhắc, xem xét từ phía Hội đồng đại diện địa phương, tức Thượng nghị viện. Nhiệm kỳ và tiêu chuẩn để có thể được bầu làm thành viên Hội đồng kiểm toán tối cao cũng không được quy định rõ trong Hiến pháp. Hội đồng kiểm toán tối cao Indônêxia có một ban quản lý do các ủy viên Hội đồng bầu chọn. Thẩm quyền của Hội đồng kiểm toán tối cao được quy định một cách khá chung chung, bao gồm thẩm quyền kiểm tra hoạt động quản lý và trách nhiệm đối với các hoạt động tài chính nhà nước ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương.

1. Điều 110 Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Các báo cáo kết quả hoạt động kiểm toán được trình lên Hội đồng đại diện nhân dân, Hội đồng đại diện địa phương và các Hội đồng đại diện nhân dân ở địa phương tùy theo thẩm quyền của từng cơ quan¹.

Khác với Indônêxia, Cơ quan kiểm toán độc lập của Xingapo là một cá nhân - Tổng Kiểm toán - do Tổng thống bổ nhiệm theo đề xuất của Thủ tướng Chính phủ và trên cơ sở tham vấn Chủ tịch Ủy ban Công vụ Xingapo. Tổng thống có quyền không đồng ý với đề xuất của Thủ tướng Chính phủ và bổ nhiệm một người khác. Nhiệm kỳ của Tổng Kiểm toán là 6 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Hiến pháp Xingapo không quy định cụ thể tiêu chuẩn để một cá nhân có thể được bổ nhiệm làm Tổng Kiểm toán. Tuy nhiên, sau khi được bổ nhiệm thì Tổng Kiểm toán có thể bị Tổng thống miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Thủ tướng Chính phủ do Tổng Kiểm toán không thể đảm nhiệm công việc của mình hoặc có hạnh kiểm xấu. Quyết định của Tổng thống sẽ dựa trên cơ sở một kết luận của cơ quan tài phán gồm có Chánh án và hai Thẩm phán của Tòa án tối cao. Cơ quan này tự quyết định thủ tục xử lý vụ việc và ra quyết định cuối cùng về việc có đủ cơ sở để bãi nhiệm Tổng Kiểm toán hay không. Về thẩm quyền, Tổng Kiểm toán Xingapo có quyền tiến hành kiểm toán và báo cáo về tài khoản của tất cả các cơ quan không thuộc nhánh lập pháp trong bộ máy nhà nước, bao gồm các cơ quan và văn phòng của Chính phủ, Ủy ban Công vụ, Ủy ban Công vụ pháp luật, Tòa án tối cao, tất cả các Tòa án

1. Các điều 23F, 23G Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

cấp dưới và Nghị viện. Trên cơ sở hoạt động kiểm toán của mình, Tổng Kiểm toán có thể báo cáo lên Tổng thống về những giao dịch của Chính phủ mà Tổng Kiểm toán cho rằng được rút ra từ các khoản tích lũy không phải do Chính phủ có được trong nhiệm kỳ của mình. Báo cáo của Tổng Kiểm toán sẽ là cơ sở để Tổng thống ra quyết định không chấp nhận các giao dịch đó¹.

Cơ quan kiểm toán độc lập của Philíppin - Ủy ban Kiểm toán - có ba thành viên, trong đó có một Chủ tịch. Tất cả các thành viên đều do Tổng thống bổ nhiệm trên cơ sở đề cử của Ủy ban các vấn đề bổ nhiệm của Nghị viện Philíppin. Nhiệm kỳ của các thành viên Ủy ban Kiểm toán là 7 năm và không được bổ nhiệm lại. Cơ chế bổ nhiệm từng thành viên của Ủy ban cũng được thực hiện một cách so le tương tự như đối ủy viên Ủy ban Công vụ. Về tiêu chuẩn, các ủy viên Ủy ban Kiểm toán, bao gồm cả Chủ tịch, phải là công dân Xingapo, có độ tuổi từ 35 trở lên và phải có kinh nghiệm hành nghề luật hoặc làm kế toán công ít nhất 10 năm. Đặc biệt, Hiến pháp Philíppin quy định các thành viên của Ủy ban Kiểm toán không được có lĩnh vực kinh nghiệm giống nhau. Điều đó có nghĩa là luôn luôn có sự kết hợp giữa kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật và kế toán công trong hoạt động của Ủy ban. Ủy viên Ủy ban Kiểm toán Philíppin cũng không được đồng thời kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ, công việc hoặc hành nghề nào khác. Về phương diện thiết chế,

1. Các điều 148F, 148G Hiến pháp Xingapo hiện hành.

Ủy ban Kiểm toán được hưởng những biện pháp bảo đảm tính độc lập giống như các ủy ban Hiến định khác như Ủy ban bầu cử và Ủy ban Công vụ. Ủy ban Kiểm toán Philíppin có phạm vi thẩm quyền khá rộng. *Thứ nhất*, Ủy ban có thẩm quyền và cũng là nhiệm vụ kiểm tra, kiểm toán và xem xét tất cả các tài khoản ngân sách và các khoản thu, chi tiêu hay sử dụng các loại quỹ và tài sản của tất cả các cơ quan nhà nước không thuộc nhánh lập pháp và tư pháp, bao gồm các cơ quan, đơn vị của Chính phủ, kể cả trong các công ty hay chi nhánh của nó, các cơ quan, ủy ban hiến định được quyền tự chủ tài chính theo quy định của bản Hiến pháp này, các trường đại học hoặc cao đẳng độc lập của Nhà nước, các công ty hay chi nhánh của nó do chính quyền sở hữu hoặc nắm quyền kiểm soát khác, các pháp nhân phi Chính phủ nhận tiền hỗ trợ hay vốn trực tiếp hay gián tiếp qua Chính phủ được pháp luật hay cơ quan cung cấp vốn yêu cầu thực hiện kiểm toán như là điều kiện để cấp tiền hỗ trợ hoặc vốn. *Thứ hai*, Ủy ban có thẩm quyền ban hành các quy định, quy tắc về kế toán, kiểm toán trong đó có các quy định liên quan đến việc phòng, chống và ngăn chặn việc chi tiêu hoặc sử dụng bất thường, không cần thiết, lạm chi, phung phí và không có ý thức các nguồn ngân quỹ và tài sản của chính quyền. *Thứ ba*, Ủy ban có thẩm quyền trình lên Tổng thống và Nghị viện báo cáo hằng năm để cập điều kiện tài chính và hoạt động của Chính phủ, cơ quan, đơn vị của Chính phủ, kể cả trong các công ty hay chi nhánh của nó do chính quyền sở hữu hoặc nắm quyền

kiểm soát, các pháp nhân phi Chính phủ chịu sự kiểm toán của nó và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để hoàn thiện hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chúng¹.

Cơ quan kiểm toán độc lập của Thái Lan là Ủy ban Kiểm toán nhà nước. Ủy ban có một Chủ tịch và sáu ủy viên do Quốc vương bổ nhiệm theo thủ tục giống như thủ tục bổ nhiệm thành viên Ủy ban bầu cử Thái Lan như trình bày trên đây. Các thành viên Ủy ban Kiểm toán nhà nước là những người có năng lực và kinh nghiệm về kiểm toán nhà nước, kế toán, kiểm toán nội bộ, tài chính và các lĩnh vực khác. Ngoài ra, họ cũng phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tương tự như các tiêu chuẩn áp dụng đối với việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan về độ tuổi, tư cách công dân, không được kiêm nhiệm chức vụ khác, v.v.. Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán nhà nước của Thái Lan có nhiệm kỳ 6 năm kể từ khi được bổ nhiệm và chỉ được làm một nhiệm kỳ. Giống như các cơ quan hiến định khác, Ủy ban Kiểm toán nhà nước có bộ máy giúp việc và ngân sách riêng để bảo đảm tính độc lập trong hoạt động của mình. Ngoài thẩm quyền tiến hành các hoạt động kiểm toán nhà nước, Ủy ban Kiểm toán nhà nước của Thái Lan còn có quyền đặt ra những quy tắc mang tính tiêu chuẩn liên quan tới việc kiểm toán nhà nước, cung cấp ý kiến góp ý và đề xuất hoàn thiện những khuyết điểm liên quan tới kiểm toán nhà nước và có quyền chỉ định một ủy ban kỹ thuật tài chính tiền tệ

1. Mục C, Điều 9 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

độc lập chịu trách nhiệm xem xét và đưa ra biện pháp xử lý kỷ luật đối với các hoạt động tài chính và ngân sách¹.

4. Thanh tra Nghị viện

Chỉ có hai trong số các quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây có quy định về Thanh tra Nghị viện trong Hiến pháp của mình, đó là Philippin và Thái Lan.

Trong Hiến pháp Philippin, Thanh tra Nghị viện không được quy định ở phần các thiết chế hiến định độc lập mà ở phần chế độ trách nhiệm công vụ. Thanh tra Nghị viện của Philippin là một tập thể gồm 4 Thanh tra viên, một người phụ trách chung và ba người còn lại lần lượt đại diện cho một trong ba khu vực Luzon, Visayas và Mindanao. Các Thanh tra viên do Tổng thống bổ nhiệm trong số ít nhất 6 ứng cử viên do Hội đồng tư pháp và luật sư đề cử. Mỗi Thanh tra viên đều có một cấp phó cũng do Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Hội đồng Tư pháp và luật sư. Nhiệm kỳ của Thanh tra viên và Phó Thanh tra viên là 7 năm và không được tái bổ nhiệm. Họ cũng không được kiêm nhiệm bất cứ chức vụ gì trong quá trình tại nhiệm. Để được bổ nhiệm làm Thanh tra viên, ứng cử viên cũng phải đáp ứng được các điều kiện như đối với thành viên của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Công vụ hay Ủy ban Kiểm toán của Philippin như trình bày trên đây. Đặc biệt, Thanh tra viên bắt buộc phải là người đã từng là Thẩm phán hay hành nghề luật tối thiểu 10 năm ở Philippin².

1. Các điều 252-254 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

2. Khoản 7-11, Điều 11 Hiến pháp Philippin hiện hành.

Nhiệm vụ hiến định của Thanh tra Nghị viện Philíppin là bảo vệ nhân dân trước các cơ quan hành chính nhà nước. Vì vậy, Hiến pháp yêu cầu các Thanh tra Nghị viện phải hành động ngay khi nhận được khiếu nại dưới bất kỳ hình thức nào chống lại các quan chức, nhân viên công vụ của Chính phủ, cơ quan, đơn vị của Chính phủ, kể cả trong các công ty hay chi nhánh của nó do chính quyền sở hữu hoặc nắm quyền kiểm soát và thông báo cho người khiếu nại biết những việc đã làm và kết quả thực hiện được khi xét thấy phù hợp. Để thực hiện nhiệm vụ này, Thanh tra Nghị viện Philíppin có một số quyền hạn quan trọng như: (1) Tự mình hay trên cơ sở có khiếu nại của bất cứ cá nhân nào tiến hành điều tra về những hành vi hành động hay không hành động bị coi là không hợp pháp, không công bằng, không đúng đắn hay không có hiệu quả của các đối tượng trong phạm vi thẩm quyền của Thanh tra; (2) Đề nghị, đề xuất, yêu cầu các biện pháp xử lý đối với người vi phạm gửi tới cấp lãnh đạo của người vi phạm, bao gồm các biện pháp như bãi nhiệm, tạm đình chỉ, giáng chức, phạt, phê bình hoặc truy tố; (3) Xác định nguyên nhân gây ra tình trạng hoạt động kém hiệu quả, thói quan liêu, lộn xộn trong quản lý, gian dối, tham nhũng trong Chính phủ và đưa ra những đề xuất loại trừ tình trạng này cũng như bảo đảm tuân thủ những tiêu chuẩn cao về đạo đức và hiệu quả hoạt động. Có thể thấy, đây là những nhiệm vụ quyền hạn rất mạnh đối với đối tượng chịu sự tác động của cơ quan Thanh tra, tức là các cơ quan trong bộ máy hành pháp và hành chính nhà nước. Chính vì vậy, để bảo đảm sự độc lập của Thanh tra

Quốc hội, ngoài các biện pháp bảo đảm cá nhân đối với Thanh tra viên, Hiến pháp Philippin còn quy định một số biện pháp bảo đảm đối với cơ quan Thanh tra Nghị viện như sự độc lập về ngân sách, tổ chức bộ máy giúp việc và tự chủ trong việc đặt ra các quy trình, thủ tục cho hoạt động của mình¹.

Cách thức tổ chức của Thanh tra Nghị viện Thái Lan có nhiều điểm tương đồng với Thanh tra Nghị viện Philippin. Thanh tra Nghị viện Thái Lan có ba Thanh tra viên do Quốc vương bổ nhiệm theo sự cố vấn của Thượng Nghị viện và sự đề cử của một ủy ban được thành lập để tuyển chọn Thanh tra Nghị viện cũng như các thiết chế hiến pháp độc lập khác. Chánh Thanh tra do các Thanh tra viên bầu chọn. Các Thanh tra Nghị viện Thái Lan có nhiệm kỳ 6 năm và cũng không có cơ hội được bổ nhiệm lại. Về mặt tiêu chuẩn trở thành Thanh tra viên, Hiến pháp Thái Lan không quá chú trọng tới kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật. Để được bổ nhiệm, ứng cử viên phải là người có uy tín và được tôn trọng trong công chúng, có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính nhà nước, doanh nghiệp hay hoạt động vì lợi ích công cộng và có đạo đức. Cũng như những người đồng nhiệm Philippin, Thanh tra Nghị viện Thái Lan có văn phòng giúp việc riêng, có quyền tự chủ về tổ chức và có ngân sách riêng để hoạt động².

1. Các khoản 12, 13 Điều 11 Hiến pháp Philippin hiện hành.

2. Các điều 242, 243 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Phạm vi thẩm quyền của Thanh tra Nghị viện Thái Lan có phần rộng hơn so với những người đồng nhiệm Philíppin. Thanh tra Nghị viện Thái Lan có những quyền hạn sau:

- Xem xét, điều tra theo các khiếu nại đối với các quan chức Chính phủ, nhân viên công vụ của cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hay chính quyền địa phương làm trái pháp luật, lạm dụng quyền hạn, thực hiện hay không thực hiện nhiệm vụ của mình dẫn tới thiệt hại cho người khiếu nại cho dù hành vi có hợp pháp hay không. Quyền hạn này được mở rộng tới cả các thiết chế hiến định và các cơ quan thi hành công lý thiếu trách nhiệm trong công việc, trừ hoạt động xét xử của Tòa án.

- Giám sát, đánh giá và chuẩn bị các khuyến nghị về việc tuân thủ Hiến pháp, bao gồm cả việc cân nhắc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp khi cần thiết.

- Báo cáo hằng năm các kết quả thực hiện nhiệm vụ, cùng với những nhận xét thích hợp tới Hội đồng Bộ trưởng, Viện dân biểu (Hạ nghị viện) và Thượng nghị viện. Các báo cáo này cũng được công bố trên Công báo Chính phủ và để công khai đối với công chúng.

- Đưa vấn đề tới Tòa án Hiến pháp khi xét thấy cần xem xét tính hợp hiến của bất kỳ điều khoản nào của luật hoặc đề nghị Tòa án hành chính xem xét tính hợp pháp của bất cứ văn bản dưới luật nào.

5. Ủy ban quyền con người

Philíppin và Thái Lan cũng là hai nước duy nhất trong khối ASEAN có quy định về Ủy ban quyền con người trong Hiến pháp của mình.

Ủy ban quyền con người của Philíppin gồm một Chủ tịch và bốn thành viên có quốc tịch Philíppin và có đa số là thành viên luật sư đoàn. Cách thức thành lập, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn bổ nhiệm thành viên Ủy ban quyền con người Philíppin được quy định trong các văn bản luật. Trong khi đó, cơ quan đồng nhiệm ở Thái Lan gồm có Chủ tịch và sáu thành viên khác được Quốc vương bổ nhiệm theo một quy trình giống như quy trình áp dụng đối với việc bổ nhiệm Thanh tra Nghị viện. Các ủy viên Ủy ban quyền con người của Thái Lan phải là những người có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ nhân quyền và quyền tự do của nhân dân. Họ có nhiệm kỳ 6 năm và không được tái bổ nhiệm. Ủy ban quyền con người của Thái Lan cũng có văn phòng riêng, có sự tự chủ về bộ máy giúp việc và ngân sách hoạt động riêng¹.

Ủy ban quyền con người của cả Philíppin và Thái Lan đều đóng vai trò quan trọng, ít nhất là trên lý thuyết, trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người ở hai quốc gia này. Ủy ban quyền con người của Philíppin có một số nhiệm vụ quyền hạn quan trọng như: (1) Điều tra theo sáng kiến của mình hoặc trên cơ sở khiếu nại của người dân các vi phạm nhân quyền liên quan đến các quyền dân sự và chính trị dưới mọi hình thức; (2) Áp dụng các quy tắc hướng dẫn về hoạt động, các quy định về thủ tục và căn cứ vào quy định của Tòa án gọi ra hầu tòa những người có hành vi coi thường việc vi phạm; (3) Quy định

1. Khoản 17, Điều 13 Hiến pháp Philíppin hiện hành; Điều 256 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

các biện pháp pháp lý phù hợp để bảo vệ nhân quyền của tất cả mọi người trong phạm vi lãnh thổ Philíppin cũng như người Philíppin sống ở nước ngoài, quy định các biện pháp phòng ngừa và dịch vụ trợ giúp pháp lý cho những người bị thiệt thòi, có nhân quyền bị xâm phạm hoặc cần phải bảo vệ; (4) Thực hiện quyền thăm viếng nơi giam giữ, nhà tù hoặc các trung tâm tạm giữ người; (5) Thiết lập chương trình tiếp tục nghiên cứu, giáo dục và thông tin nhằm tăng cường sự tôn trọng tính ưu việt của nhân quyền; (6) Khuyến nghị với Quốc hội các biện pháp hiệu quả nhằm phát triển nhân quyền và quy định việc bồi thường cho nạn nhân của tình trạng vi phạm nhân quyền cũng như gia đình của họ; (7) Kiểm tra việc tuân thủ các nghĩa vụ điều ước quốc tế về nhân quyền của Chính phủ Philíppin. Ủy ban quyền con người của Thái Lan có các nhiệm vụ, quyền hạn tương tự như nhiệm vụ, quyền hạn số 5, 6 và 7 của Ủy ban quyền con người Philíppin. Ngoài ra, Ủy ban quyền con người của Thái Lan còn có một số nhiệm vụ, quyền hạn khác như: (1) Trong trường hợp đồng ý với nội dung khiếu nại của người khiếu nại rằng một điều khoản nào đó của luật ảnh hưởng tới nhân quyền và vì vậy cần xem xét tính hợp hiến, đưa vấn đề tới Tòa án Hiến pháp giải quyết cùng với ý kiến của mình; (2) Trong trường hợp đồng ý với nội dung khiếu nại của người khiếu nại rằng một điều khoản nào đó của văn bản dưới luật, lệnh hay các hành vi hành chính khác ảnh hưởng tới nhân quyền và cần phải xem xét tính hợp hiến hay tính hợp pháp của nó, đưa vấn đề tới Tòa án hành chính cùng với ý kiến của mình; (3) Khởi kiện vụ án ra trước Tòa án

tư pháp thay mặt cho người bị thiệt hại khi người bị thiệt hại yêu cầu và cần thiết phải tìm giải pháp đối với việc vi phạm quyền con người đối với công chúng nói chung, theo quy định của luật; (4) Đề xuất tới Nghị viện hay Hội đồng Bộ trưởng các chính sách và khuyến nghị liên quan tới việc sửa đổi, bổ sung luật và văn bản dưới luật nhằm mục đích thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; và (5) Gửi báo cáo thường niên đánh giá tình hình quyền con người trên cả nước và trình báo cáo đó lên Nghị viện¹.

6. Ủy ban chống tham nhũng quốc gia của Thái Lan

Mạng lưới các thiết chế hiến định độc lập nhằm kiểm soát quyền lực nhà nước của Thái Lan đặc biệt hơn tất cả các quốc gia ASEAN khác ở chỗ, bên cạnh số lượng đáng kể các thiết chế hiến định độc lập khác, Thái Lan là quốc gia ASEAN duy nhất có quy định về Ủy ban chống tham nhũng quốc gia với tư cách như một thiết chế hiến định độc lập nhằm kiểm soát quyền lực nhà nước.

Ủy ban chống tham nhũng quốc gia của Thái Lan gồm có Chủ tịch và 8 thành viên khác do Quốc vương bổ nhiệm với sự cố vấn của Thượng nghị viện. Danh sách các ứng cử viên được đề cử bởi một hội đồng tuyển chọn bao gồm Chánh án Tòa án tư pháp tối cao, Chánh án Tòa án Hiến pháp, Chánh án Tòa án hành chính tối cao, Chủ tịch Viện dân biểu và lãnh đạo phe đối lập trong Viện

1. Khoản 18, Điều 13 Hiến pháp Philippin hiện hành, Điều 257, Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

dân biểu. Để được bổ nhiệm, các ứng cử viên phải đạt đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu làm Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Thái Lan. Ngoài ra, các ứng cử viên phải có phẩm chất đạo đức, có trình độ, phải đã từng là Bộ trưởng, ủy viên Ủy ban bầu cử, Thanh tra Quốc hội, ủy viên Ủy ban nhân quyền quốc gia hoặc ủy viên Ủy ban Kiểm toán nhà nước, hoặc đã từng phục vụ trong hệ thống công vụ với chức vụ không thấp hơn Tổng cục trưởng hoặc điều hành trong cơ quan chính quyền với các quyền điều hành tương đương với Tổng cục trưởng, hoặc giữ vị trí không thấp hơn vị trí giáo sư, hoặc là đại diện của các tổ chức phi chính phủ hoặc người tham gia vào các nghề nghiệp theo các tổ chức nghề nghiệp theo pháp luật với thời gian không dưới 3 năm và được những tổ chức phi chính phủ hoặc tổ chức nghề nghiệp đó giới thiệu và ủng hộ. Các ủy viên Ủy ban chống tham nhũng quốc gia có nhiệm kỳ 9 năm và không được tái bổ nhiệm. Trước khi hết nhiệm kỳ, các ủy viên cũng có thể bị bãi nhiệm nếu nhóm Hạ nghị sĩ có tối thiểu 1/4 tổng số Hạ nghị sĩ hoặc cử tri với số lượng tối thiểu hai mươi nghìn người có quyền đệ đơn khiếu nại lên Chủ tịch Thượng nghị viện rằng ủy viên Ủy ban chống tham nhũng quốc gia đã có hành vi không đúng đắn, cố ý vi phạm Hiến pháp hoặc thực hiện hành vi nguy hại tới uy tín của chức vụ họ đang đảm nhiệm và vì vậy, Thượng nghị viện phải bãi nhiệm ủy viên đó. Nếu ít nhất 3/4 tổng số Thượng nghị sĩ đồng ý với đơn khiếu nại thì ủy viên đó sẽ bị bãi nhiệm. Ngoài ra, ủy viên Ủy ban chống tham nhũng quốc gia cũng có thể bị truy tố và xét xử nếu có dấu hiệu phạm tội hình sự,

nhóm các vị dân biểu (Hạ nghị sĩ), Thượng nghị sĩ hoặc thành viên của cả hai viện với số lượng từ 1/5 tổng số thành viên hiện có của cả hai viện cũng có quyền đệ đơn khiếu nại lên Tòa hình sự Tòa án tư pháp tối cao đối với những người nắm giữ các chức vụ chính trị rằng ủy viên nào đó của Ủy ban chống tham nhũng quốc gia đã trở nên giàu có một cách bất thường hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội tham nhũng hoặc lạm dụng chức vụ.

Về cơ bản, Ủy ban chống tham nhũng quốc gia của Thái Lan là một cơ quan điều tra các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng và chuyển hồ sơ cũng như kết luận của mình tới các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo hình thức bãi nhiệm hoặc cách chức. Cụ thể, Ủy ban chống tham nhũng quốc gia có quyền điều tra và kết luận về việc quan chức nhà nước, từ cấp điều hành tới cấp quan chức chính phủ giữ vị trí giám đốc hay tương đương trở lên, đã trở nên giàu có bất thường hoặc đã có hành vi tham nhũng, lạm dụng quyền hạn hoặc lạm dụng quyền tư pháp và có những hành động đối với những quan chức nhà nước hay quan chức chính phủ giữ vị trí thấp hơn đã có hành vi thông đồng với những người giữ chức vụ kể trên hoặc với những người giữ chức vụ chính trị hoặc đã có những hành vi vi phạm mà theo Ủy ban chống tham nhũng quốc gia là cần phải bị điều tra theo quy định của Luật cơ bản về chống tham nhũng. Bên cạnh đó, Ủy ban này còn có một số quyền hạn lớn khác như điều tra tính chính xác, tình hình thực tế cũng như những thay đổi về tài sản và trách nhiệm tài chính của những người nắm giữ chức vụ chính

trị từ cấp Thủ tướng trở xuống và giám sát tư cách đạo đức của những người nắm giữ chức vụ chính trị¹.

III. BẢO ĐẢM TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI NẮM GIỮ, THỰC HIỆN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Bên cạnh cơ chế bảo vệ Hiến pháp và các thiết chế hiến định độc lập chủ động, bằng hành vi tích cực kiểm soát quyền lực nhà nước đề cập trên đây, một số quốc gia ASEAN còn quy định trong Hiến pháp của mình các biện pháp mang tính phòng ngừa các khả năng tham nhũng hoặc thực hiện quyền lực nhà nước một cách không đúng đắn. Có hai bản Hiến pháp có quy định những nội dung này, đó là Hiến pháp Philippin và Hiến pháp Thái Lan.

Hiến pháp Philippin dành hẳn một trong số 18 điều quy định về nội dung nói trên, đó là Điều 11 có tiêu đề “trách nhiệm của quan chức”. Điều này trước tiên khẳng định: “cơ quan công quyền là cơ quan được công chúng ủy nhiệm. Quan chức và nhân viên công vụ luôn phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, phục vụ nhân dân với trách nhiệm cao nhất, liêm trực, trung thành và có hiệu quả; làm việc với tinh thần yêu nước, công tâm và có cuộc sống khiêm tốn, giản dị”.

Để bảo đảm điều đó, Điều 11 đề cập hai biện pháp là luận tội đối với các quan chức cấp cao của bộ máy nhà nước và Thanh tra Nghị viện đối với toàn bộ hệ thống

1. Điều 250 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

công quyền như đã trình bày trên đây. Các thủ tục luận tội được thiết kế bảo đảm sự tiếp cận dễ dàng của người dân. Bất cứ công dân nào đều có thể trực tiếp hoặc thông qua Hạ nghị sĩ đại diện cho mình nộp đơn đề nghị tiến hành thủ tục luận tội tại Nghị viện. Đề nghị này phải được đưa vào chương trình làm việc trong vòng mười ngày hợp kể từ ngày nhận đơn, đồng thời được chuyển đến Ủy ban phù hợp trong vòng ba ngày hợp sau đó. Sau khi xem xét, với đa số biểu quyết của các thành viên, Ủy ban này sẽ đệ trình báo cáo với Hạ nghị viện cùng với nghị quyết về vụ việc trong vòng sáu mươi ngày hợp kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Nghị quyết này sẽ được Hạ nghị viện lên lịch xem xét trong vòng mười ngày hợp kể từ ngày nhận được đề nghị đó. Trong trường hợp đơn hay nghị quyết về việc luận tội tại Quốc hội được ít nhất 1/3 tổng số thành viên của Hạ nghị viện đưa ra, Hạ nghị viện sẽ soạn thảo các điều khoản về việc luận tội trước Quốc hội và Thượng nghị viện sẽ tiến hành việc luận tội này ngay lập tức.

Hiến pháp Thái Lan có những quy định chi tiết hơn rất nhiều so với Hiến pháp Philippin về các biện pháp bảo đảm trách nhiệm của người nắm giữ, thực hiện quyền lực nhà nước:

Thứ nhất, tất cả các quan chức chính trị của Thái Lan từ Trung ương tới địa phương đều phải chịu chế độ kê khai và giám sát tài sản hết sức chặt chẽ. Các quan chức chính trị được Hiến pháp định nghĩa bao gồm: Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thượng nghị sĩ, Hạ nghị sĩ, các quan chức chính trị khác trong bộ máy nhà nước, các cán bộ quản lý

hành chính địa phương và ủy viên Hội đồng địa phương - có nghĩa là hầu hết quan chức làm việc theo chế độ nhiệm kỳ trong bộ máy nhà nước Thái Lan. Theo quy định của Hiến pháp, những quan chức chính trị này đều phải trình bản kê khai chi tiết tài sản và trách nhiệm tài chính của bản thân họ, của vợ, chồng hoặc con cái chưa có năng lực pháp luật của họ cho Ủy ban chống tham nhũng quốc gia Thái Lan. Thời điểm nộp bản kê khai là trong vòng 30 ngày kể từ khi nhậm chức và 30 ngày kể từ khi rời khỏi chức vụ. Thậm chí, các quan chức này cũng phải nộp bản kê khai tài sản của bản thân mình sau một năm kể từ khi rời khỏi chức vụ. Nghĩa vụ kê khai tài sản là một nghĩa vụ được quy định rất nghiêm túc và được bảo đảm bằng chế tài rất nặng. Hiến pháp Thái Lan quy định rõ ràng, bất cứ người nào cố tình không nộp bản kê khai tài chính hoặc nộp bản kê khai không chính xác thì Ủy ban chống tham nhũng quốc gia phải đưa vấn đề tới Tòa án hình sự tối cao đối với người nắm giữ các chức vụ chính trị để xét xử. Trong trường hợp bị Tòa án này tuyên là đã vi phạm nghĩa vụ khai báo thì người vi phạm ngay lập tức sẽ bị luận tội, bị bãi nhiệm và bị cấm giữ các chức vụ chính trị hay chức vụ trong đảng phái chính trị trong vòng 5 năm. Các bản kê khai tài sản của Thủ tướng, Bộ trưởng, nghị sĩ đều được công khai. Các bản kê khai tài sản của những đối tượng khác chỉ có thể công bố theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Các bản kê khai tài sản này là công cụ để Ủy ban chống tham nhũng quốc gia giám sát tình hình tài sản của các quan chức chính trị Thái Lan. Trong trường hợp có sự tăng bất thường, Ủy ban chống

tham những quốc gia có thể chuyển toàn bộ hồ sơ sang Tổng công tố để truy tố quan chức chính trị ra trước Tòa hình sự tối cao đối với những người nắm giữ các chức vụ chính trị¹.

Thứ hai, một số trường hợp bị xem là xung đột lợi ích và các quan chức của bộ máy nhà nước không được phép thực hiện. Hiến pháp Thái Lan có quy định rõ những trường hợp đó. Tất cả các thành viên của Chính phủ sắp mãn nhiệm không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào mà về bản chất là bổ nhiệm hoặc điều động các quan chức Chính phủ trong khối cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nhà nước, không được phê chuẩn bất cứ khoản giải ngân nào của các quỹ dự trữ dành cho các trường hợp khẩn cấp và không được phê chuẩn bất kỳ công trình hay cam kết ràng buộc nào đối với Chính phủ kế nhiệm. Thủ tướng, Bộ trưởng và nghị sĩ Thái Lan không được nắm giữ bất kỳ chức vụ nào khác trong bộ máy nhà nước hoặc làm các công việc có hưởng lương hay nhận bất kỳ các khoản tiền bất thường hay lợi ích đặc biệt nào từ bất kỳ cơ quan chính phủ, cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nhà nước nào. Nghị sĩ cũng không được can thiệp vì lợi ích cá nhân hay lợi ích của người hay của đảng mình vào việc thực hiện công vụ của các quan chức nhà nước, việc tuyển dụng, bổ nhiệm, tổ chức, điều động, thăng chức, tăng lương của các quan chức chính phủ. Thủ tướng, Bộ trưởng, vợ/chồng và con cái chưa thành niên của họ không được là một bên liên danh hoặc cổ đông trong một

1. Các điều 259-263 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

công ty liên danh hoặc công ty hay vẫn duy trì vai trò của mình giống như một bên liên danh hay cổ đông vượt quá giới hạn quy định của luật¹.

Thứ ba, Hiến pháp Thái Lan yêu cầu phải có các tiêu chuẩn đạo đức, ứng xử của người giữ các chức vụ chính trị và quan chức chính phủ trong từng lĩnh vực ngành nghề nhất định. Các tiêu chuẩn đạo đức đó phải có tính hệ thống và có tính khả thi một cách hiệu quả và phải quy định được những thủ tục áp dụng chế tài theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm. Các hành vi vi phạm tiêu chuẩn đạo đức, ứng xử của người giữ các chức vụ chính trị và quan chức chính phủ sẽ bị coi là vi phạm kỷ luật. Khi phát hiện vi phạm, Thanh tra Nghị viện phải báo cáo vụ việc lên Nghị viện, Chính phủ, Hội đồng địa phương có liên quan hoặc thậm chí là Ủy ban chống tham nhũng quốc gia để xem xét và áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết, kể cả việc áp dụng thủ tục bãi nhiệm².

Có thể thấy, các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được quy định hết sức phong phú và đa dạng trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN. Ngoại trừ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không quy định trong Hiến pháp về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, các quốc gia ASEAN còn lại đều có quy định ở những mức độ khác nhau. Các quốc gia ASEAN đặc biệt chú trọng tới các thiết chế độc lập kiểm soát quyền lực nhà nước. Số lượng các thiết chế này được quy định trong Hiến pháp là khá nhiều và

1, 2. Điều 265-269; Điều 279 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

phong phú về chủng loại. Trong đó, các Ủy ban công vụ là thiết chế thực sự thể hiện nét đặc thù của các nước Á Đông. Trong số các quốc gia ASEAN, có thể thấy cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Philíppin và Thái Lan là khá nổi bật với sự đa dạng và phức tạp về loại hình thiết chế, cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền. Hai quốc gia này cũng là hai quốc gia trong Hiến pháp của họ có quy định các biện pháp phòng ngừa nhằm bảo đảm kiểm soát quyền lực nhà nước. Số lượng các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Thái Lan cũng là nhiều nhất so với các quốc gia ASEAN còn lại. Ở các quốc gia khác, hoặc là chỉ tồn tại một số lượng ít các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước, ví dụ như Malaixia hay Xingapo; hoặc là các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước được quy định có tính nguyên tắc chung trong Hiến pháp và do đó, có thể việc bảo đảm hoạt động một cách hiệu quả trên thực tế có thể còn bất cập, ví dụ như Indônêxia, Mianma và Brunây.

Chương VII

CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Nếu dựa trên đặc điểm của các quy định về chính quyền địa phương trong Hiến pháp, có thể chia các quốc gia ASEAN thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất là các quốc gia không có quy định về chính quyền địa phương trong Hiến pháp, bao gồm Brunây và Xingapo. Bởi lẽ, hai quốc gia này đều có quy mô dân số nhỏ, sống tập trung trên một diện tích nhỏ, do đó việc chia cắt lãnh thổ thành những đơn vị hành chính nhỏ hơn trở nên không cần thiết. Nhóm thứ hai là các quốc gia theo mô hình liên bang, bao gồm Malaixia và Mianma. Nhóm thứ ba là những quốc gia còn lại, bao gồm Campuchia, Indônêxia, Lào, Philíppin và Thái Lan. Đây là những quốc gia theo mô hình đơn nhất. Các quy định về chính quyền địa phương của các quốc gia này có những điểm đặc thù khác với các quốc gia theo mô hình Liên bang.

I. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN THEO MÔ HÌNH LIÊN BANG

Các quy định về chính quyền địa phương trong Hiến

pháp Malaixia chủ yếu xoay quanh vấn đề phân định thẩm quyền giữa cấp chính quyền Liên bang và cấp chính quyền bang, hầu như không có bất cứ quy định cụ thể nào về cấu trúc các cấp chính quyền địa phương các cấp ở các bang. Quy định trong Phụ lục 9 của Hiến pháp Mianma là ba danh sách gồm những lĩnh vực thuộc quyền lập pháp của chính quyền cấp Liên bang, chính quyền cấp bang và các lĩnh vực thẩm quyền chung của chính quyền cấp Liên bang và cấp bang. Ba danh sách này cũng chính là căn cứ để phân định phạm vi thẩm quyền hành pháp ở cấp Liên bang và cấp bang. Bên cạnh nhiệm vụ chấp hành quyết định của cơ quan lập pháp cấp bang, cơ quan hành pháp của cấp bang còn có nhiệm vụ bảo đảm việc tuân thủ pháp luật Liên bang có hiệu lực ở bang và không được cản trở việc thực thi quyền hành pháp của Liên bang. Hiến pháp Malaixia không có quy định cụ thể về tổ chức bộ máy chính quyền ở từng cấp ngoài việc công nhận sự tồn tại của Tiểu vương hay Thống đốc và Hội đồng Lập pháp ở mỗi bang¹.

Giống như Hiến pháp Malaixia, quan hệ giữa cấp Liên bang và cấp bang là mối quan tâm chủ yếu của các quy định về chính quyền địa phương trong Hiến pháp Mianma. Mối quan hệ này về căn bản được dựa trên ba danh sách phân định một cách khá rõ ràng lĩnh vực thuộc quyền lập pháp của cấp Liên bang, cấp bang và cấp khu vực tự trị². Dựa trên danh sách này, các quyền lập pháp

1. Các điều 74, 81 Hiến pháp Malaixia hiện hành.

2. Phụ lục 1, 2, 3 Hiến pháp Mianma hiện hành.

và hành pháp của bang được thực hiện một cách độc lập tương đối với cấp chính quyền Liên bang. Tuy nhiên, sự độc lập tương đối này chỉ là về hình thức. Bởi lẽ, Hiến pháp Mianma quy định rất rõ rằng trong mọi trường hợp bất kỳ quy định pháp luật nào do cấp bang ban hành trái với luật hay Hiến pháp của cấp Liên bang thì Hiến pháp và pháp luật Liên bang được ưu tiên áp dụng¹.

Bên cạnh điểm giống nhau rất cơ bản đó, Hiến pháp Mianma quy định về chính quyền địa phương một cách chi tiết hơn nhiều so với Hiến pháp Malaixia. Tuyệt đại đa số các quy định này tập trung vào cách thức hình thành đường ranh giới hành chính lãnh thổ, cấu trúc hành chính lãnh thổ và cơ cấu tổ chức chính quyền cấp bang.

Vì phân cấp hành chính lãnh thổ, theo quy định của Hiến pháp, Mianma được chia thành 5 cấp hành chính lãnh thổ ở địa phương, bao gồm làng, xã, thị trấn, quận, bang hoặc vùng. Đường ranh giới giữa các bang, các vùng có thể được thay đổi bởi Nghị viện Liên bang. Tuy nhiên, trước tiên, cử tri của bang hoặc vùng đó và sau đó là Nghị viện của bang hoặc vùng đó phải chấp thuận với việc thay đổi địa giới. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết thì 3/4 tổng số đại biểu Nghị viện Liên bang cũng có thể thay đổi ranh giới lãnh thổ giữa các bang hoặc vùng. Đường ranh giới của đơn vị hành chính lãnh thổ cấp thấp hơn do Tổng thống quyết định thay đổi theo đề xuất của người đứng đầu cơ quan hành pháp của bang tương ứng².

1, 2. Điều 198; các điều 49-51 Hiến pháp Mianma hiện hành.

Hiến pháp Mianma dành khá nhiều quy định về chính quyền địa phương, song tuyệt đại đa số các quy định đó điều chỉnh về chức năng, cơ cấu tổ chức của chính quyền cấp bang, vùng và khu tự trị. Trong Hiến pháp hầu như không có quy định về vai trò cũng như cơ cấu tổ chức của chính quyền cơ sở ở cấp làng, xã hoặc quận. Về mặt tổ chức, chính quyền cấp bang của Mianma bao gồm một Nghị viện do cử tri bầu trực tiếp và một tập thể cơ quan chấp hành đứng đầu là Thủ hiến và các thành viên là Bộ trưởng của bang. Theo quy định của Hiến pháp, Thủ hiến chính quyền cấp bang, bao gồm bang, vùng, khu vực tự trị, do Tổng thống tuyển chọn và giới thiệu để Nghị viện bang phê chuẩn. Nghị viện sẽ không có quyền từ chối phê chuẩn nếu như người được giới thiệu đã đủ tiêu chuẩn theo quy định của Hiến pháp. Sau khi được phê chuẩn, Thủ hiến sẽ được Tổng thống chính thức ký quyết định bổ nhiệm. Các Bộ trưởng của bang sẽ do Thủ hiến lựa chọn và đề cử để Nghị viện bang phê chuẩn trước khi được Tổng thống bổ nhiệm chính thức¹. Như vậy, về mặt tổ chức, cơ quan hành pháp cấp bang của Mianma có sự lệ thuộc lớn vào Tổng thống, người đứng đầu quyền hành pháp Liên bang. Có thể nói rằng, tuy Mianma là một quốc gia Liên bang và hình thức quy định về mối quan hệ giữa cấp bang và Liên bang trong Hiến pháp cho thấy đây là một quốc gia Liên bang. Song, về thực chất sự lệ thuộc của chính quyền cấp bang vào cấp Liên bang của Mianma thậm chí còn mạnh hơn sự lệ thuộc của chính

1. Các điều 261-265 Hiến pháp Mianma hiện hành.

quyền địa phương vào chính quyền trung ương ở các nhà nước đơn nhất.

Như vậy, Hiến pháp của các quốc gia theo mô hình Liên bang trong ASEAN: Malaixia và Mianma - có những đặc điểm giống nhau trong các quy định về chính quyền địa phương. Hai bản Hiến pháp này đều chỉ chú trọng tới việc phân định một cách tương đối lĩnh vực thẩm quyền giữa cấp Liên bang và cấp bang, từ đó vạch ra ranh giới về thẩm quyền cho hoạt động của cơ quan lập pháp và hành pháp bang. Cả hai bản Hiến pháp này đều không quy định cụ thể về cấp chính quyền địa phương ở cơ sở, không có sự ghi nhận về quyền tự quản cũng như nghĩa vụ cung cấp dịch vụ tối thiểu phục vụ cuộc sống của người dân địa phương. Riêng Hiến pháp Mianma còn quy định khá cụ thể về cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền cấp bang, bao gồm các bang, vùng và khu tự trị.

II. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN THEO MÔ HÌNH ĐƠN NHẤT

Như trên đã đề cập, có 5 quốc gia ASEAN theo mô hình đơn nhất có quy định về chính quyền địa phương trong Hiến pháp, đó là: Campuchia, Indônêxia, Lào, Philippin và Thái Lan. Tuy nhiên, mức độ chi tiết và phạm vi về các vấn đề liên quan tới chính quyền địa phương được quy định trong Hiến pháp của các quốc gia này lại có sự khác nhau lớn. Nếu căn cứ theo sự tăng dần của mức độ chi tiết và phạm vi các vấn đề liên quan tới chính quyền địa

phương được quy định trong các bản Hiến pháp này thì có thể xếp loại chúng theo thứ tự sau: Campuchia, Lào, Indônêxia, Philíppin và Thái Lan.

Hiến pháp Campuchia quy định hết sức sơ lược về chính quyền địa phương mặc dù cũng dành hẳn một chương với hai điều khoản cho vấn đề này (Chương 13). Nội dung chính được đề cập ở Chương 13 chỉ là sự ghi nhận về việc phân chia lãnh thổ Vương quốc Campuchia theo các đơn vị hành chính lãnh thổ. Theo đó, toàn bộ Vương quốc được chia thành các tỉnh và các khu vực. Các tỉnh được chia thành các quận (*srok*) và các quận được chia thành các xã (*khum*). Các khu vực được chia thành “khan” và các “khan” được chia thành “sangkat”. Không có bất cứ sự ghi nhận nào về tính tự chủ của chính quyền địa phương, sự phân biệt giữa các tỉnh và khu vực, cấu trúc chính quyền địa phương từng cấp, v.v., trong Hiến pháp. Tất cả những vấn đề này cùng với những khía cạnh khác liên quan tới tổ chức chính quyền địa phương các cấp của Campuchia được quy định trong luật.

Hiến pháp Lào cũng dành hẳn một chương riêng - Chương 13, trong Hiến pháp với bốn điều khoản (nhiều hơn Chương 13 của Hiến pháp Campuchia) để quy định về chính quyền địa phương. Tuy nhiên, phạm vi các vấn đề được điều chỉnh cũng không rộng hơn là mấy so với Hiến pháp Campuchia. Hiến pháp Lào chỉ quy định về cấu trúc hành chính lãnh thổ và khái quát cơ cấu, tổ chức chính quyền địa phương ở mỗi cấp. Theo đó, toàn bộ lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được chia thành ba cấp: tỉnh (thành phố), huyện (quận) và bản. Về tổ chức

chính quyền, Hiến pháp Lào chỉ chú trọng quy định khái quát về cơ quan quản lý hành chính ở mỗi cấp. Ở mỗi đơn vị hành chính lãnh thổ của Lào, đều có một người đứng đầu bộ máy hành chính và đều được gắn với chức danh “trưởng”, ví dụ: tỉnh trưởng, thị trưởng, huyện trưởng, quận trưởng, trưởng bản. Mỗi cấp trưởng đều có các phó giúp việc. Trong Hiến pháp, hoàn toàn không có quy định về cơ quan đại diện ở địa phương cũng như cách thức hình thành vị trí “trưởng” bộ máy hành chính từng cấp. Các cấp “trưởng” của tỉnh, thành phố, huyện được quy định một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như: (1) Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết do cấp trên đề ra; (2) Chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của tất cả các ngành, các cấp thuộc phạm vi phụ trách của mình; (3) Đình chỉ thi hành, xóa bỏ hoặc bãi bỏ quyết định của các ngành thuộc cấp mình hoặc cấp dưới trái với pháp luật; và (4) Quản lý công dân, xét và giải quyết các khiếu tố, khiếu nại và kiến nghị của nhân dân trong phạm vi quyền hạn của mình theo luật định. Trong các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp “trưởng” trên đây, không hề có nhiệm vụ bảo đảm sự cung cấp và phục vụ các nhu cầu tối thiểu của người dân địa phương. Giống Hiến pháp Campuchia, Hiến pháp Lào cũng không quy định về quyền tự quản của các cấp chính quyền địa phương.

So với Hiến pháp Campuchia và Lào, Hiến pháp Indônêxia không quy định nhiều hơn và chi tiết hơn về chính quyền địa phương. Song phạm vi các vấn đề được đề cập có sự mở rộng hơn một cách đáng kể. Lãnh thổ

nước Cộng hòa Indônêxia được phân chia thành các tỉnh, mỗi tỉnh được chia thành các huyện và thành phố. Các tỉnh, huyện và thành phố có chính quyền riêng của mình. Cấu trúc chính quyền ở mỗi cấp đều có một Hội đồng đại diện do nhân dân bầu trực tiếp. Bên cạnh Hội đồng đại diện là người đứng đầu chính quyền, được gọi tương ứng là tỉnh trưởng, huyện trưởng và thị trưởng. Những chức vụ này được hình thành theo những cách thức bầu chọn dân chủ khác nhau. Các quy định của Hiến pháp về cấu trúc chính quyền địa phương Indônêxia có vẻ mâu thuẫn với nhau. Một mặt, Hiến pháp quy định chính quyền mỗi tỉnh, huyện, thành phố có Hội đồng đại diện địa phương riêng của mình; mặt khác, tỉnh trưởng, huyện trưởng và thị trưởng là những người đứng đầu chính quyền. Sự thiếu vắng các quy định cụ thể hơn về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa hai loại cơ quan này dễ dẫn tới các cách giải thích khác nhau về vai trò của chúng và cách thức vận hành chính quyền địa phương¹.

Điểm quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất trong quy định của Hiến pháp Indônêxia về chính quyền địa phương có lẽ là việc ghi nhận nguyên tắc tự quản địa phương và nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân địa phương. Khoản 2, Điều 18 Hiến pháp này quy định: “chính quyền tỉnh, huyện và thành phố điều chỉnh và quản lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình phù hợp với nguyên tắc tự quản địa phương và nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của địa phương”. Phạm vi tự quản của

1. Các khoản 1, 3, 4, Điều 18 Hiến pháp Indônêxia.

chính quyền địa phương Indônêxia được xác định trên nguyên tắc những vấn đề quản lý không được luật xác định thuộc đặc quyền của chính quyền trung ương thì thuộc quyền quyết định của chính quyền địa phương. Trong phạm vi đó, chính quyền địa phương có quyền ban hành các quy định của địa phương cũng như các quy tắc khác để thực hiện quyền tự quản và nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của người dân địa phương¹.

Theo quy định của Hiến pháp Philíppin, các đơn vị hành chính lãnh thổ phổ biến của quốc gia này gồm có các tỉnh, thành phố, khu đô thị và các đơn vị cơ sở (*Barangay*). Địa giới của mỗi đơn vị hành chính lãnh thổ nói trên đều được xác định theo luật và việc thành lập, phân chia, sáp nhập, giải thể hay sự điều chỉnh địa giới của chúng đều phải được sự đồng thuận của người dân địa phương đó thông qua một cuộc trưng cầu dân ý. Trong tổ chức chính quyền ở mỗi địa phương đều phải có một cơ quan lập pháp và một cơ quan điều hành. Cơ quan lập pháp được hình thành bằng con đường bầu cử trực tiếp và có đại diện các thành phần dân cư trong phạm vi đơn vị đó. Hiến pháp Philíppin cũng quy định cụ thể rằng, các quan chức địa phương được bầu có nhiệm kỳ là 3 năm và không được làm quá 3 nhiệm kỳ liên tiếp. Tuy nhiên, Hiến pháp cũng không quy định chi tiết về cách thức hình thành cơ quan chấp hành của địa phương cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan lập pháp và cơ quan điều hành ở mỗi cấp.

1. Các khoản 5, 6 Điều 18 Hiến pháp Indônêxia hiện hành.

Hiến pháp Philíppin đề cập quyền tự quản địa phương như là một nguyên tắc hoạt động của chính quyền địa phương. Song, Hiến pháp không quy định rõ thế nào là tự quản địa phương cũng như không xác định phạm vi quyền tự quản của địa phương. Những nội dung tự quản chỉ được thể hiện hạn chế trong quyền tạo lập nguồn thu ngân sách riêng cho địa phương thông qua các khoản thuế, lệ phí và các khoản thu khác theo hướng dẫn của cơ quan lập pháp trung ương. Bên cạnh các nguồn thu từ địa phương, các cấp chính quyền địa phương Philíppin cũng được nhận trợ cấp ngân sách từ chính quyền trung ương. Quyền tự quản của chính quyền địa phương Philíppin còn được thể hiện ở chỗ, chính quyền ở các cấp có thể tự mình liên kết, điều phối tiềm năng, thế mạnh với nhau để cùng phục vụ có hiệu quả lợi ích chung. Mặc dù có quyền tự quản theo Hiến pháp, song các chính quyền địa phương của Philíppin từ cấp tỉnh tới cấp cơ sở đều nằm dưới sự giám sát chung của Tổng thống nhằm bảo đảm hoạt động của chúng phù hợp với chức năng và quyền hạn do pháp luật quy định¹.

Ngoài các đơn vị hành chính lãnh thổ đề cập trên đây, Hiến pháp Philíppin còn quy định về việc thành lập hai khu vực tự trị là khu tự trị Hồi giáo Mindanao và khu tự trị Cordilleras. Đây là các khu vực địa lý lớn có đặc thù về di sản lịch sử, văn hóa, cấu trúc kinh tế - xã hội và dân cư. Trong khu tự trị cũng có các tỉnh, thành phố và khu đô thị giống như những đơn vị hành chính thông thường

1. Các khoản 2, 4, 5, 11 Điều 10 Hiến pháp Philíppin hiện hành.

khác. Do những đặc thù về lịch sử, văn hóa, cấu trúc kinh tế - xã hội và dân cư nên chính quyền khu tự trị được trao quyền tự chủ và tự quản lớn hơn nhiều so với tính tự quản của chính quyền địa phương thông thường. Hiến pháp quy định thẩm quyền lập pháp của chính quyền khu tự trị bao trùm lên các vấn đề như: (1) Tổ chức hành chính; (2) Tạo lập các nguồn thu ngân sách; (3) Khu vực lãnh thổ của tổ tiên (ancestral domain) và nguồn tài nguyên tự nhiên; (4) Các quan hệ cá nhân, gia đình và tài sản; (5) Phát triển quy hoạch đô thị và nông thôn ở khu vực; (6) Phát triển kinh tế, xã hội và du lịch; (7) Chính sách giáo dục; (8) Bảo tồn và phát triển di sản văn hoá; (9) Các vấn đề khác có thể được pháp luật ủy quyền nhằm phát triển sự thịnh vượng chung của người dân trong khu vực. Chính quyền khu tự trị có cơ quan cảnh sát riêng của mình để bảo vệ hòa bình và trật tự trên địa bàn khu tự trị. Tuy nhiên, vấn đề quốc phòng và an ninh trong khu vực tự trị lại thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương. Cơ cấu tổ chức của chính quyền khu tự trị bao gồm một cơ quan lập pháp và một cơ quan hành pháp. Cả hai cơ quan này phản ánh ý chí và đại diện cho người dân trong khu tự trị. Khu tự trị cũng có hệ thống Tòa án riêng để xét xử các vấn đề liên quan tới dân sự, gia đình, hôn nhân phù hợp với Hiến pháp, pháp luật quốc gia và pháp luật khu tự trị. Cách thức tổ chức và thành lập các cơ quan chính quyền và hệ thống tòa án của khu tự trị được điều chỉnh bởi luật do Nghị viện Philippin ban hành¹.

1. Các khoản 15-21 Điều 10 Hiến pháp Philippin hiện hành.

Khác với các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN khác, Hiến pháp Thái Lan không quy định về cấu trúc các cấp hành chính lãnh thổ, mà tương ứng với nó là cấu trúc các cấp chính quyền địa phương của Thái Lan. Tất cả các cấp chính quyền địa phương của Thái Lan đều được điều chỉnh chung và theo cách thức giống nhau dưới tên gọi “các tổ chức chính quyền địa phương” (*local government organizations*). Các quy định về chính quyền địa phương trong Hiến pháp Thái Lan chỉ xoay quanh bốn vấn đề là: tự quản địa phương, trách nhiệm đáp ứng nhu cầu cơ bản của địa phương, cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương và sự tham gia của người dân vào hoạt động của chính quyền địa phương.

Quyền tự quản là vấn đề được đề cập đầu tiên khi Hiến pháp Thái Lan quy định về chính quyền địa phương. Quyền tự chủ được trao cho các tổ chức chính quyền địa phương theo nguyên tắc chính quyền tự quản trên cơ sở ý chí của người dân địa phương. Bất kỳ địa phương nào đáp ứng đủ điều kiện thành lập chính quyền tự quản đều có quyền tổ chức địa phương. Như vậy, việc thành lập chính quyền địa phương của Thái Lan không được thực hiện theo kiểu áp đặt từ trên xuống dưới và theo một mô hình đồng phục ở tất cả các địa phương mà được thực hiện tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của từng địa phương. Quyền tự quản của chính quyền địa phương Thái Lan luôn được gắn liền với trách nhiệm cung cấp chính các dịch vụ công cộng phục vụ người dân địa phương, vì lợi ích của người dân địa phương. Một trong những loại hình dịch vụ cơ bản công cộng mà Hiến pháp quy định chính quyền

địa phương có trách nhiệm cung cấp là dịch vụ giáo dục đào tạo nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của địa phương. Trong quá trình cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo ở địa phương, tổ chức chính quyền địa phương phải quan tâm tới việc bảo tồn nghệ thuật, phong tục, tri thức bản địa và văn hóa tốt đẹp của địa phương mình. Có thể nói, trách nhiệm đáp ứng dịch vụ công cộng cơ bản cũng chính là mục đích của quyền tự quản. Tự quản để đáp ứng nhu cầu về dịch vụ công cộng cơ bản ở địa phương được đầy đủ hơn, kịp thời hơn¹.

Mặc dù nhấn mạnh tới quyền tự quản, Hiến pháp Thái Lan không coi quyền tự quản địa phương là tuyệt đối. Hoạt động của các tổ chức chính quyền Thái Lan vẫn phải được đặt dưới sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc giám sát phải phù hợp với mức độ cần thiết trên cơ sở các quy định, thủ tục rõ ràng và phù hợp với điều kiện tương ứng của tổ chức chính quyền địa phương chịu sự giám sát. Quan trọng nhất là bất kỳ sự giám sát nào cũng không được làm phương hại tới nguyên tắc chính quyền tự quản dựa trên ý chí của người dân và bảo đảm mục đích bảo vệ lợi ích của người dân địa phương².

Mấu chốt của quyền tự quản của các tổ chức chính quyền địa phương Thái Lan là phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn mà nó được thực hiện. Hiến pháp Thái Lan hiện hành không quy định cụ thể phạm vi, nhiệm vụ, quyền

1. Điều 281; Điều 282 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

hạn của chính quyền địa phương. Thay vào đó, Hiến pháp quy định Nghị viện phải ban hành luật lập ra kế hoạch và quy trình tản quyền từ cấp Trung ương xuống cấp địa phương trong đó phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và phân bổ các nguồn thu giữa hành chính trung ương và hành chính tỉnh với các tổ chức chính quyền địa phương các loại. Nghị viện cũng phải ban hành một hệ thống xem xét, đánh giá với sự tham gia của đại diện các cơ quan chính phủ có liên quan, đại diện của các tổ chức chính quyền địa phương và các thành viên có uy tín với số lượng bằng nhau để đánh giá hiệu quả hoạt động và tự quản của các tổ chức chính quyền địa phương¹.

Giống như các Hiến pháp các quốc gia ASEAN khác, Hiến pháp Thái Lan không quy định cơ cấu tổ chức cụ thể cho từng tổ chức chính quyền địa phương ở từng cấp; thay vào đó, Hiến pháp chỉ quy định một cơ cấu tổ chức chung cho tất cả các tổ chức chính quyền địa phương bao gồm một hội đồng địa phương và một Ủy ban hành chính địa phương. Hội đồng địa phương là cơ quan đại diện của người dân nên được hình thành bằng con đường bầu cử trực tiếp và kín. Ủy ban hành chính vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng địa phương vừa là cơ quan hành chính địa phương nên có thể do nhân dân trực tiếp bầu ra hoặc cũng có thể do Hội đồng địa phương thành lập. Cả Hội đồng địa phương và Ủy ban hành chính địa phương đều có nhiệm kỳ 4 năm. Ủy viên hội đồng địa phương và Ủy ban hành chính địa phương đều phải chịu những điều

1. Các điều 283, 289 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

cấm tương tự như những điều cấm áp dụng đối với nghị sĩ và thành viên Chính phủ ở cấp trung ương để bảo đảm tránh những xung đột lợi ích khi thực hiện công việc của mình. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức đối với quan chức và nhân viên tổ chức chính quyền địa phương được thực hiện theo tiêu chuẩn quy định thống nhất toàn quốc và phải được sự phê chuẩn trước của một cơ quan quản lý nhân sự các chính quyền địa phương, gọi là Ủy ban quan chức địa phương. Ủy ban này bao gồm đại diện của các cơ quan chính phủ thích hợp, các tổ chức chính quyền địa phương, các quan chức địa phương và những người có uy tín với số lượng ngang bằng theo quy định của pháp luật¹.

Các quy định về sự tham gia của người dân vào hoạt động của chính quyền địa phương là một nét đặc thù riêng, rất đặc sắc của Hiến pháp Thái Lan so với các Hiến pháp khác trong khu vực ASEAN. Hiến pháp quy định các cử tri có quyền bỏ phiếu bãi nhiệm ủy viên Hội đồng địa phương hoặc thành viên Ủy ban hành chính địa phương nếu cho rằng những người này không phù hợp để đảm đương chức vụ. Ngoài quyền bãi nhiệm, các cử tri còn có quyền trình kiến nghị lên Chủ tịch Hội đồng địa phương để Hội đồng ban hành các quy định hay nghị quyết của địa phương. Luật có trách nhiệm quy định quy trình, thủ tục và điều kiện cụ thể để cử tri thực hiện những quyền này. Bên cạnh đó, người dân địa phương có quyền tham gia vào hoạt động quản lý hành chính ở các tổ chức chính quyền địa phương. Tổ chức chính quyền địa

1. Các điều 284, 288 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

phương phải có các biện pháp để bảo đảm sự tham gia đó của người dân. Theo quy định của Hiến pháp, tổ chức chính quyền địa phương cũng có nghĩa vụ báo cáo hoạt động của mình trước người dân về những vấn đề liên quan tới việc chuẩn bị ngân sách, các khoản chi tiêu và kết quả công việc trong năm, để bảo đảm cho sự tham gia của người dân vào vấn đề theo dõi, đánh giá và xem xét hoạt động quản lý hành chính của của tổ chức chính quyền địa phương¹. Các quy định trên đây cho thấy, Hiến pháp Thái Lan thể hiện rất rõ quan điểm gắn chặt hoạt động của các tổ chức chính quyền địa phương với việc phục vụ lợi ích của người dân địa phương. Mỗi quan hệ của người dân với chính quyền địa phương được quy định ở các khía cạnh khác nhau trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính quyền địa phương. Có thể coi đây là tư tưởng tiến bộ, bởi vì, nó đề cao dân chủ trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Thái Lan cũng là quốc gia duy nhất trong khu vực quy định về vấn đề này trong Hiến pháp.

1. Các điều 285, 286, 287 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

Chương VIII

MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM CÓ THỂ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

I. MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Qua việc trình bày so sánh Hiến pháp các quốc gia ASEAN theo từng cụm vấn đề. Trên cơ sở đó, có thể rút ra một số nhận xét chung về Hiến pháp các quốc gia ASEAN như sau:

Thứ nhất, Hiến pháp của các quốc gia ASEAN có sự đa dạng lớn về nhiều khía cạnh. Về mặt hình thức, tuy tất cả các bản Hiến pháp đều là những Hiến pháp thành văn, song có những bản Hiến pháp lại được xây dựng cụ thể, công phu như những đạo luật thực thụ (ví dụ, Hiến pháp Brunây, Malaixia, Xingapo, Thái Lan), trong khi đó, cũng có những Hiến pháp được thể hiện trên những nguyên tắc chung, mang tính cương lĩnh (ví dụ, Hiến pháp Campuchia, Indônêxia, Lào). Về mặt thời gian ban hành, có những bản Hiến pháp đã được ban hành từ khá lâu (ví dụ: Hiến pháp Indônêxia, Malaixia) trong khi đó, có những Hiến pháp mới được ban hành trong thời gian

gần đây (ví dụ: Hiến pháp Thái Lan, Mianma). Nếu xếp theo mô hình tổ chức quyền lực nhà nước, các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN bao gồm hầu hết tất cả các hình thức chính thể trên thế giới từ hình thức chính thể ít phổ biến như quân chủ chuyên chế (Brunây), quân chủ lập hiến Hồi giáo (Malaixia) cho tới các hình thức chính thể phổ biến hơn như cộng hòa đại nghị (Lào, Mianma), cộng hòa tổng thống (Philíppin, Indônêxia) hay quân chủ lập hiến (Campuchia, Thái Lan). Với tính đa dạng cao như vậy, những nội dung hoặc đặc điểm giống nhau được xác định thông qua nghiên cứu so sánh giữa các bản Hiến pháp có thể là những căn cứ đáng tin cậy để đánh giá các giá trị chung của nền lập hiến trong khu vực cũng như xu hướng xây dựng Hiến pháp hiện đại trên thế giới. Sự đa dạng lớn giữa các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN còn là minh chứng cho thấy một lý thuyết lập hiến hiện đại khi áp dụng vào một quốc gia có thể được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của quốc gia đó. Sự áp dụng thuyết tam quyền phân lập là một ví dụ điển hình. Phần lớn các quốc gia ASEAN đều có áp dụng hoặc tiếp thu những yếu tố của học thuyết tam quyền phân lập trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cấp cao nhất của mình, cho dù có quy định trực tiếp và rõ ràng điều đó trong Hiến pháp hay không. Tuy nhiên việc áp dụng học thuyết này trong tổ chức bộ máy nhà nước ở mỗi quốc gia ASEAN lại mang màu sắc hoàn toàn khác nhau.

Thứ hai, các chính thể được quy định trong chín bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN nghiên cứu ở đây cũng hết sức đa dạng. Như trên đã đề cập, tất cả các hình

thức chính thể trên thế giới đều xuất hiện trong các bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN, từ chính thể quân chủ chuyên chế, quân chủ Hồi giáo, quân chủ lập hiến, cộng hòa tổng thống, cộng hòa đại nghị. Thậm chí, ngay trong cùng một chính thể thì vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn của mỗi cơ quan nhà nước ở cấp trung ương cũng không giống nhau. Ví dụ, cùng theo chính thể quân chủ lập hiến song vai trò của Quốc vương Thái Lan cao hơn khá nhiều so với vai trò của Quốc vương Campuchia. Nếu Quốc vương Campuchia chỉ “trị vì chứ không cai trị” thì Quốc vương Thái Lan có khá nhiều thực quyền. Một ví dụ khác là, cùng theo chính thể cộng hòa tổng thống song vai trò của Tổng thống Indônêxia rõ ràng cao hơn rất nhiều so với người đồng nhiệm ở Philíppin. Các chính thể được quy định trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN không những đa dạng mà còn khá phức tạp, thể hiện ở chỗ trong khi có các vị trí ở cùng một hình thức chính thể có vai trò và quyền hạn khác nhau thì lại có những hình thức chính thể khác nhau song vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở cấp cao nhất ở các quốc gia đó lại giống nhau, ví dụ, trường hợp của Xingapo và Malaixia. Xingapo theo chính thể cộng hòa tổng thống hình thức còn Malaixia theo chính thể quân chủ Hồi giáo lập hiến song vị trí, vai trò, quyền hạn của nguyên thủ quốc gia cũng như cơ quan lập pháp, hành pháp ở hai quốc gia này có nhiều điểm giống nhau. Sự đa dạng và phức tạp trong các chính thể của các quốc gia ASEAN có thể là một nguyên nhân làm cho quá trình hội nhập ASEAN gặp nhiều thách thức hơn quá trình hội

nhập Liên minh châu Âu (EU). Các nước thành viên EU hầu hết theo các hình thức chính thể mà trong đó cơ quan lập pháp chiếm ưu thế so với cơ quan hành pháp, ví dụ quân chủ nghị viện (như Anh, Thụy Điển, Đan Mạch, Hà Lan), cộng hòa đại nghị (như Cộng hòa Liên bang Đức), cộng hòa lưỡng tính (Pháp và một số nước chuyển đổi). Khi cơ quan lập pháp, tức là cơ quan đại diện chiếm ưu thế, thì lợi ích công cộng, lợi ích của nhân dân dễ tìm được tiếng nói và được ưu tiên hơn các lợi ích cá nhân. Điều này cũng có nghĩa là các nước thành viên EU dễ tìm được tiếng nói chung hơn trong việc thúc đẩy hội nhập khu vực vì lợi ích của người dân trong toàn Liên minh. Trong khi đó, sự khác biệt khá lớn về chính thể của các quốc gia thành viên ASEAN có thể dẫn tới những định hướng ưu tiên lợi ích khác nhau ở từng quốc gia và qua đó đặt ra những khó khăn nhất định trong việc tìm tiếng nói chung trong toàn khối.

Cần nhắc tới sự đa dạng trong chính thể của các quốc gia ASEAN cũng có thể giúp xác định sách lược ngoại giao phù hợp với từng nước trong khối. Đối với quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ chuyên chế, lợi ích cao nhất luôn là lợi ích của Quốc vương, của vương triều, vì vậy những hoạt động ngoại giao mang lại hiệu quả cao nhất luôn là những hoạt động tiếp cận trực tiếp tới Quốc vương. Đối với các quốc gia theo chính thể cộng hòa tổng thống, lợi ích được quan tâm thường là lợi ích của quốc gia, của dân tộc; các kênh ngoại giao hiệu quả nhất cũng lại là những kênh tiếp cận trực tiếp tới cơ quan hành pháp. Trong khi đó, ở các quốc gia có nghị viện chiếm ưu thế thì

lợi ích của các nhóm, của các tầng lớp đôi khi lại nổi trội hơn trong các hoạt động chính trị và hoạt động ngoại giao nghị viện cũng có thể đem lại những kết quả tốt.

Thứ ba, nghiên cứu so sánh cấu trúc các vấn đề lớn được điều chỉnh trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN cho thấy hầu hết Hiến pháp các quốc gia ASEAN đều điều chỉnh về ba lĩnh vực lớn: (1) Chính sách định hướng của Nhà nước trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội; (2) Quyền và nghĩa vụ cơ bản; và (3) Tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước mà trực tiếp nhất là tổ chức bộ máy nhà nước. Có thể thấy rằng, cấu trúc này phản ánh xu hướng phát triển Hiến pháp ở các nước đang phát triển. Ở các bản Hiến pháp theo mô hình cổ điển như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, các vấn đề được quan tâm điều chỉnh thường chỉ là quyền cơ bản và tổ chức bộ máy nhà nước. Ở các nước đang phát triển, phạm vi quan tâm điều chỉnh trong Hiến pháp còn được mở rộng thêm tới việc Nhà nước cần phải vận hành theo định hướng chính sách nào khi thực hiện sự cai trị của mình đối với xã hội. Như vậy, các bản Hiến pháp của các quốc gia đang phát triển, thể hiện qua Hiến pháp các quốc gia ASEAN, có phạm vi điều chỉnh toàn diện hơn và có sự ràng buộc chặt chẽ hơn đối với việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Các cơ quan nhà nước không những chỉ được hoạt động trong phạm vi quyền hạn được Hiến pháp quy định, phải tôn trọng các quyền cơ bản hiến định mà chính sách, pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành mà còn phải tuân thủ theo những định hướng chính sách trong các lĩnh vực của đời sống xã hội đã được đặt ra trong Hiến pháp.

Thứ tư, qua so sánh Hiến pháp các quốc gia ASEAN từ các góc độ khác nhau có thể thấy, bản Hiến pháp có nét điển hình nhất là Hiến pháp của Thái Lan. Tất nhiên, đây là Hiến pháp mới được ban hành và cần có thời gian khẳng định tính hiệu quả của nó trên thực tế. Song về mặt nội dung, Hiến pháp Thái Lan quy định chi tiết, cụ thể và tương đối khoa học về các vấn đề mà nó điều chỉnh. Trong các bản Hiến pháp của những quốc gia khác trong ASEAN, chế định về chính sách định hướng của Nhà nước trong từng lĩnh vực thường bị chỉ trích là mang tính kêu gọi, cương lĩnh nhiều hơn là khả năng ràng buộc đối với các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trong Hiến pháp Thái Lan đã dành riêng một phần trước khi đi vào quy định cụ thể chính sách trong từng lĩnh vực để quy định về vai trò của các chính sách được tuyên bố trong Hiến pháp trong việc định hướng hoạt động lập pháp và hành pháp của Nhà nước. Các quy định mang nội dung tương tự như: “Khi công bố những chính sách ra Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng - cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý hành chính nhà nước - phải tuyên bố rõ về nội dung hoạt động và khung thời gian thực hiện, dự định tiến hành nhằm mục đích đạt được những nguyên tắc định hướng các chính sách nền tảng của Nhà nước và phải chuẩn bị một báo cáo đề cập các kết quả thực hiện, bao gồm cả các vấn đề phát sinh và trở ngại gặp phải trình lên Quốc hội ít nhất một lần mỗi năm”¹, như vậy là các định hướng chính sách được quy định trong Hiến

1. Điều 75 Hiến pháp Thái Lan hiện hành.

pháp không chỉ là những lời tuyên bố trên giấy mà nó có tác dụng thực sự đi vào cuộc sống thông qua các hoạt động hàng ngày của các cơ quan nhà nước. Chế định về quyền cơ bản của Hiến pháp Thái Lan cũng quy định được nhiều quyền cơ bản tiến bộ một cách chi tiết và cụ thể có thể tránh được những giải thích khác nhau về nội hàm của các quyền. Đồng thời, Hiến pháp Thái Lan còn có các quy định rất cụ thể về việc người dân có thể làm gì để thực thi các quyền cơ bản của mình một khi có dấu hiệu bị vi phạm. Đây là những quy định hết sức ưu việt vì nó đem lại tính khả thi cao cho các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp. Các quy định về tổ chức bộ máy nhà nước của Thái Lan cũng được quy định hết sức chi tiết trong Hiến pháp với hệ thống thể chế và thiết chế nhằm kiểm soát quyền lực nhà nước và chống tham nhũng khá chặt chẽ và ấn tượng. Đặc biệt, giống một số quốc gia khác, Thái Lan còn có nhiều quy định trong Hiến pháp về việc người dân được tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị của quốc gia.

Thứ năm, qua nghiên cứu so sánh trên đây cho thấy, trong cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, các quốc gia ASEAN đã khá chú trọng tới vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước. Đa số Hiến pháp các quốc gia ASEAN đều ít nhất đề cập một loại thiết chế nào đó có chức năng kiểm chế hoạt động tổ chức thực hiện của các nhánh quyền lực nhà nước truyền thống (lập pháp, hành pháp và tư pháp), bảo đảm các nhánh quyền lực này hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Có những bản Hiến pháp chỉ quy định về cơ chế bảo vệ Hiến pháp để qua đó tác động tới những

hành vi pháp lý không phù hợp với Hiến pháp của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, có khá nhiều bản Hiến pháp khác đề cập cả những cơ chế khác để kiểm soát việc thực hiện quyền lực, bảo đảm việc thực hiện quyền lực nhà nước tuân thủ pháp luật hay tuân theo những chuẩn mực luân lý nhất định. Nhìn một cách khái quát, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được quy định trong các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN khá toàn diện cả về mặt thiết chế, thủ tục và thể chế. Về mặt thể chế, Hiến pháp các quốc gia ASEAN quy định về nhiều loại hình cơ quan có chức năng liên quan tới kiểm soát quyền lực nhà nước như thiết chế bảo vệ Hiến pháp, cơ quan chống tham nhũng, cơ quan kiểm toán, cơ quan phụ trách vấn đề đề cử và nhân sự, cơ quan thanh tra nghị viện, cơ quan bảo vệ quyền con người, v.v.. Về mặt thủ tục, Hiến pháp các quốc gia ASEAN quy định các thủ tục khá cụ thể để các cơ quan có chức năng liên quan tới kiểm soát quyền lực nhà nước có thể vận hành mà không cần hoặc cần ít những quy định cụ thể thêm, ví dụ: thủ tục khởi kiện bảo hiến, thủ tục hoạt động của Ủy ban nhân sự hay Ủy ban chống tham nhũng. Điểm nổi bật nhất trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN là sự hiện diện của các quy định mang tính phòng ngừa, ngăn chặn việc lạm dụng quyền lực hoặc thực hiện quyền lực một cách không đúng đắn. Đó là những quy định liên quan tới nghĩa vụ khai báo tài sản của quan chức và việc so sánh bất buộc tài sản của quan chức có trước và sau nhiệm kỳ chức vụ; đó cũng là những quy định ràng buộc về đạo đức nghề nghiệp gắn

với chức vụ của quan chức nhà nước, v.v.. Có thể nói, xét tổng thể, nội dung về cơ chế kiểm soát quyền lực thực sự là sự phát triển của các Hiến pháp các quốc gia ASEAN so với các bản Hiến pháp cổ điển, vốn thường chỉ chú trọng quy định về các nhánh quyền lực truyền thống: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Các quốc gia ASEAN hầu hết là các quốc gia đang phát triển. Một trong những mối quan tâm hàng đầu ở những quốc gia này là ngăn chặn lạm dụng quyền lực nhà nước và chống tham nhũng. Sự xuất hiện của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong Hiến pháp, vì vậy, thể hiện sự phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các quốc gia này.

Thứ sáu, chế định quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN có sự khác biệt khá lớn, song nhìn một cách khái quát thì rất phong phú. Trong một số bản Hiến pháp, quyền cơ bản đi đôi với nghĩa vụ cơ bản. Có thể nói, ở góc nhìn tổng hợp các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN đã ghi nhận đầy đủ tất cả những quyền cơ bản ưu việt nhất theo các điều ước quốc tế hiện hành về quyền con người, kể cả các nhóm quyền mới như quyền của các cộng đồng dân cư. Ở một số Hiến pháp, ví dụ Hiến pháp Thái Lan và Philippin, không những các quyền cơ bản được quy định khá đầy đủ mà bản thân cơ chế pháp lý để người dân sử dụng bảo vệ quyền cơ bản của mình cũng được quy định rất cụ thể. Ở một số bản Hiến pháp, kỹ thuật lập hiến cũng đã được vận dụng ở trình độ cao làm cho các quy định về quyền cơ bản rõ ràng và có giá trị ràng buộc lớn đối với các cơ quan Nhà nước, ví dụ Hiến pháp Thái Lan, Philippin.

Thứ bảy, trong chín bản Hiến pháp của các quốc gia ASEAN được nghiên cứu, chế định về hệ thống Tòa án được quy định cũng rất khác nhau. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án cũng được quy định với độ nhiều, ít khác nhau trong mỗi Hiến pháp. Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia ASEAN đều nhấn mạnh tới nguyên tắc Tòa án độc lập và có một số Hiến pháp đã bước đầu quy định một số biện pháp khá thiết thực để bảo đảm tính độc lập của Tòa án, ví dụ, Hiến pháp Philíppin và Hiến pháp Thái Lan. Điều này cho thấy, khi quy định về Tòa án được quy định trong Hiến pháp thì vấn đề cốt lõi nhất luôn là tính độc lập của Tòa án; mặt khác, việc đề cập các biện pháp bảo đảm tính độc lập của Tòa án thay vì áp đặt nghĩa vụ độc lập lên Tòa án cho thấy một số Hiến pháp các quốc gia ASEAN đã bắt đầu tiệm cận với cách tiếp cận với xu hướng hiện đại của các nước công nghiệp phát triển khi quy định về tính độc lập của Tòa án.

Thứ tám, tương tự với chế định về Tòa án, chế định về chính quyền địa phương trong phần lớn các Hiến pháp các quốc gia ASEAN theo mô hình đơn nhất nói chung đã đề cập được những nội dung cơ bản và hiện đại về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Đó là tự chủ địa phương và chức năng cung cấp dịch vụ cơ bản phục vụ cho cuộc sống của người dân địa phương. Bên cạnh đó, một số bản Hiến pháp cũng đã có kỹ thuật lập hiến hiện đại, như quy định về nguyên tắc ở các cấp chính quyền tự quản thì phải có cơ quan đại diện của người dân địa phương có chức năng đưa ra các quyết định quản trị ở địa phương và một cơ quan chấp hành của cơ quan này.

Cách thức tổ chức chính quyền ở từng cấp hành chính lãnh thổ không được quy định cụ thể để tránh sự gò bó trong quá trình thực thi sau này.

II. CƠ SỞ XEM XÉT NGHIÊN CỨU CÁC KINH NGHIỆM TỐT TRONG QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

Nằm ở khu vực Đông Nam của châu Á, các quốc gia ASEAN có điều kiện địa lý, đặc điểm về nhân chủng học và tôn giáo tương đối khác nhau. Về mặt địa lý, Campuchia, Lào, Mianma, Thái Lan và Việt Nam nằm ở bán đảo Đông Dương, trong khi đó, các quốc gia còn lại tạo nên quần đảo Malaixia. Về mặt nhân chủng học, giống người sinh sống ở Việt Nam, Xingapo, Philíppin, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Brunây, Malaixia cũng có nguồn gốc khác nhau. Về tôn giáo, có thể nói rằng, khu vực Đông Nam Á là khu vực đa dạng nhất về tôn giáo trên thế giới. Trong khi ở Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam đạo Phật chiếm ưu thế thì ở Malaixia, Brunây, Indônêxia là đạo Hồi và ở Philíppin là đạo Thiên chúa. Những đặc điểm khác biệt này tạo ra sự đa dạng về văn hóa trong khối các quốc gia ASEAN. Tuy nhiên, từ góc nhìn của khoa học luật Hiến pháp, có thể thấy trong khối ASEAN có những đặc điểm chung nhất định có thể tạo cơ sở để chúng ta xem xét, nghiên cứu một số kinh nghiệm tốt trong các quy định của Hiến pháp các quốc gia ASEAN:

Thứ nhất, mặc dù có những khía cạnh văn hóa khá đa dạng và khác nhau, các quốc gia ASEAN về cơ bản vẫn có nền tảng văn hóa về chiều sâu tương đồng với nhau. Sự tương đồng này về sâu xa đến từ điều kiện khí hậu. Toàn bộ khu vực Đông Nam Á nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, mỗi năm đều có hai mùa khô và mùa mưa. Khí hậu quanh năm về tổng thể là mưa nhiều và độ ẩm cao. Điều này tác động tới đời sống dân cư nói chung và từ xa xưa đã làm hình thành trong tất cả các quốc gia ASEAN một nền văn minh lúa nước. Điều này thể hiện qua hình ảnh biểu tượng của Khối ASEAN là một bó lúa nước. Nền kinh tế của các quốc gia ASEAN từ xưa tới nay về cơ bản vẫn dựa vào nông nghiệp là chính. Cuộc sống của người dân các quốc gia ASEAN vì vậy nhìn chung, gần gũi, hòa đồng với thiên nhiên, dễ chấp nhận những giá trị tự nhiên, có xu hướng coi trọng gia đình và các giá trị cộng đồng.

Thứ hai, ngoại trừ Thái Lan, các quốc gia ASEAN còn lại, trong đó có Việt Nam, đều đã từng là những nước thuộc địa của các nước thực dân, đế quốc. Lịch sử lập hiến ở các quốc gia này ít nhiều đều gắn với quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Vấn đề độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia vì vậy, thường có một vị trí quan trọng trong Hiến pháp.

Thứ ba, mặc dù có sự đa dạng về tôn giáo trong khu vực, song có thể phân loại các quốc gia ASEAN thành những nhóm quốc gia cùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của một tôn giáo nào đó. Việt Nam giống với Thái Lan, Campuchia, Lào và Mianma đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo trong khi đó, Malaixia, Xingapo và Brunây

lại chịu ảnh hưởng của Hồi giáo Mã Lai. Sự tương đồng về tôn giáo trong các nhóm nước thường dẫn tới những đặc điểm văn hóa tương tự nhau trong từng nhóm nước đó.

Thứ tư, về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, các quốc gia ASEAN có sự tương đồng khá lớn. Mặc dù trình độ phát triển cao thấp khác nhau khá rõ ràng, song về cơ bản, các quốc gia ASEAN đều đang là những nước đang phát triển, đang xây dựng nền kinh tế thị trường và đều đang gặp phải những vấn đề xã hội tương ứng nhất định như sự phân hóa giàu nghèo, phúc lợi xã hội chưa có điều kiện để được quan tâm đầy đủ.

Thứ năm, là những nước đang phát triển, hầu hết các quốc gia ASEAN chia sẻ một số mối quan tâm lớn ở tầm vĩ mô như xây dựng Nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế, vai trò của Nhà nước trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, bảo vệ quyền con người, dân chủ hóa, chống tham nhũng, v.v..

Thứ sáu, cũng như Việt Nam, tuyệt đại đa số các quốc gia ASEAN đều nhấn mạnh và coi trọng giá trị tối cao của Hiến pháp. Các bản Hiến pháp phần lớn đều quy định về ba mảng vấn đề cơ bản và quan trọng nhất là các chính sách định hướng của Nhà nước trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản (của công dân) và tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỐT CÓ THỂ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Chính vì có những điểm tương đồng trên, cùng với

việc Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiến pháp các quốc gia ASEAN về cơ bản cùng điều chỉnh những mảng vấn đề lớn giống nhau, nên việc đặt vấn đề nghiên cứu, tham khảo một số kinh nghiệm tốt, một số hạt nhân hợp lý liên quan tới các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN để góp phần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam là vấn đề đáng được lưu tâm. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, những đề cập trên đây chỉ đủ để khẳng định một điều rằng có cơ sở để xem xét, nghiên cứu những kinh nghiệm tốt của các quốc gia ASEAN. Trong phạm vi cuốn sách này, người viết không có ý định khẳng định kinh nghiệm nào thực sự phù hợp đến đâu và mức độ tham khảo, tiếp thu như thế nào. Để có thể đi đến kết luận đó cần dựa trên những nghiên cứu khác toàn diện hơn, sâu hơn về điều kiện, hoàn cảnh văn hóa, lịch sử, chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Qua nghiên cứu so sánh Hiến pháp các quốc gia ASEAN trên đây, bước đầu có thể xem xét, nghiên cứu một số kinh nghiệm tốt trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN để tham khảo cho quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) của Việt Nam:

Thứ nhất: Cấu trúc ba vấn đề lớn được xây dựng trong phần lớn Hiến pháp các quốc gia ASEAN khẳng định rằng đây là cấu trúc của Hiến pháp hiện đại, phù hợp với các quốc gia đang phát triển. Kể từ năm 1959, các bản Hiến pháp của Việt Nam cũng đều đề cập ba vấn đề lớn là: các chế độ, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân

và tổ chức bộ máy nhà nước. Như vậy là Hiến pháp Việt Nam, mà cụ thể là Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) hiện hành có cấu trúc không những phù hợp cấu trúc của một bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa mà còn phù hợp với xu hướng hiện đại trong bối cảnh của một nước đang phát triển.

Tuy nhiên, điều nên lưu ý nằm ở nhận thức về vai trò của việc điều chỉnh từng vấn đề lớn đó trong Hiến pháp cũng như cách thức quy định từng vấn đề này. Cụ thể, các nội dung liên quan đến vấn đề thứ nhất (các chế độ) và vấn đề thứ hai (quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) không nên chỉ mang tính chất *ghi nhận thành quả* của cách mạng mà cần phải được quy định để vừa mang tính ghi nhận thành quả cách mạng, vừa mang tính *pháp lý* và *bảo đảm sự thực thi*. Trong Hiến pháp một số quốc gia ASEAN như Thái Lan và Xingapo, phần các quy định về chính sách của Nhà nước trong các lĩnh vực được xác định rõ ràng là những chính sách định hướng mà Nhà nước phải tuân thủ, có giá trị ràng buộc đối với các cơ quan Nhà nước khi ban hành chính sách của mình. Trong hầu hết Hiến pháp các quốc gia ASEAN, các quy định về quyền cơ bản đều mang tính chất ràng buộc đối với các cơ quan nhà nước theo nghĩa đó là các nghĩa vụ tương ứng của các cơ quan nhà nước. Đây là những đặc điểm tích cực và có thể tham khảo. Bởi vì, các chế độ quy định trong Hiến pháp năm 1992 trong các lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ khó có ý nghĩa, ngay cả khi chỉ xem nó như là sự ghi nhận thành quả, nếu như không quan tâm tới việc nó được thực thi như thế nào trong thực tế. Lập luận tương

tự cũng phù hợp với chế định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Chính vì vậy, cách thức quy định đối với hai vấn đề này cũng cần mang tính quy phạm nhiều hơn để có tính ràng buộc và có giá trị thực thi cao hơn đối với các cơ quan nhà nước.

Thứ hai: Như trên đã phân tích, đề cập, sự đa dạng trong việc áp dụng các hình thức chính thể là một đặc điểm nổi bật trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN. Về mặt nguyên tắc, Hiến pháp các quốc gia ASEAN được nghiên cứu tại cuốn sách đều áp dụng học thuyết phân chia quyền lực nhà nước ở mức độ này hay mức độ khác và điều đó được thể hiện qua các hình thức chính thể đa dạng được áp dụng ở các quốc gia trong khối. Điểm đặc biệt là ngay cả khi áp dụng cùng một hình thức chính thể thì phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của từng nhánh quyền lực nhà nước ở một số Hiến pháp cũng có sự khác biệt đáng kể. Campuchia và Thái Lan đều áp dụng chính thể quân chủ lập hiến. Song, Quốc vương Thái Lan có khá nhiều quyền hạn thực chất trong khi đó Quốc vương Campuchia lại chỉ có thể “trị vì” mà không “cai trị” và chỉ có các quyền hạn mang tính thủ tục. Sự gia tăng vai trò thực chất của Quốc vương Thái Lan là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của quốc gia này bởi vì, nó tạo ra một cơ chế giải quyết có thể tin tưởng được khi xảy ra bế tắc chính trị. Tương tự như vậy, Indônêxia và Philíppin đều theo chính thể cộng hòa tổng thống, song Tổng thống Indônêxia có phạm vi quyền hạn rộng hơn khá nhiều so với người đồng nhiệm Philíppin. Quyền hạn được tăng cường của Tổng thống Indônêxia cũng có thể được coi là

phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của quốc gia này. Bởi vì, nó tạo ra sự tập trung quyền lực nhất định bảo đảm điều hành một quốc gia quần đảo một cách hiệu quả. Ở một khía cạnh khác, Xingapo theo chính thể cộng hòa lưỡng tính về mặt hình thức song trên thực tế Chính phủ chứ không phải Tổng thống là người chi phối quyền hành pháp.

Trên đây là những minh họa điển hình cho thấy sự áp dụng một cách linh hoạt các yếu tố tích cực và phù hợp của học thuyết tam quyền phân lập vào tổ chức bộ máy nhà nước các quốc gia ASEAN. Dường như không có sự sao chép máy móc y nguyên một mô hình chính thể truyền thống nào đó, có nghĩa rằng, không phải là cứ mô hình cộng hòa tổng thống là phải giống với Hoa Kỳ, cộng hòa lưỡng tính là phải giống Pháp hay quân chủ lập hiến là nhà vua chỉ được giữ vai trò tượng trưng. Đương nhiên, cho dù có sự khác nhau nhất định thì tổ chức bộ máy nhà nước thuộc cùng một hình thức chính thể bao giờ cũng mang nét đặc trưng cơ bản nhất của hình thức chính thể đó. Kinh nghiệm có thể tham khảo ở đây là khi thiết kế tổ chức bộ máy nhà nước ở các quốc gia đang phát triển, hoàn toàn có thể áp dụng thích hợp các học thuyết một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng quốc gia mà không nhất nhất bị gò bó bởi nội hàm truyền thống của một khái niệm nào đó.

Thứ ba: Như trên đã phân tích, một trong những đặc điểm nổi bật trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN được so sánh ở đây là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước khá toàn diện. Cơ chế đó bao gồm từ thiết chế bảo vệ

Hiến pháp, các thiết chế hiến định độc lập và các quy định nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền hay sử dụng quyền lực không đúng mục đích. Có thể nói, hầu hết các quốc gia ASEAN đều có nhu cầu chống tham nhũng và ngăn ngừa lạm quyền rất lớn nên trong bộ máy nhà nước của họ mới hình thành nên cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước toàn diện đến như vậy. Các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước dường như đã tạo thành “một nhánh quyền lực độc lập” trong bộ máy nhà nước, là đối trọng với các nhánh quyền lực truyền thống. Kinh nghiệm có thể tham khảo ở đây là cách tiếp cận hệ thống đối với vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước. Kiểm soát quyền lực nhà nước phải được bắt đầu từ những thiết chế nhà nước độc lập, được trao quyền hạn đủ lớn và phù hợp để thực hiện chức năng của chúng một cách hiệu quả. Cũng không cần phải có một cơ quan duy nhất để kiểm soát quyền lực nhà nước của tất cả các nhánh quyền lực nhà nước khác bởi lẽ, cấu trúc như vậy sẽ dẫn dắt vấn đề vào chỗ tranh cãi không dứt về việc ai sẽ là người có quyền kiểm soát cuối cùng. Trên thực tế, có thể hình thành một vài thiết chế hiến định độc lập để phụ trách một số mảng công việc nào đó nhằm mục đích trực tiếp hoặc gián tiếp bảo đảm quyền lực nhà nước không bị tha hóa. Mô hình các thiết chế Hiến pháp độc lập như Ủy ban chống tham nhũng, Ủy ban nhân sự, Ủy ban bầu cử, Thanh tra Nghị viện, thiết chế bảo hiến ở Hiến pháp các quốc gia ASEAN rất đáng được tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ tư: Trong các quốc gia ASEAN, một số quốc gia áp dụng các hình thức chính thể, trong đó vai trò truyền thống của nguyên thủ quốc gia chỉ mang tính hình thức như Campuchia, Thái Lan, Lào, Xingapo. Tuy nhiên, ở Thái Lan, Lào và Xingapo, vị trí, vai trò của nguyên thủ quốc gia đã có một số sự thay đổi nhất định. Như đã đề cập, ở Thái Lan, Quốc vương không còn chỉ giữ vai trò biểu tượng mà đã có những quyền hạn thực chất như quyền giải tán Nghị viện hay phủ quyết các đạo luật mà Nghị viện đã thông qua. Quốc vương Thái Lan cũng là người bảo đảm sự độc lập của các Thẩm phán. Ở Xingapo, tuy Chính phủ mới thực sự là người điều hành đất nước, song Tổng thống lại có một số quyền kiểm tra nhất định đối với Chính phủ và Nghị viện trong lĩnh vực sử dụng nguồn dự trữ quốc gia, bảo đảm Chính phủ không lạm tiêu vào phần tích lũy từ những năm trước. Ở Lào, bộ máy nhà nước được tổ chức theo chính thể cộng hòa đại nghị (kiểu xã hội chủ nghĩa), Chủ tịch nước do Quốc hội bầu. Song, Chủ tịch nước không chỉ thực hiện những quyền mang tính lễ nghi mà còn có quyền phủ quyết đối với những đạo luật được Quốc hội thông qua, có quyền triệu tập và chủ tọa các phiên họp đặc biệt của Chính phủ. Như vậy là, bên cạnh vai trò mang tính lễ nghi truyền thống thì nguyên thủ quốc gia của các quốc gia nói trên đã có thêm vai trò đáng kể trong lĩnh vực kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm quyền lực nhà nước được thực hiện một cách đúng đắn. Đây là một xu hướng và đáng tham khảo trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN.

Thứ năm: Hiến pháp Thái Lan có những quy định khá thiết thực cho phép người dân tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị. Ví dụ, Hiến pháp Thái Lan quy định nhóm công dân đạt được số lượng nhất định có quyền sáng kiến lập pháp, quyền khởi kiện một vụ việc chống tham nhũng chống lại một quan chức nào đó hay quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bãi nhiệm những chức vụ cao nhất của Nhà nước như Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chánh án Tòa án tối cao, v.v.. Hiến pháp Việt Nam đã quy định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và đặc biệt là những định hướng của Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ XI đã có những bổ sung quan trọng về vấn đề này khi nêu rõ: “Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp...”¹. Những quy định trao quyền cho người dân trực tiếp tham gia vào chính trị của Hiến pháp Thái Lan cũng cần được nghiên cứu, xem xét, tham khảo trong việc phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 52.

dân chủ, công bằng, văn minh, và trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hiện hành.

Thứ sáu: Không phải Hiến pháp nào của các quốc gia ASEAN khi đề cập chính quyền địa phương cũng đều quy định chi tiết về các cấp hành chính lãnh thổ cũng như cơ cấu tổ chức chính quyền ở mỗi cấp. Trong khi đó, hầu hết các Hiến pháp các quốc gia ASEAN có quy định về chính quyền địa phương đều quy định về tự quản địa phương và trách nhiệm đáp ứng các nhu cầu dịch vụ cơ bản của người dân địa phương. Bên cạnh đó, liên quan tới tổ chức chính quyền ở mỗi cấp, một số bản Hiến pháp chỉ quy định về nguyên tắc rằng các quyết định của chính quyền tự quản địa phương phải thuộc thẩm quyền của một cơ quan đại diện và phải được thực thi bởi một cơ quan chấp hành của cơ quan đại diện này. Đây cũng là xu hướng hiện đại trong quy định về chính quyền địa phương trong các bản Hiến pháp và đáng được xem xét, tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam. Cách thức quy định như vậy cho phép xác định chính xác vai trò của chính quyền địa phương một cách đúng đắn, đồng thời, tạo sự linh hoạt trong quy định về tổ chức chính quyền ở từng cấp.

Thứ bảy: Hầu hết Hiến pháp các quốc gia ASEAN khi quy định về hệ thống Tòa án đều nhấn mạnh tới nguyên tắc Tòa án độc lập. Một số bản Hiến pháp như Hiến pháp Thái Lan, Xingapo, Philippin còn quy định về một số biện pháp khá thiết thực nhằm bảo đảm tính độc lập của Tòa án và Thẩm phán. Hiến pháp Philippin quy định ngân sách của hệ thống Tòa án do Tòa án tối cao quyết

định và được giải ngân tự động; lương của các Thẩm phán không bị giảm trong suốt nhiệm kỳ; các Thẩm phán đều có nhiệm kỳ suốt đời cho đến năm 70 tuổi; và các Thẩm phán chỉ có thể bị bãi nhiệm bởi một hội đồng gồm các thành viên là Thẩm phán đồng nghiệp. Theo Hiến pháp Xingapo, Thẩm phán cũng có nhiệm kỳ suốt đời cho đến độ tuổi về hưu là 65 tuổi. Trong suốt quá trình đó, Thẩm phán Xingapo cũng không thể bị cách chức theo con đường hành chính. Để cách chức một Thẩm phán Xingapo bắt buộc phải theo thủ tục tư pháp tại một Tòa án riêng. Cả lương khi đang làm việc và lương hưu của Thẩm phán Xingapo không thể bị giảm theo hướng bất lợi hơn kể từ khi Thẩm phán được bổ nhiệm. Để bảo đảm tính độc lập của các Thẩm phán Tòa án tối cao Xingapo, ngay cả Nghị viện Xingapo cũng không có quyền bàn luận gì về tư cách đạo đức của Thẩm phán Tòa án tối cao trừ khi có một bản kiến nghị riêng biệt của không ít hơn một phần tư tổng số nghị sĩ. Để bảo đảm tính độc lập của các Thẩm phán Thái Lan, Hiến pháp Thái Lan quy định các Thẩm phán không được nắm giữ các chức vụ chính trị; không được phép chuyển Thẩm phán mà không có sự đồng thuận trước của Thẩm phán đó trừ các trường hợp chuyển chuyển có thời hạn hay bị kỷ luật; không được thành lập các Tòa án đặc biệt chỉ để xét xử những vụ việc cụ thể đã xảy ra; các Thẩm phán do Quốc vương bổ nhiệm và cách chức; tiền lương, tiền công của Thẩm phán áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương riêng độc lập với khối hành chính. Như vậy, nhận thức về nguyên tắc Tòa án độc lập ở Hiến pháp các quốc gia ASEAN đã bắt đầu theo

xu hướng hiện đại của thế giới. Mặc dù, các biện pháp bảo đảm cụ thể thì có thể được áp dụng một cách thích hợp tùy vào quan niệm và điều kiện hoàn cảnh của từng quốc gia; song quan điểm coi độc lập của Tòa án là một quyền thay vì là nghĩa vụ của Tòa án, Thẩm phán và sự chú trọng tới các biện pháp bảo đảm cho quyền này của Tòa án, Thẩm phán là một vấn đề nên được tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam.

Thứ tám: Về mặt kỹ thuật lập hiến và lập pháp, một số Hiến pháp các quốc gia ASEAN cũng có những kinh nghiệm đáng tham khảo. Trong đa số các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN có phần quy định các điều khoản chuyển tiếp. Mỗi khi Hiến pháp được sửa đổi, bổ sung, đương nhiên sẽ có các quy phạm mới được ban hành và một số quy phạm cũ bị mất hiệu lực. Đôi khi, cần phải có thời gian để các quan hệ xã hội vận động theo các quy định mới. Các điều khoản chuyển tiếp sẽ quy định quá trình thích ứng với các quy định mới đó. Cách làm ở Việt Nam từ trước đến nay là ban hành Nghị quyết về việc thực hiện Hiến pháp sửa đổi, bổ sung. Nghị quyết này được ban hành theo thủ tục thông thường, song lại có tác động tới tính hiệu lực của các quy định của Hiến pháp. Nếu đưa một nội dung về các điều khoản chuyển tiếp vào Hiến pháp sửa đổi, bổ sung thay cho Nghị quyết về việc thi hành Hiến pháp sửa đổi, bổ sung thì có thể sẽ làm hiệu lực tối cao của Hiến pháp cũng như tính khoa học trong việc thực thi Hiến pháp sẽ có thể được bảo đảm hơn.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chương I</i>	
KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA HIẾN PHÁP HIỆN HÀNH CÁC QUỐC GIA ASEAN	7
I. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Vương quốc Hồi giáo Brunây (Negara Brunây Darussalam)	7
II. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Vương quốc Campuchia	11
III. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia hiện hành	16
IV. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời Hiến pháp hiện hành Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	21
V. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Liên bang Malaixia	25
VI. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Liên bang Mianma	28
VII. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Cộng hòa Philíppin	31
VIII. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành của Cộng hòa Xingapo	34
IX. Khái quát về đất nước và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp hiện hành Vương quốc Thái Lan	37
<i>Chương II</i>	
HÌNH THỨC, CẤU TRÚC NỘI DUNG, TÍNH HIỆU LỰC VÀ THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN	41
I. Hình thức và cấu trúc nội dung của Hiến pháp các quốc gia ASEAN	41

1. Về hình thức của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN	41
2. Về cấu trúc, mức độ chi tiết và kỹ thuật hợp nhất các điều khoản của các bản Hiến pháp các quốc gia ASEAN	45
II. Quy định về tính hiệu lực và thủ tục sửa đổi Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	48
1. Quy định về tính hiệu lực của Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	48
2. Quy định về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	55
3. Nhận xét về các quy định về tính hiệu lực và thủ tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp các quốc gia ASEAN	70
<i>Chương III</i>	
LỜI NÓI ĐẦU VÀ CÁC CHẾ ĐỘ NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN	73
I. Lời nói đầu trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	73
1. Các Hiến pháp không có Lời nói đầu - Hiến pháp Malaixia và Hiến pháp Xingapo	73
2. Các Hiến pháp có Lời nói đầu ngắn gọn - Hiến pháp Philippin, Brunây, Campuchia và Indônêxia	74
3. Các Hiến pháp có Lời nói đầu dài hơn - Hiến pháp Lào, Mianma và Thái Lan	77
4. Nhận xét về Lời nói đầu trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	84
II. Các chế độ nhà nước theo quy định của Hiến pháp các quốc gia ASEAN	86
1. Các Hiến pháp không có quy định về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Brunây, Malaixia và Xingapo	87
2. Các Hiến pháp có quy định ít chi tiết, cụ thể về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Campuchia và Indônêxia	89

- | | |
|---|-----|
| 3. Các Hiến pháp có quy định chi tiết, cụ thể về các chế độ nhà nước - Hiến pháp Lào, Mianma, Philippin và Thái Lan | 98 |
| 4. Một số nhận xét về các chế độ nhà nước theo quy định của Hiến pháp các quốc gia ASEAN | 137 |

Chương IV

CHẾ ĐỊNH QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN 141

- | | |
|--|-----|
| I. Các quy định về quyền cơ bản trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN | 141 |
| 1. Khái niệm và phân loại quyền cơ bản | 141 |
| 2. Các quy định chung về quyền cơ bản của công dân | 144 |
| 3. Các quyền tự do và bất khả xâm phạm | 148 |
| 4. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị | 157 |
| 5. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực áp dụng pháp luật và thi hành công lý | 165 |
| 6. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - xã hội | 167 |
| 7. Các quyền cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ | 175 |
| 8. Các quyền của cộng đồng dân cư | 178 |
| 9. Một số nhận xét về chế định quyền cơ bản trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN | 180 |
| II. Các quy định về nghĩa vụ cơ bản trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN | 182 |

Chương V

CHÍNH THỂ VÀ SỰ THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC TAM QUYỀN PHÂN LẬP TRONG TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CÁC QUỐC GIA ASEAN 186

- | | |
|---|-----|
| I. Phân loại chính thể và sự đề cập nguyên tắc tam quyền phân lập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN | 186 |
| 1. Phân loại chính thể các quốc gia ASEAN | 186 |

2. Sự đề cập nguyên tắc tam quyền phân lập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	189
II. Chính thể quân chủ trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	192
1. Hiến pháp Negara Brunây Darusalam và chính thể quân chủ chuyên chế Hồi giáo	192
2. Hiến pháp Campuchia, Thái Lan và chính thể quân chủ lập hiến	198
3. Hiến pháp Malaixia và chính thể quân chủ Hồi giáo lập hiến	236
III. Chính thể cộng hòa trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	245
1. Hiến pháp Xingapo và chính thể cộng hòa lưỡng tính hình thức	246
2. Hiến pháp Cộng hòa Indônêxia, Philíppin và chính thể cộng hòa tổng thống	261
3. Hiến pháp Lào và chính thể cộng hòa đại nghị	276
4. Hiến pháp Mianma và chính thể cộng hòa đại nghị hình thức, chính thể tổng thống - quân đội chế thực chất	289

Chương VI

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

I. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	307
II. Các thiết chế hiến định độc lập nhằm kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	326
1. Ủy ban bầu cử trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	328
2. Ủy ban Công vụ trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	334
3. Cơ quan kiểm toán độc lập trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	340
4. Thanh tra Nghị viện	345

5. Ủy ban quyền con người	348
6. Ủy ban chống tham nhũng quốc gia của Thái Lan	351
III. Bảo đảm trách nhiệm của người nắm giữ, thực hiện quyền lực nhà nước trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN	354

Chương VII

CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN 360

I. Chính quyền địa phương trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN theo mô hình Liên bang	360
II. Chính quyền địa phương trong Hiến pháp các quốc gia ASEAN theo mô hình đơn nhất	364

Chương VIII

MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM CÓ THỂ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM 376

I. Một số nhận xét chung về Hiến pháp các quốc gia ASEAN	376
II. Cơ sở xem xét nghiên cứu các kinh nghiệm tốt trong quy định của Hiến pháp các quốc gia ASEAN	386
III. Một số kinh nghiệm tốt có thể tham khảo đối với Việt Nam	388

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Hội đồng Lý luận Trung ương

- ◆ **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN MỚI ĐẶT RA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY**
(Sách tham khảo)

GS.TSKH. Đào Trí Úc (Chủ biên)

- ◆ **CƠ CHẾ GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

TS. Đặng Xuân Phương

- ◆ **HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ TRONG QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

ISBN: 978-604-57-0182-9



9 786045 701829



8935211121836

Giá: 65.000đ

